

Chương III

NHỮNG

PHƯƠNG THỨC NỘI TÂM ĐỀ NGHỊ

ĐỂ TRỞ NÊN

NGƯỜI SAMARITANÔ NHÂN HẬU

CỦA THIÊN NIÊN KỶ THỨ BA.

1.

Muốn nên thánh -

"Vouloir c ' est pouvoir"

*" CÁC NGƯỜI HÃY NÊN THÁNH,
VÌ TA LÀ Đấng THÁNH,
LÀ THIÊN CHÚA CÁC NGƯỜI"
(Lv 19:2b)*

Thánh Kinh hướng chúng ta về với bản tính cao vời của Thiên Chúa: "*Thiên Chúa là Đấng Thánh*" (Lv 19:2b); "*Thiên Chúa là Đấng thương xót và nhân ái*" (Tv 102:8a); "*Đền thờ của Thiên Chúa là thánh*" (I Cr 3:17); "*Anh em hãy nên hoàn thiện như Cha của anh em, Đấng ngự trên trời là Đấng hoàn thiện*" (Mt 5:48).

Thiết tưởng chúng ta nên dành một phút để nói qua về chữ "thánh". Văn hóa Hy Lạp và văn hóa Việt nam thường gọi các bậc anh hùng là "Đức thánh", chẳng hạn như "*Đức thánh Trần-Hung-Đạo*". Văn thánh miếu là nơi thờ Đức Khổng Tử. Chế độ phong kiến ngày xưa cho vua là "*con Trời*" (*Thiên-tử*), nên cũng hay dùng chữ "*thánh*" để ám chỉ vua: "*thánh-chỉ*" là lệnh của vua. Trong Cựu ước, nguyên lai chữ "*thánh*" chỉ có nghĩa là "*trong sạch*", "*không ô uế*". Khi nói rằng các vị tư tế phải thánh-thiện, là có ý nói rằng, khi tế lễ, các ngài phải tắm rửa sạch sẽ (Nhà Vua nước ta khi tế Trời ở đàn Nam-Giao cũng phải giữ chay tịnh ba ngày trước khi cử hành những nghi thức rất phức tạp). Dần dà về sau, chữ "*thánh*" được hiểu theo nghĩa "*trong sạch*" về mặt tinh thần, có nhiều đức độ, đáng nêu gương, như các thánh trong đạo chúng ta vẫn tôn kính.

Đức Maria trong Kinh Ngợi khen Magnificat đã gọi Thiên Chúa là Thánh: *Et sanctum Nomen Ejus* (và *Danh Ngài là Thánh*). Chỉ có mình Thiên Chúa là Thánh theo nghĩa tuyệt đối. Nơi Thiên Chúa là Đấng vừa hiện diện vừa khuyết diện trong Đền thờ Yêrusalem, được gọi là nơi cực thánh, chỉ có Thầy Cả Thượng phẩm mới được phép đặt chân đến. Chúng ta hẳn còn nhớ trình thuật Đức Ya-vê phán bảo Mô-i-sen phải cởi dép ra mới có thể đến gần bụi gai đang bốc cháy và tỏa sáng, vì đó là nơi thánh, nơi Thiên Chúa hiện diện. Khi Môisen lên Núi thánh để đón nhận "*thánh-chỉ*" của Thiên Chúa được khắc vào (hai) tấm bia, Ông đã thực sự tiếp xúc với Ya-vê Thiên Chúa; lúc ấy, diện mạo Ông phản chiếu ánh quang của Đấng

Thánh, đã trở nên sáng láng rực rỡ, đến nỗi ngay sau đó, dân chúng không dám nhìn Ông vì sợ hãi...

Hiểu được một chút ý nghĩa của sự thánh thiện của Thiên Chúa cao cả như thế, loài người quả đâu dám mơ tưởng làm thánh, vì nghĩ phận mình dân đen, theo nghĩa nào đó, chỉ như chú ếch kia ngồi đáy giếng nhìn lên cung trăng nào dám lấy Chị Hằng Nga!...

Nhưng thật phúc cho chúng ta, Chúa đã xuống thế làm người để hóa phép, biến "chú ếch xấu xí" thành "*hoàng tử*", "*Thiên tử*". Thật vậy, tuy luôn mang nặng trong mình bao nhiêu thèm khát xấu xa, bao nhiêu lòng dục, nhiều khi thật đê tiện, nhưng Thiên Chúa đã "ngiên mình nhìn xuống đáy giếng", vực chúng ta lên, lấy lòng "*nhân ái và thương xót*" cốt để làm cho chúng ta từ từ nên giống như Người là Đấng Thánh.

Quả vậy, chúng ta được gọi là người Kitô hữu, là "*người có Chúa Kitô ở trong mình*", hơn thế nữa, là người đang trở thành, hay "*đang cố gắng trở thành một Kitô khác*", mà Thiên Chúa là Đấng thánh, nên, nói khác đi, chúng ta đang được làm cho trở nên thần thánh, do việc Thiên Chúa cho chúng ta ngày ngày tham dự vào thần tính và sự sống thần linh của Người. Nói như thế không có nghĩa là chúng ta có quyền "vênh vang tự đắc" rằng chúng ta sắp là "đấng thánh" đến nơi rồi. Nhưng chúng ta dám nói như thế, vì Thiên Chúa kêu gọi chúng ta nên thánh, nên trọn lành, nên như Thiên Chúa là Đấng trọn lành, nên hoàn hảo như Cha chúng ta trên trời, vì Người là Đấng toàn hảo, nên một vị thánh. Tiếng Việt và tiếng Hoa

đều gọi "vị thánh"(saint) là "thánh-nhân". Nói khác đi, Thiên Chúa không những "cho phép" chúng ta, mà còn "khao khát" muốn chúng ta nên giống như Người.

Vậy việc của chúng ta là phải khao khát nên thánh như Thiên Chúa khao khát. Nói nôm na, muốn trở thành thánh, trước hết, chúng ta phải **"muốn"** làm thánh. Người Pháp có câu: **"VOULOIR C'EST POUVOIR"** - **"MUỐN LÀ ĐƯỢC"**. Các Vị thánh đều là những "người muốn làm thánh". Tôi nhớ ít nhất có hai Vị thánh, đã **muốn làm đại thánh**, và ước mong đã trở thành hiện thực, đó là thánh Têrêxa Hài đồng Yêsu và thánh Maximilien Maria Kolbe.

Làm thánh thật không dễ, nhưng nếu chúng ta **muốn**, thì với ơn Chúa, ắt sẽ **được**. Chúa chỉ cần ý chí, sự quyết tâm và nỗ lực của chúng ta, phần còn lại Người sẽ thực hiện. Làm thánh không đơn giản, nhưng luật làm thánh thật giản đơn: **Luật yêu thương** chính là **luật để làm thánh**. Chẳng có thánh nhân nào **"cù lần"** trong việc yêu thương cả. Tất cả các ngài đều là những người **"văn minh trong tình yêu"**.

Bụi gai chúng ta vừa nhắc lại ở trên, là một chất thể. "Nơi chất thể" ấy đã trở thành **"nơi thánh"** để Thiên Chúa gặp gỡ dân của Người qua trung gian Môisen. Ngày nay, Thiên Chúa gặp gỡ con người cũng trong một nơi "chất thể", đó chính là **"thân xác của chúng ta"**. Thánh Phaolô đã đi từ loại chất thể này, thân xác con người, để khai triển tư tưởng của mình về bản tính Thiên Chúa, và về bài học yêu thương:

"Anh em thân mến, anh em không biết anh em là đền thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao? Nếu ai xúc phạm đến đền thờ của Thiên Chúa, thì Thiên Chúa sẽ huỷ diệt người ấy, vì đền thờ Thiên Chúa là thánh mà chính anh em là đền thờ ấy" (I Cr 3, 16-17).

Trong Phúc âm, Chúa Yêsu quảng diễn một cách cụ thể và thực tế về luật yêu thương này. Qua đó, Ngài đối chiếu những điều luật được quy định trong Cựu ước với "giới răn mới" của Ngài. Ngài nhấn mạnh đến những thực hành tối đa của tình yêu thương con người dành cho nhau. Nói chung, những lời quảng diễn của Ngài đã thực sự là những thực hành cụ thể rồi, chúng ta không cần thiết lắm để đưa ra ở đây những thực hành cụ thể nào hơn thế nữa.

Thánh Phaolô gián tiếp cho rằng, những người sống theo thánh chỉ và tư tưởng của Thiên Chúa là những người diên đại trước mặt thế gian, nhưng đây chính là sự khôn ngoan trước mặt của Thiên Chúa. Sự diên đại của Thiên Chúa đi ngược với sự khôn ngoan của con người. Và thánh tông đồ xác định rằng, *"Chúa biết tư tưởng của những người khôn ngoan (thế gian) là hão huyền"*, vì thế gian không thuộc về Thiên Chúa, còn những người diên đại, con cái Thiên Chúa, là những người *"thuộc về Đức Kitô, và Đức Kitô thuộc về Thiên Chúa"*.

Qua bí tích rửa tội, chúng ta trở thành con cái Thiên Chúa. Lời mời gọi nên thánh của Thầy Chí Thánh của chúng ta cần phải được nhắc nhở không ngừng trong tâm hồn và trong ý chí chúng ta trước ngưỡng cửa của năm 2000. Thiết tưởng, đây là điều đầu tiên chúng ta cần phải có, cần phải định tâm, nếu chúng ta muốn

trở nên người Samaritanô nhân hậu của thiên niên kỷ thứ ba này, bởi lẽ, hành vi báỉ ái đích thực chỉ phát xuất từ con người thánh thiện thực sự. Chúng ta xin Chúa cho chúng ta luôn biết "muốn" để "được" - "VOULOIR C'EST POUVOIR".

LỜI NGUYỆN

Lạy Mẹ Maria, Thánh Mẫu của Thiên Chúa, chúng con xin được cùng với Giáo hội tuyên xưng Mẹ là Đấng 'Tuyệt mỹ', vì Thiên Chúa đã trang điểm cho Mẹ chính sự thánh thiện của Người. Mẹ đã trở thành phản ảnh trung thực nhất của sự thánh thiện ngời sáng của Người. Chúng con ước muốn được sống gần bên Mẹ, để được đón nhận sự thánh thiện của Thiên Chúa qua phản ảnh của Mẹ. Lạy Mẹ Rất thánh, như thánh Maximilien Kolbe, chúng con tin rằng, không một thánh nhân nào đã làm thánh mà không do bàn tay của Mẹ chăm lo. Nay, chúng con, một lần nữa, xin phó thác bản thân chúng con với tất cả yếu đuối con người của nó, cùng với ơn gọi Thiên Chúa dành riêng cho chúng con, ơn gọi đòi hỏi chúng con phải nên thực sự nên thánh, để xin Mẹ lo lắng cho chúng con ngày càng nên thánh thiện như Cha chúng con trên trời hơn, qua việc dạy cho chúng con nhất mực sống 'giới răn mới' của Chúa Giêsu Con Mẹ.

2.

Chấp nhận vào qua cửa hẹp

'HÃY CỐ GẮNG VÀO QUA CỬA HẸP'

(Lc 13:24)

Chúa Yêsu nói điều này cho tất cả mọi môn đệ của Người, những người bước theo chân Người và mong muốn được đón nhận ơn cứu độ, để trả lời cho họ vấn nạn “*Lạy Thầy, phải chăng chỉ có một số ít người sẽ được cứu độ?*” Trong vấn đề này, không những những người đồng thời với Đức Yêsu mà còn những người thời nay, hay ngay cả có thể đối với chúng ta cũng đặt ra nữa.

Câu trả lời của Đức Yêsu làm chúng ta vẫn còn thắc mắc, vì Người không nói thẳng “yes” hay “no”. Người chỉ nói rằng: “*Các người hãy cố gắng vào qua cửa hẹp,*

vì Ta bảo các người biết: nhiều người sẽ tìm vào mà không vào được...” Chúng ta nghĩ sao: (1) Chỉ có một số ít người được cứu độ, hay tất cả mọi người sẽ được cứu độ? (2) Ngòai Giáo hội không có ơn cứu độ sao ?

Cả hai vấn nạn trên cũng đồng thời là hai câu hỏi mà một người giáo dân, nhà báo Vittorio Messori, phỏng vấn Đức Gioan Phaolô II nhân dịp kỷ niệm 15 năm Ngài đăng quang Giáo Hoàng (x. “Bước qua ngưỡng cửa hy vọng”, trang 90-97; 149-155).

Nếu ơn gọi làm môn đệ Đức Yêsu - ơn gọi phổ quát - là một sự tuyển chọn của Thiên Chúa trong nhân loại để họ bước đi trong “con đường hẹp” của Tin Mừng, hầu đón nhận được ơn cứu độ, thì có thể nói, sự tuyển chọn những thành phần ưu tuyển trong dân Chúa là sự tuyển chọn đặc biệt nhất vì phần rỗi của họ. Cũng vì sự tuyển chọn đặc biệt nhất này mà, có thể nói, họ được mời gọi đi vào “con đường hẹp nhất” của Tin Mừng.

Thật vậy, nói đến đời sống tu trì, người ta không thể không nói đến đời sống hãm mình, ép xác, hy sinh, chịu đựng... mà các nhà tu đức gọi tắt một lời là “khổ chế”, hay “khổ siêu”. Ngay cả những người tu hành sống giữa một xã hội văn minh giàu có vật chất, lương thực thừa thãi, họ vẫn phải sống một đời sống khổ chế như lý tưởng họ đòi hỏi.

Nói như thế không có nghĩa là những người giáo dân không phải sống khổ chế. Không, họ vẫn phải

“vào qua cửa hẹp”, nghĩa là phải sống một đời sống khổ chế. Nếu đi hành hương Mễ-du bên Nam tư, người ta sẽ chứng kiến bao nhiêu người sống tinh thần ăn chay, đền tội: Những ngày ăn chay, họ chỉ dùng bánh mì và nước lạnh. Tôi đã gặp những người giáo dân đã “khẩn” ăn chay mỗi thứ sáu và thứ bảy đầu tháng, hoặc ăn chay kiêng thịt một tuần hai ngày,... Đôi khi đó có thể là những “tâm tình bình dân” cần được hướng dẫn thêm, nhưng, tự bản chất, thánh Gioan Thánh giá nói, cách chung, tinh thần khổ chế là phương tiện dẫn chúng ta tiến lên đỉnh núi của sự hoàn thiện, để ở đó, chúng ta đón nhận ơn cứu độ.

Một người giáo dân không hiểu biết bao nhiêu về khổ chế sẽ có thể than phiền về những khổ chế đúng mức của đời sống dòng tu. Có những cha mẹ có con đi tu thấy con mình ăn và mặc “quá khổ sở”, nên đã “kéo” con về nhà, vì họ “không được kêu gọi” để hiểu được những “sự điên rồ của thập giá” trong khuôn khổ một dòng tu. Ngay cả một đệ tử, một tập sinh trong những bước chập chững cũng có thể “than phiền” về “cách sống khổ chế đúng tiêu chuẩn” của đời tu, vì chưa thấy được kích thích của cánh “cửa hẹp” mình đang cố “vào qua”, thậm chí có khi còn cho rằng “các dòng khác trên thế giới đâu có khổ chế như thế này!” - Nhưng kỳ thực, mặc dù mức độ và cách thức khổ chế mỗi dòng có thể mỗi khác, nhưng điều chắc chắn là đặc tính của đời tu là khổ chế. Có một lần tôi đi thăm một nhà dòng nữ ở Hoa kỳ, và được mời dùng cơm

trưa. Hôm đó nhằm ngày thứ sáu mùa chay: thú thật, dòng tôi chưa bao giờ “ăn chay kham khổ” như thế: Chỉ có cơm với mấy con cá liệt khô nằm chèo queo...

Đeo đuổi con đường tu, “*con đường hẹp nhất của Tin Mừng*”, bắt buộc người tu sĩ phải chấp nhận và thực tập sống khổ siêu. Thật là tiếc khi những người có trách nhiệm trong dòng không chỉ dạy cho thành viên hay ứng sinh của mình biết rõ ý nghĩa và mục đích của nếp sống khổ chế, mà chỉ yêu cầu họ “thực hành” từ khổ chế này đến khổ chế khác...

Khổ siêu mang nhiều hình thái khác nhau: khổ siêu trong cách ăn, cách mặc, cách ở, và ngay cả trong những hy sinh về tính dục.

Khi tôi còn làm việc về ơn gọi tại Mỹ, mặc dù được bề trên chấp thuận, nhưng tôi vẫn xót xa cho những anh em đến với dòng mà chỗ ăn chỗ ở chật chội. Tuy nhiên, xét về lý tưởng, đó là một hình ảnh thật đẹp. Tôi an tâm và sung sướng khi nghe Mẹ Têrêxa Calcutta kể chuyện cho các chị em trong dòng của Mẹ: “*Lòng đại lượng của giới trẻ chúng ta thực sự rất đáng ngạc nhiên. Chỉ tại Calcutta thôi, hiện nay chúng ta đã có 267 tập sinh. Chị em thử tưởng tượng xem, nhà mẹ chúng ta chật chội như thế nào. Nhiều ứng sinh đã phải chia nhau ngủ trên bất cứ chỗ nào còn trống. Không còn một tấc đất để không nào tại nhà mẹ ! Cảnh này thường nhắc tôi nhớ đến Thánh Gia thất: ‘Đã không còn chỗ cho họ ở quán trọ’. Các ứng sinh đã phải ngủ trên bàn, trên ghế băng, dưới sàn. Tôi đoán chắc với chị em,*

không còn một chỗ nào trống, dù có muốn đặt thêm một chiếc giường nữa cũng không biết để vào đâu... Chúa đang lôi kéo nhiều người trẻ từ khắp nơi đến với chúng ta. Những người trẻ đó mang trong mình một lý tưởng, một sự dấn thân hết sức lạ lùng....”

Tôi nghĩ, cũng vậy, những bạn trẻ, ở Việt nam cũng như ở hải ngoại đến với các cộng đoàn dòng tu, chắc hẳn họ đã được thu hút một cách vô hình bởi sức hấp dẫn của *“con đường hẹp của Tin Mừng”*. Qua Đài loan được ít lâu, khi gặp một linh mục Việt nam, Ngài nói với tôi: *“Tôi không hiểu được tại sao số ứng sinh xin vào dòng của cha lại gia tăng như thế!...”* Tôi chỉ nói đơn sơ rằng: *“Chính con cũng không hiểu hết được việc Chúa làm...”*. Thực vậy, một người quyết định sẵn sàng từ bỏ tất cả, lên đường bước vào *“con đường hẹp nhất”*, cũng là con đường đầy những khổ chế về tinh thần lẫn thể lý, ắt phải được Thánh Linh tác động và an bài để trở thành những con người hào hiệp hơn của Nước Trời. Thể hiện của đời sống khổ chế, phần nào đã lôi cuốn họ.

Mẹ Têrêxa Calcutta đã có kinh nghiệm đó. Mẹ kể: *“Một phụ nữ còn trẻ và rất giàu có viết cho tôi: ‘Nhiều năm qua, Đức Yêsu đã mời gọi con dâng mình cho Chúa. Con đã cố ý muốn tìm ý Chúa muốn đặt con ở đâu. Con đã thấy nhiều dòng, các nữ tu đều có tất cả những gì còn đang có, nên con thấy con chẳng có gì hết để mà từ bỏ’.*” Và cách sống đơn nghèo của dòng Mẹ

Têrêxa Calcutta đã hấp dẫn người phụ nữ trẻ tuổi này....

Còn biết bao nhiêu điều để nói về đời sống khổ chế trong đời tu. Đời sống vợ chồng còn có những khổ siêu riêng phương chi đời tu: Người nam và người nữ cần phải biết kiềm chế xác thịt, ngay cả trong những việc được phép làm, tỉ như việc áp dụng phương pháp ngừa thai tự nhiên: vừa áp dụng, như Thông điệp *Humanum Vitae* của Đức Phaolô VI dạy, vợ chồng vừa khống chế xác thịt của mình để sống theo luật tự nhiên và luật của Chúa, nghĩa là phải đi vào “con đường hẹp”, để tạo nên công nghiệp cho ơn cứu độ của mình và gia đình mình. Kể cả trong thời Cựu ước, việc ăn chay hãm mình bao gồm cả những khống chế xác thịt nữa, chẳng hạn như trong trường hợp của Joel 2:12-18: *“Bấy giờ Chúa phán: Các ngươi hãy trở về với Ta trong chay tịnh, nước mắt và than van.... Tân lang hãy ra khỏi nhà, và tân nương hãy ra khỏi phòng...”* Trong khi đời sống vợ chồng phải khống chế xác thịt của mình theo “con đường hẹp” của mình đòi hỏi, thì những người đang hành trình trên “con đường hẹp nhất” phải hy sinh trọn vẹn tình yêu tính dục: sự hy sinh này góp phần vào việc tạo nên cái nhất cho con đường họ đang đi.

Ước gì thời gian hồng ân trước ngưỡng cửa của năm 2000 sẽ giúp chúng ta nhận ra rõ căn tính của mình là người môn đệ chân chính của Đức Yêsu, là những người dám đi vào “con đường hẹp của Tin mừng”, để chúng ta

đạt được ước mơ trở thành những người “sẽ từ Đông chí Tây đến dự tiệc trong Nước Thiên Chúa” (Lc 13:29).

Để có thể đi vào con đường hẹp này, không phải là chuyện đơn giản. Nếu đơn giản, thầy tư tế và thầy Lê-vi trong câu chuyện của dụ ngôn “người Samaritanô nhân hậu” đã có thể làm cách dễ dàng rồi!... Hai bậc thầy này của dân chúng thời đó thừa hiểu rằng việc phục vụ tha nhân, việc cứu người anh em thật là rắc rối: tốn tiền, tốn bạc, tốn thời giờ, tốn công sức... “mệt xác mệt trí lắm”, “tẩu vi” là “thượng sách”, không việc gì mà phải “vác họa vào thân”!... Nhưng rồi hai vị thầy này không ngờ mình đã vô tình nhường “chỗ danh dự” cho một con người mà chính họ khinh khi: người anh em ngoại đạo Samaritanô.

Chúng ta xin Mẹ Maria, Người đã đồng hành với Đức Yêsu trên con đường hẹp của thập giá, giúp chúng ta đón nhận dồi dào sức sống thần linh mỗi khi chúng ta tham dự Thánh lễ, ngõ hầu chúng ta có thể “nhìn thấy được Tổ phụ Abraham, Isaac, Giacob và tất cả các tiên tri trong Nước thiên Chúa” (Lc 13:28), và cùng với các ngài, tham dự vào bàn tiệc thánh vĩnh cửu.

“Xin Mẹ giúp chúng con, khi bước đi trên “con đường hẹp” này, sẽ “không khinh thường việc Chúa sửa dạy con, không nản chí khi Người quở trách con, vì biết rằng Chúa sửa dạy những ai mà Người yêu mến, và đánh đòn kẻ Người chọn làm con” (Dt 12: 5-6).

3.

Tránh xa thái độ tiêu cực, ương lười của thầy Tư tế & Lê-vi

*'CHÚNG TÔI ĐÃ CHĂNG ĂN BẨM AI, TRÁI LẠI,
ĐÊM NGÀY ĐÃ LÀM LUNG KHÓ NHỌC VẤT VẢ,
ĐỂ KHỎI NÊN GÁNH NẶNG CHO NGƯỜI NÀO
TRONG ANH EM'
(2 Tl 3:8)*

Chúa Cứu thế đến trên trần gian này gần 2000 năm. Trước khi về cùng Chúa Cha, Người nói, Người sẽ đến lần thứ hai. Vì thế, Giáo lý về ngày tái giáng của Chúa chúng ta là một phần quan hệ đối với niềm tin và niềm hy vọng của người Kitô hữu. Chúng ta tin rằng, Đức Kitô sẽ lại

đến, và hy vọng rằng chúng ta sẽ được thông phần vào vinh quang của sự Phục sinh mà Người đang tận hưởng.

Các Kitô hữu tiên khởi đã thích thú về giáo lý này. Nhưng có mấy người Thessalonica quá tin rằng việc tái lâm của Đức Kitô đã sắp đến nơi rồi, và đi đến kết luận rằng, họ không cần phải làm lụng gì nữa. Do đó, thánh Phaolô đã phải cảnh giác họ: "*ai không làm việc thì không đáng ăn*".

Thực vậy, chúng ta không thể biết được khi nào Đức Kitô sẽ tái lâm. Đức Yêsu cũng không bao giờ cho biết thời gian Người đến lần thứ hai. Vả lại, khi nào Đức Yêsu tái giáng, đó không phải là vấn đề; nhưng vấn đề là, việc Người đến là đối tượng của niềm tin chúng ta, và là nguồn hy vọng của chúng ta. Trong khi đó, chúng ta cần phải hiểu rằng, Đức Yêsu đến cốt là để hoàn-hảo-hoá thế giới, chúng ta không được ngồi lê mách lẻo như những người Thessalonica.

Giáo lý Công giáo về việc Người đến lần thứ hai, như chúng ta được biết từ Thánh Kinh, đã được nói cách cô đọng trong Công đồng Vatican II:

"Chúng ta không biết được thời gian hoàn tất của trái đất nhân loại, chúng ta cũng chẳng biết cách thức biến đổi của vũ trụ. Chắc chắn hình ảnh của một thế giới lệch lạc vì tội lỗi sẽ qua đi, nhưng chúng ta được biết Thiên Chúa đã dọn sẵn một chỗ mới, nơi công bằng ngự trị. Hạnh phúc nơi ấy sẽ viên mãn và ấp đầy mọi ước vọng hòa bình trào dâng trong lòng con người. Khi ấy, sự chết sẽ bị đánh bại, con cái Thiên Chúa sẽ phục sinh trong Chúa Kitô, và những gì được gieo vãi trong yếu hèn, mục nát, và toàn thể tạo vật mà Thiên

Chúa đã dựng nên cho con người, sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ phù vân. Chúng ta đã được cảnh giác là, lời lãi cả thế gian mà chính mình hư mất nào được ích gì. Nhưng sự trông đợi trời mới không được làm suy giảm, trái lại, phải kích thích nỗ lực phát triển trái đất này, nơi mà toàn thể gia đình nhân loại mới đang tăng trưởng và tiên báo một vài hình ảnh của thời đại mới. Bởi vậy, tuy phải phân biệt rõ rệt những tiến bộ trần thế với sự bành trướng Vương quyền Chúa Kitô, nhưng những tiến bộ này trở thành quan trọng đối với Nước Thiên Chúa tùy theo mức độ chúng ta có thể góp phần vào việc tổ chức xã hội loài người sao cho tốt đẹp hơn." (Hiến chế "Vui mừng và Hy vọng" của CĐ Vatican II, số 39).

Tất cả những điều này, đối với chúng ta, có thể được tượng trưng trong chuyến bay bất thành của chiếc phi thuyền Apollo XIII. Bạn có thể còn nhớ các phi hành gia lúc đó đã dự định vượt không gian bay tới mặt trăng, nhưng một bộ phận của phi thuyền đã bị nổ tung cách khủng khiếp. Kế hoạch ban đầu định đáp xuống mặt trăng phải bị hủy bỏ. Với sự giúp đỡ và điều khiển của trạm điều khiển phi vụ, các phi hành gia đã miệt mài làm việc trong tình trạng căng thẳng để có thể khai-phát một kế hoạch khác cho việc trở về mặt đất an toàn. Mặc dù họ không thể sửa chữa phi thuyền cách hoàn hảo, nhưng nhờ óc tưởng tượng và cần cù, họ đã làm cho phi thuyền có thể hoạt động được bao nhiêu có thể. Thật không dễ! Mặc dù trái đất là mục tiêu của họ, nhưng họ có bao nhiêu việc phải làm trong hoàn cảnh đó trên không gian. Nhưng bằng mọi cách, họ phải giữ sao cho con thuyền được an toàn.

Thế giới của chúng ta cũng giống như chiếc Apollo thứ XIII, và lịch sử của con người chúng ta ví tựa một cuộc du hành trong không gian. Sự nổ tung của tội lỗi chúng ta đã phá hoại những sự tốt đẹp trong thế giới của chúng ta. Nhưng với sự giúp đỡ và hướng dẫn, điều động và trợ lực của Đức Yêsu, Đấng Cứu độ chúng ta, chúng ta ra sức làm việc để cho thế giới này được sinh động bao nhiêu có thể. Chúng ta không di chuyển tới một hành tinh khác, nhưng chúng ta vượt thời gian để đi tới giây phút mà khi đó mọi sự đã được thành toàn. Giây phút đó là lúc Đức Yêsu đến lần thứ hai. Mặc dù giây phút đó là mục tiêu của chúng ta, nhưng chúng ta vẫn không được dùng phí phạm thời giờ của chúng ta. Hiện có rất nhiều chuyện phải làm trên "con tàu vũ trụ" của mỗi người chúng ta.

Mặc dù Đức Kitô sẽ lại đến để kiện toàn thế giới, nhưng bốn phận của chúng ta bây giờ là phải canh tân thế giới bao nhiêu có thể, và giữ không cho nó bị phá huỷ thêm nữa. Bốn phận của mỗi người chúng ta là làm giảm bớt những vết thương bị bom đạn cày nát trên mặt đất này.

Tạ ơn Chúa đã cho chúng ta làm người Kitô-hữu, những người hơn ai hết phải ra sức làm việc để vừa chu toàn bốn phận đối với mình, vừa góp phần vào việc xây dựng thế giới này. Ươn lười, biếng nhác luôn luôn là chứng bệnh khó trị của thời đại. Những con người ươn lười là những con người vừa thiếu nghị lực, vừa thiếu thần lực. Chúng ta có thể nghĩ rằng, những người biệt phái và luật sĩ, theo như Phúc âm mô tả, là những con người "đại lười": để làm một việc nhỏ, ngay cả một ngón tay đụng

vào cũng không muốn làm, đừng nói gì đến những việc đại sự như xây dựng thế giới chẳng hạn... Họ không hiểu rằng, một mặt chúng ta phải sống siêu thoát trong những giờ cầu nguyện linh thiêng, sốt sắng như một thiên thần, mặt khác chúng ta phải nai lưng làm việc như một phu khuân vác. Chúng ta có thể nghĩ, nếu hai vị tư tế và Lê-vi trong dụ ngôn "*người Samaritanô nhân hậu*" là những người siêng năng cần cù, đầy nghị lực và thần lực, hẳn các ông đã không nhường chỗ phục vụ cho người anh em ngoại giáo. Hai vị có thể lại nói rằng, "không phải chúng tôi ươn lười, nhưng vì chúng tôi đang vội đi công tác nhà chung, công tác phục vụ các cộng đoàn những người có đạo...", chúng tôi không có giờ để làm việc cứu người này..." Nếu đúng thế thì hai Vị lại là những người chưa biết cách tổ chức công việc, và nhất là chưa biết phân biệt bậc thang giá trị của từng việc. Đây là một vấn đề thuộc lãnh vực vừa siêu nhiên vừa nhân bản. Thiết tưởng phân tích vấn đề này trên lãnh vực nhân bản cũng có thể giúp ích cho chúng ta.

Cách chung, nói đến vấn đề thực hiện hay tổ chức công việc trong đời sống, chúng ta cần để phân biệt hai yếu tố:

*** *Yếu tố tiêu cực:***

- *Mức độ 1:* có làm việc, tức là không ngồi lê mách lẻo, nhất là không ở không nhàn rỗi, ngồi bêu xấu, nói xấu anh chị em mình.
- *Mức độ 2:* Chu toàn công việc được trao phó ở mức tối thiểu, hay ở mức gọi là xong việc. Chẳng hạn: tôi được giao công tác lau sàn nhà thì tôi chỉ

lau có sàn nhà; nếu trên bàn có dơ bẩn, tôi cũng không cần phải quan tâm.

*** Yếu tố tích cực:** Vượt qua cả "chu toàn", nghĩa là phải có sáng kiến đi kèm. Sáng kiến là một khả năng vô song của tình yêu. Sáng kiến được thể hiện qua sự quan tâm tới những việc chung của gia đình, của cộng đoàn, của tha nhân. Người có óc sáng kiến là người làm việc không vụ lễ luật, nhưng biết quan sát, để ý đến người khác để giúp đỡ, phục vụ với lòng quảng đại.

- Ví dụ: trong gia đình, hay trong cộng đoàn tôi có người đau bệnh, tôi không phải là người được cất cử để có bốn phận phải săn sóc người đó, nhưng tôi có quyền có sáng kiến để đi thăm hỏi người bệnh đó, và giúp đỡ người đó những gì người đó cần...

*** Yếu tố hài hòa và quân bình:**

- Cần phải hài hòa mọi việc, để làm việc này mà không bỏ việc kia: Chăm làm các công tác được giao phó trong gia đình, hay cộng đoàn, nhưng cũng phải chăm học; chăm học (những môn học ở trường chẳng hạn...), nhưng cũng không được bỏ qua việc đọc Kinh thánh, tĩnh lặng cầu nguyện; tập thể dục thể thao, mà cũng còn phải linh thao nữa... như Đức Yêsu nói: "*hãy làm việc này mà không được bỏ việc kia.*"; ngược lại, làm việc cật lực, ngay cả có lúc phải thức khuya dậy sớm nếu cần, nhưng cũng cần có những lúc tĩnh dưỡng: Thiên Chúa làm việc sáu ngày, ngày thứ bảy Người nghỉ ngơi.

- *Cần phải quân bình hóa công việc*: Mỗi việc cần phải cho nó một *bậc thang giá trị*, tùy theo tầm quan trọng của nó, và tùy theo tư cách, vị trí của mình. Giáo lý thường dạy chúng ta rằng, ai bỏ lễ Chúa nhật thì mắc tội trọng. Nhưng trong trường hợp đang trên đường đi lễ, tình cờ gặp nạn nhân bị trọng thương, ta đành phải bỏ lễ để lo cho nạn nhân đó. Như thế đã không những không mắc tội mà còn thêm công phúc nữa. Trong trường hợp của hai vị tư tế và Lê-vi trong dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu, chúng ta không được biết rõ hai vị có bận gì không, nhưng chiếu theo lập luận của Chúa Yêsu, chúng ta có thể hiểu rằng, tất cả mọi lý do hai vị đưa ra ("chúng tôi bận, chúng tôi phải lo những chuyện có tầm mức quan trọng hơn...") đều không thể biện minh cho thái độ vô cảm của hai vị.

Thiết tưởng, vấn đề cuối cùng này (*hài hòa và quân bình*) rất quan trọng, và chúng ta dễ vấp phải. Nhiều người giáo dân đã không biết *hài hòa và quân bình hóa công việc*, đã có thể làm cho đời sống đức tin mình sa sút (như làm 2, 3 jobs; học full time & đi làm full time...); hoặc một tu sĩ nếu không biết *hài hòa và quân bình hóa* các sinh hoạt, hoạt động của mình, sẽ có thể trở thành một người "*spiritually handicapped*" (người bị tàn tật về tinh thần).

Thánh Benedictô là một mẫu tuyệt vời cho sự *hài hòa và quân bình hóa* này. Ngài phân chia đời sống người đan sĩ trong một ngày thành ba phần đều nhau: cầu nguyện: 8 tiếng, làm việc: 8 tiếng, nghỉ ngơi: 8 tiếng. Đường như

Tạo hóa đã có ý khi đặt một ngày gồm có 24 tiếng đồng hồ, bội số của 3, thành ba phần đều nhau.

Tuy nhiên, thiết tưởng, sự phân chia là một mẫu, đặc biệt là mẫu cho đời sống của một đan sĩ trong đan viện tu kín. Các loại tu sĩ khác hay người giáo dân có thể tùy theo công việc, hoàn cảnh, nhu cầu, đặc biệt là tùy tác động của Chúa Thánh Thần để phối trí và quân bình hoá công việc của mình trong từng giai đoạn của cuộc sống.

Ví dụ 1: Tình yêu Thánh Thần đã thúc đẩy để thánh Yoan Maria Vianney phải làm việc trên dưới 20 tiếng một ngày trong những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, để cứu các linh hồn.

Ví dụ 2: Thánh Ignatio Loyola, ông tổ của phương pháp tĩnh tâm linh thao, trong sự soi sáng của Chúa, đã làm việc đến gầy cả người, vì linh thao thì nhiều, thể thao thì ít...

Ví dụ 3: Có lần Đức Yêsu đang trên đường lên núi cầu nguyện, bỗng có đám dân chúng đến để xin Người phục vụ họ, Ngài đành hoãn việc đi cầu nguyện lại...

Tôi cảm ơn Chúa đã cho mình có một quan niệm nói trên khá sớm, khi tôi vào khoảng tuổi đôi mươi. Lúc đó, để giúp cho các bạn trẻ hơn tôi trong phong trào trẻ ở Việt nam, tôi đã viết ra thành một tập sách nho nhỏ với tựa đề "*sống 24 giờ của tôi*", mà nội dung chính là một mẫu đề nghị của "*24 giờ sống của một người hội viên trong phong trào*". Sau đó trong nhiều năm, tôi thường có thói quen viết ra một bản mới cách đơn giản cho từng giai đoạn sống của mình. Tôi thấy thật hữu ích!

Người ta nói cái gì thái quá cũng đều không tốt. Tương tự, người Trung hoa có thuyết trung dung rất hay. Hiếu học, ham học là điều rất tốt, nhưng ở các nước văn minh, cách riêng nhiều bạn trẻ Việt nam ở hải ngoại, vì đã chỉ hoặc quá để ý đến việc phải hội nhập vào một xã hội mới, đã không ý thức để quân bình hóa việc học, việc hội nhập vào xã hội mới, với đời sống đức tin, nên đã tự làm đời sống tinh thần dần dần sa sút. Yếu tố chi phối vấn đề ở đây là "sự tập trung" (concentration). Không riêng gì các bạn trẻ nói chung, mà ngay cả các chủng sinh, đệ tử trong các dòng tu hay chủng viện, cũng có thể bị rơi vào tình trạng này nữa. Tôi đã nhiều lần chia sẻ với các bạn trẻ: Theo tôi, lý do chính yếu nhất làm cho các bạn trẻ không nghe, hoặc khó nghe thấy tiếng Chúa gọi, là vì các bạn buộc phải tập trung mọi năng lực và thời giờ của mình vào việc học nói riêng, và việc phải nỗ lực hội nhập vào xã hội mới nói chung. Ý nghĩa tu đức của vấn đề là, theo thánh Yoan Thánh Giá, trí nhớ, óc tưởng tượng là một phần của các cơ năng linh hồn. Và linh hồn, tựa như một cái computer, nhớ "over load" sẽ chịu không nổi: Những thứ kiến thức khoa học, kỹ thuật, văn hóa mặc dù lành mạnh, làm cho đời sống con người thăng tiến... tất cả đều tốt, nhưng khi nó vào nhiều quá, kiến thức về Chúa, và chính Chúa sẽ không còn chỗ nữa...

Cụ thể hơn, tôi xin được đưa ra đây một bản đề nghị về những việc cần phải làm đối với một người đi tu bình thường, dù ở bất cứ giai đoạn nào. - Những người sống đời sống gia đình thì linh động hơn, và có thể dựa theo đó phần nào để áp dụng sao cho phù hợp với đời sống của mình.

Cách chung, chúng ta đều cần phải làm hai loại việc:

1) NHỮNG VIỆC PHẢI LÀM:

a/ Cầu nguyện:

* *Chung với cộng đoàn:* Thánh lễ, kinh thần vụ, suy niệm, lần hạt, đi dâng Thánh giá,...

* *Riêng mình với Chúa:* Viếng Thánh Thể, gặp gỡ Chúa qua Lời Chúa, tâm tình riêng với Chúa, đọc sách thiêng liêng, đọc Kinh thánh,...

b/ Làm việc:

* *Việc tay chân:* Phục vụ trong/ ngoài cộng đoàn...

* *Việc trí thức:* Ngoài việc học trong bốn phân bình thường ra (như học ở đại học, chủng viện,...), như Giáo hội dạy, người tu sĩ còn cần phải thường xuyên và nỗ lực trau dồi kiến thức của mình về giáo lý, Kinh thánh, tu đức, đời sống tâm linh,...

c/ Nghỉ ngơi: ngủ, nghỉ, đi chơi, giải trí. Một điều chúng ta cần dừng lại ở đây là, nhiều lúc, giờ đi chơi và giải trí (recreation time) đồng thời là những giờ chung của cộng đoàn ("community life"), chúng ta quân bình hóa bằng việc "cùng giải trí với anh/ chị em", chúng ta không nên thường xuyên biến nó thành giờ của riêng mình ("personal time") bằng việc chui vào vỏ ốc của chính mình, tách rời khỏi anh/ chị em, "đi chơi riêng", hay ngay cả chỉ biết thường xuyên "lui cui làm việc riêng một mình" trong giờ chung của anh/ chị em. - Đây cũng là

một thứ "handicapped" vậy, vì nó dễ tạo thành một sự bất cân bằng giữa những kết quả trong công "việc riêng tư" của mình, với tình thân cần phải được không ngừng triển nở giữa tôi với anh/ chị em trong cộng đoàn. Nếu vậy, theo nghĩa nào đó, giờ giải trí chung, cũng quan trọng như giờ cầu nguyện chung vậy. Ở đây chúng ta hiểu được phần nào rằng, "cá nhân chủ nghĩa" chính là một nguyên nhân lớn khiến nhiều nhà dòng tại Mỹ phải đóng cửa.

2) NHỮNG VIỆC NÊN LÀM:

Một con người nói chung đã cần được phát triển toàn diện, phương chi là người tu sĩ của ngàn năm Kitô thứ ba sắp tới: Ngoài những việc phải làm phải học ra, trên đời này còn có biết bao nhiêu sự nên biết, nên học, nên làm, theo ý nghĩa *làm sinh lợi những nén bạc Chúa ban*. Muốn làm được, nó đòi buộc chúng ta vừa phải biết tiết kiệm thời giờ, vừa phải biết tổ chức công việc cho có khoa học.

+ **Bậc thang giá trị:** Muốn hài hòa và quân bình hóa công việc, chúng ta phải biết đặt đúng bậc thang giá trị của các công việc: *Việc nào phải làm ưu tiên hơn việc nào? việc nào cần làm hơn việc nào? Trong tất cả các việc phải làm hay nên làm, việc nào cần dành nhiều giờ hơn?* Cách chung, những công việc, sinh hoạt nêu trên cần phải được hài hòa và quân bình hóa.

Nếu nhìn vào Mẹ Maria ở nhiều biến cố khác nhau, chúng ta có thể thấy được phần nào sự hài hòa và quân bình hóa sinh hoạt của đời sống Mẹ. Chúng ta hãy thử nhìn vào biến cố tiệc cưới Cana: Có thể Mẹ đã phải đắn đo: ở nhà cầu nguyện, làm việc nội trợ, đi dự tiệc cưới,

chọn cái nào ưu tiên? Trong trường hợp này, như chúng ta biết, Mẹ đã chọn đi chia vui với đôi tân hôn. Trong tiệc vui này, chính Mẹ đã có sáng kiến: tìm cách làm cho bữa tiệc tiếp tục vui, bằng việc tỏ ý với Con mình giải quyết vấn đề hết rượu.

Một cách nào đó, có thể nói, hai vị tư tế và Lê-vi đã không có sáng kiến đúng lúc, đúng thì, không biết phân biệt bậc thang giá trị của công việc. Nhưng vấn đề then chốt vẫn là, khi con tim đã trở thành khô cứng rồi, con tim đó sẽ khó có thể điều khiển lý trí, óc phán đoán một cách chính xác được, nghĩa là đúng lộ trình của tình yêu; con tim đó càng không thể đón nhận ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần để biết lúc nào nên có sáng kiến nào, và quan trọng hơn, đâu là "sáng kiến của Chúa" ở trong họ. Còn trường hợp của Người Mẹ chúng ta, Mẹ hằng sống mật thiết với Chúa Thánh Thần để biết lúc nào phải có sáng kiến nào, lúc nào phải làm gì..

Chúng ta xin Mẹ Maria giúp chúng ta biết không ngừng sống với Chúa Thánh Thần, để chúng ta biết ngày nào, giờ nào chúng ta làm gì. Sự hài hòa và quân bình hóa đời sống của chúng ta sẽ đạt tới được mức độ sâu xa nhất của nó, chỉ khi chúng ta luôn biết lắng nghe tiếng nói của Chúa Thánh Thần và làm theo sự thúc đẩy của Người. Nó vừa bổ túc, vừa siêu vượt sự tính toán, suy nghĩ theo lý trí và nhận định mang tính cách con người của chúng ta. Đây là vấn đề siêu nhiên, chúng ta sẽ bàn sau.

5.

Diệt trừ tính ghen tương, kẻ thù của tình gia tộc

*'ANH LIỄN NỐI GIẢN,
QUYẾT ĐỊNH KHÔNG VÀO NHÀ'
(LC 15, 28A).*

Chúng ta đã từng đọc dụ ngôn "người con hoang đàng", hoặc còn gọi là dụ ngôn "người cha nhân từ". Nay chúng ta dùng dụ ngôn này để mổ xẻ vấn đề.

Cả hai minh-tự của dụ ngôn, "người con hoang đàng" và "người cha nhân từ", tự chúng dễ làm cho chúng ta ít nghĩ đến người con trưởng trong dụ ngôn, một nhân vật đáng được quan tâm không kém gì người con thứ.

Thật vậy, nếu chúng ta nghĩ rằng, mình phải sống tâm tình của người con thứ để trở về với tình cha nhân ái, thì một cách khác, chúng ta cũng cần ý thức rằng, có nhiều lúc, chúng ta, dù "*không xa mắt*", nhưng lại "*cách lòng*" đối với Người Cha của mình: Người con trưởng cũng đã có những tháng ngày "*trẩy đi miền xa*" trong tinh thần. Chúng ta hãy cùng nhau phân tích từng người con một.

NGƯỜI CON THỨ

Sau những ngày tháng đi hoang, người con thứ đã nhận thức được sự đi hoang là một lỗi lầm. Anh ta cần lòng thương xót để được tha thứ. Nhưng để có được sự tha thứ từ cha anh, trước hết, anh phải biết tha thứ cho chính mình. Đôi khi điều này rất là khó. Nếu không biết tha thứ cho chính mình, người ta rất thường hay tự kết liễu cuộc đời của mình. Giuđa Iscariốt là một ví dụ điển hình. Giuđa tương phản với Phêrô. Phêrô đã phạm tội chối Đức Yêsu. Ông khóc. Ông tha thứ chính mình. Sau đó, ông đón nhận được lòng tha thứ của Đức Yêsu.

Phaolô cũng vậy. Ngài nói cho chúng ta biết, thoát tiên con tim ngài đã lì lợm như thế nào, ngài đã bách hại các Kitô hữu như thế nào. Kỳ tình thì Phaolô đã làm những hành vi đó với ý thức rằng đó là những hành vi tôn giáo. Tâm tư của ngài lúc đó cố ý tranh đấu cho một lý tưởng: duy trì truyền thống tôn giáo của cha ông để lại. Nhưng sau này, ngài nói trong thư gửi cho Timôthêô: "... *Cha vô tình làm những sự ấy trong lúc cha chưa tin*" (1Tm 1:13). Người con thứ cũng bắt đầu tương tự như thế. Trong cái

nhìn của anh, anh cho rằng, anh đã không phạm tội, rằng những gì của thời đại của cha anh đã lỗi thời rồi, mà cha anh không nhận thức được điều đó. Ngày nay, điều đó cũng rất dễ xảy ra cho nhiều bạn trẻ. Nhiều bạn trẻ đã bị thế gian tẩy não, để cùng với thế gian chối từ tội lỗi. - Đức Yoan Phaolô II nói, tội lớn nhất của thế giới ngày nay là tội mất nhận thức về tội. Từ đó, họ chẳng còn nghe Thiên Chúa, cũng chẳng còn nghe theo tiếng của lương tâm nữa. Nhiều người Công giáo nghĩ rằng, họ không cần phải nghe Giáo hội nữa, không cần phải đi xưng tội nữa. Họ quả đáng thương nếu họ không nhớ rằng, chối từ Thiên Chúa cũng tương tự như chối từ bệnh ung thư: tội lỗi giết chết linh hồn cũng như bệnh ung thư hủy hoại thân thể con người.

Tương phản với tội là sự ngây thơ, vô tội. Ngây thơ có nghĩa là không có tội, không bị hại. Một người ngây thơ là một người không làm hại mình, cũng không làm hại người khác. Trái lại, tội nhân là người trước là làm hại mình, sau là làm hại người khác. Chỉ khi nào người con hoang đi đến chỗ nhận thức rằng, anh đã làm điều sai trái cho chính mình và cho người khác, lúc đó anh mới nhận ra rằng mình đã phạm đến Trời và đến cha anh.

Giây phút thật đẹp trong cuộc đời của người con này chính là lúc anh đã thực sự hối hận. Anh không những chỉ muốn "trở về nhà Cha", mà còn muốn được tha thứ nữa. Dụ ngôn đã nhấn mạnh đến điều đó. Khi cha anh chạy ra ôm choàng và trao cho anh nụ hôn của tình phụ tử, anh có thể nói rằng, "đi lâu, nhớ nhà rồi về thôi!", nhưng anh đã nói: *"Thưa cha, con đã lỗi phạm đến Trời và đến cha..."*

Và ngay giây phút này, anh đã được hoàn trả lại quyền làm con.

NGƯỜI CON TRƯỞNG

Thoạt nghe qua, người ta dễ nghĩ rằng người con trưởng là một người con ngoan, vì anh luôn ở trong nhà cha, luôn ở bên cạnh cha mình. Người ta xem anh có vẻ là một người con gương mẫu, và dường như mọi chuyện về anh ta đều có vẻ tốt đẹp. Nhưng *"ngựa chạy xa mới biết đêm dài"*, một ngày nào đó, cái vỏ, cái dạng thức bên ngoài không thể nói lên cách trung thực con người của anh: Dù không *"xa mặt"* cha anh như anh nói, *"bao năm con hầu hạ cha, không hề trái lệnh cha một điều nào"*, nhưng cách nào đó, anh đã *"cách lòng"* đối với cha anh: người ta đâu có ngờ rằng trái tim anh đã trở nên chai lì khô cứng từ bao giờ rồi, vì tâm hồn anh chưa thực sự thấm nhuần lòng nhân từ của cha anh... Những cái đó đã được bộc lộ ra bên ngoài như một phản ứng gần như tự nhiên, khi người em anh trở về từ những tháng năm đi hoang. Khi đó, nếu dùng tiếng Việt, hẳn anh đã dùng những từ ngữ chẳng thân tình gì để nói về người em của anh, như *"thằng đó"*, *"đồ"*,... Tệ hơn nữa, anh đã vô thừa nhận người mà trước kia là đứa em ruột thịt của anh, khi anh nói cách mỉa mai với cha anh rằng: *"thằng con của cha kia."* - Anh không nói *"thằng em của con"*. Đối với anh, tình huynh đệ máu mủ giữa anh và đứa em đã mất đi từ lâu rồi trong con tim của anh. Con tim anh vẫn đập, nhưng người ta khó mà nghe được những tiếng vọng tình yêu từ con tim của anh. Như thế, đứa em của anh nào

hòng sẽ được anh mình tha thứ một khi dừng bước giang hồ!.. Nguyên nhân sâu xa đã tạo nên vô cảm tính và bất động tính trong con tim của anh, thể hiện trong lời nói và thái độ của anh chính là tính *ghen tương*. *Ghen tương*, *tị hiềm* là tội đáng tởm, vì là đầu mối dẫn đến biết bao nhiêu giống tội. - Nó đã dẫn đưa Cain đến hành vi sát hại Abel em mình; nó đã dẫn các anh của Yuse trong Cựu ước đến việc bán đứng Yuse cho con buôn để người em ruột thịt của mình trở thành kẻ nô lệ; đặc biệt, nó đã dẫn các nhà lãnh đạo Do thái đến việc yêu cầu Philatô cho đóng đinh Đức Yêsu. Nói cách khác, *tính ghen tương chính là kẻ thù của tình gia tộc, của nghĩa anh em*.

Chúng ta có thể nghĩ rằng, kể tới chỗ: "*và người ta ăn uống linh đình*" (Lc 15:24), đoạn, Đức Yêsu có thể kết thúc câu chuyện dụ ngôn bằng câu nói: "*và họ tái sống hạnh phúc chưa từng thấy!*" Nhưng không, Người đã "*chuyển đề*" bằng việc diễn tả thái độ cố chấp của người anh, vì Người có dụng ý dạy chúng ta những bài học rút ra từ cả hai người con.

Những năm tháng trước đây, từng ngày, người cha mong ngóng người con thứ trở về. Ông lúc nào cũng nhớ đến con, và thầm nghĩ trong vô vọng rằng, "*có thể hôm nay con ta sẽ về...*" Và rồi may mắn thay, chính sự kiên trì của ông đã ân thưởng ông: một ngày kia, người con thứ của ông về thật. Giây phút người cha ôm choàng lấy người con hoang trở về là giây phút lòng thương xót được chuyển thông, giây phút ơn tha thứ được thực hiện bởi người cha cho người con thứ; nhưng cùng lúc, có thể nói, người con trưởng bắt đầu đi hoang - Chúa Yêsu kể: "*Anh*

liền nổi giận, quyết định không vào nhà" (c. 28a). - Không vào nhà tức là đi hoang chứ còn gì nữa! Đây là lúc lẽ ra anh phải biết hăm hở bước vào nhà, biểu lộ niềm hân hoan rộn rã, chia vui với em, khắp khởi mừng với cha, và nhất là, tha thứ cho chính mình, để anh có thể tha thứ cho đứa em của anh, hầu mới có thể thực sự đón nhận được lòng nhân từ trong sâu kín của tâm hồn cha anh. Phải chi anh hiểu và áp dụng lời kinh Lạy Cha Đức Yêsu dạy các môn đệ của Người, thì tình thế đã trở nên khác hẳn...

Hỏi rằng, như vậy, người con trưởng có tội không? Nếu chúng ta quan niệm theo Tân ước, tội là một thất bại trong tình yêu đối với Thiên Chúa và tha nhân, là một xúc phạm tình bác ái huynh đệ hay gia tộc; và nếu thánh Tôma Aquinô, theo sát truyền thống Tin mừng để cho rằng, tội là sự xa rời cùng đích chân thật của con người, là một hành vi yêu mình đối ngược với tình yêu Thiên Chúa, thì rõ ràng người con trưởng cũng đã phạm tội - đó là chưa kể đến những thiếu sót trong cuộc sống của anh ta, cuộc sống mà anh đã ung dung lầm tưởng rằng mình vô tội vạ, và hoàn toàn trong sạch. Phải, người em đã phạm tội vì yếu đuối của con người, và vì tính bông bột nông nổi của tuổi trẻ; còn người anh đã phạm tội vì sự chai lì khô cứng của con tim. Thử hỏi, tội nào nặng hơn ?

Dụ ngôn kết thúc bằng những lời năn nỉ của người cha, trình bày, phân trần hết lý lẽ, để xin anh ta *"trở vào nhà"*. Đoạn kết này như một lời bỏ ngỏ cho những ai, trong đó có thể là chúng ta, đang trong thời gian "đi hoang" theo kiểu người con trưởng, để tự đáp lại lời kêu gọi, lời "năn nỉ trở về" của Thiên Chúa là Cha.

Như vậy, chúng ta không lạ gì tại sao hai vị tư tế và Lê-vi trong dụ ngôn "người Samaritanô nhân hậu" lại có thể bình tâm vô cảm trước nỗi đau của người bị nạn. Là hàng tư tế trong dân, hai vị ngày đêm sống trong Đền thờ Chúa, nhưng lòng của hai vị vẫn "cách xa" tình yêu Thiên Chúa... Khủng hoảng nội tâm của hai vị quả đã thuộc loại khủng hoảng nội tâm của người con trưởng.

TÂM TÌNH LÀM CON CỦA CHÚNG TA

Trong đời sống, đặt tâm tình chúng ta vào tâm tình của người con thứ có lẽ không mấy khó. Nhưng đặt tâm tình chúng ta vào tâm tình của người con trưởng, có lẽ khó hơn, tuy nhiên, thích hợp hơn, vì xét theo căn tính, chúng ta, những người thuộc hàng dân thánh Chúa, được ngày đêm sống trong Tòa nhà Thiên Chúa, Giáo hội, mà nền nhà là các Tông đồ. Trong tòa nhà này, chúng ta được dấu trong sâu kín của tình yêu Thánh Phụ.

Nếu người con thứ đã được tinh luyện để tìm ra tia sáng cho cuộc đời, qua những dạng thức "khổ siêu bất tự nguyện" - "*gặp nạn đói*", "*cảm thấy túng thiếu*", "*mong được ăn những đồ của heo ăn mà không ai cho*", "*chết đói*",... (x. Cc 15-17), thì chúng ta cũng mong rằng, đời sống "khổ siêu tự nguyện" trong đời sống đức tin của chúng ta, cũng như những hy sinh tự nguyện dưới nhiều hình thức khác nhau vì chúng ta thuộc về Chúa, sẽ đều là những phương tiện đưa chúng ta đi vào con đường tinh luyện, giúp chúng ta biết không ngừng nhận thức được những sai sót, khuyết điểm của mình, hầu trở về với Thiên Chúa là Cha.

Chúng ta cần khắc ghi trong lòng rằng, Cha chúng ta trên trời luôn đợi chờ chúng ta. Mỗi lần tội lỗi chúng ta được tẩy sạch, là nhờ mỗi lần chúng ta được tắm gội trong Máu của Con Người, qua việc chúng ta đón nhận và sống bí tích, đặc biệt là bí tích Thánh Thể và bí tích hòa giải, cũng như Lời Chúa.

Nếu ghen tương đã ăn sâu trong tâm hồn người con trưởng vì nó đã nằm vùng từ thời Cain, nó cũng rất có thể vẫn còn nằm vùng trong con tim của chúng ta. Ước gì Chúa Thánh Thần là Đấng hằng hoạt động trong sâu kín của linh hồn chúng ta, sẽ ngày càng tinh luyện và biến đổi những thứ ghen tương trong con tim chúng ta dưới nhiều hình thức khác nhau.

Xưa kia, Mẹ Maria, trong thôn làng Nazareth, đã không "*cách mặt*" mà cũng chẳng "*cách lòng*" đối với Đức Yêsu Con Mẹ, để Mẹ ngày càng nhận ra lòng nhân từ của Thiên Chúa, cũng như ngày càng sống thân mật với Chúa Yêsu hơn. Chúng ta cũng xin Mẹ cầu cùng Chúa Thánh Thần cho chúng ta, trong ngàn năm mới này, ngày càng trở nên thâm tình hơn với Cha chúng ta, để tương quan phụ-tử giữa chúng ta với Cha chúng ta - một "*tương quan muôn thuở, lâu đời hơn lịch sử nhân loại*" (lời Đức Yoaan Phaolô II), ngày càng rạng ngời.

6.

Tập đón tiếp Đức Yêsu

*"MARIA ĐÃ CHỌN PHẦN TỐT NHẤT,
VÀ SẼ KHÔNG BỊ AI LẤY MẤT"
(Lc 10:42)*

PHÂN TÍCH BẢN VĂN Lc 10:38-43

Phúc âm Lc 9:51-19:28 đặt trọng tâm vào cuộc hành trình lên Giêrusalem của Đức Yêsu. Ngay từ lúc khởi đầu cuộc hành trình này, vị thánh sử, trước hết, đã gom lại những yếu tố khác nhau liên quan đến sứ vụ các tông đồ (9:51-10:20), nằm rải rác trong Matthêô. Rồi ngài trình bày kết quả của một thu thập những lời giáo huấn của các tông đồ về những đặc quyền và những trách nhiệm của các tông đồ (10:21-11-13).

Đoạn giữa được tìm thấy ở giữa của phần này. Chúng ta thấy rõ ràng điểm trọng tâm nói rằng bài học tâm linh đặc biệt chứa đựng trong những giáo huấn đó mang một tầm mức quan trọng ưu tiên trong cái nhìn của Luca cho các môn đệ.

Câu 38-39: một làng: Luca không quan tâm về địa hình và về thứ tự thời gian - mối quan tâm của Luca nằm ở chỗ khác.

*** Một người phụ nữ tên là Matta... một người em tên là Maria:** Luca hiếm khi đặt tên cho những thánh giá của Đức Yêsu hơn là tên của Nhóm mười hai (ngoại trừ Gia-kêu trong 19:2, và Cleopa trong 24:18), ngài cũng không nêu tên những người được hưởng ân lộc do những phép lạ Đức Yêsu làm (chỉ có Giai-rô trong 8:40). Nếu ở đây ngài nêu danh tánh của hai chị em, hẳn là ngài đã quan tâm tới họ một cách đặc biệt. Người ta thấy rõ điều này khi ngài để ý nhấn mạnh tới vai trò của các phụ nữ được thấy rõ trong thời của Đức Yêsu và trong thời kỳ Giáo hội sơ khai. Những lời *“Một người phụ nữ tên là Matta đón tiếp Người vào nhà mình”* cho thấy có lẽ Matta là chủ nhà, vì cô ta là người chị. Nhưng điều làm chúng ta ngạc nhiên là không có người đàn ông nào được nói đến (anh của cô ta tên là Lazarô): cô ta đã có gia đình chưa ? hay cô ta là một quả phụ ? Trong Ga 11:1-44, hai chị em này để lộ ra một sự tương phản về tính khí.

*** Cô ta (Maria) ngồi dưới chân Đức Chúa và lắng nghe lời Người:** Phúc âm đã cho Đức Yêsu danh hiệu “Đức Chúa” (Lord). Đó là đặc tính của Tin Mừng. Luca đánh nổi uy quyền của Đức Yêsu. Và ý niệm của Maria rõ ràng là ý niệm của các môn đệ khi hiện diện trước Thầy mình (8:35; Cv 22:3; x. Lc 7:38; 8:41; 17:16). Maria đang lắng nghe Lời Chúa, và đối với Luca, đây là bốn phạm đầu tiên của người môn đệ (6:47; 8:13, 8:15,21; 11:21).

Câu 40: Matta bận rộn với việc thiết đãi khách: Như thế hai chị em xuất hiện như hai môn đệ nhiệt tình đón tiếp Thầy mình, nhưng quan tâm duy nhất của Maria là lắng nghe lời Người trong khi Matta hiến cho Người sự tiếp đãi thật thịnh soạn.

Câu 41: Chúa trả lời: Câu trả lời của Đức Yêsu là một lời thẩm định về sự đón tiếp của Matta và Maria (cc. 41-42); và Luca, bằng cách nêu danh “Đức Chúa”, đã tô đậm uy quyền vương đế của lời Người.

*** Matta, Matta, con lo lắng bởi rồi về nhiều chuyện:** Ở đây Đức Yêsu đưa ra đề tài mà Người đã trình bày nhiều lần trong giáo huấn của Người về sự lo lắng: Khi Người kêu mời những người đi rao giảng Tin mừng đừng lo lắng về sự đối phó của mình trước quan tòa của những người bắt bớ họ (12:11) và tất cả các môn đệ đừng lo lắng về của ăn hay về áo mặc (12:22-26); khi Người công bố sự trung thành của Người chống lại những “lo toan cho đời sống” làm bóp nghẹt hạt giống

của Lời (8:14), và làm cho cõi lòng ra lo âu phiền muộn (21:39). Trong mỗi một sứ điệp này, sự lo lắng bị kết án vì nó đưa những người có đức tin đi trệch ra ngoài những gì là cốt lõi của niềm tin: sự hiểu biết về Con Người (12:7-9), sự tìm kiếm Vương quốc (8:11-15), sự chờ đợi Ngày của Con Người (21:34-36). Trong trường hợp của Matta, sự lo lắng bị kết án vì nó đi trệch ra khỏi “*điều cần duy nhất*.”

Câu 42: Câu này trình bày một vấn đề khó khăn cho việc chú giải.

* ***Chỉ có một điều cần:*** Theo bản văn, chữ “*nhiều chuyện*” làm Matta bối rối vì những lo lắng về việc tiếp khách, sự phục vụ về vật chất mà cô ta muốn dành cho Đức Yêsu. Mệnh đề “*chỉ có một điều cần*” nằm trong ý niệm của Maria: Maria đã bỏ hết mọi sự để lắng nghe lời của Đức Yêsu. Do đó, phản đề rõ ràng được thiết lập giữa hai cách đón tiếp Đức Yêsu mà hai chị em là những người đại diện.

* ***Maria đã chọn phần tốt nhất:*** Phần Maria đã chọn là lắng nghe Lời Đức Chúa; và từ ngữ “*meris*” (=“*phần*”) ở đây mang một ý nghĩa thường thấy trong Kinh thánh bằng tiếng Hy-lạp: “*lô*” (*lot*), “*mục đích*” (“*destiny*”), “*chia gia tài*” (“*share of inheritance*”) (G 20:29; 27:13; Qq 2:10; 3:22; 5:17; 9:9; Kn 2:9; Si 14:9; Is 17:14; 57:6; Gr 13:25...). Thành ngữ được Đức Yêsu dùng gọi lại lời nói trong thánh vịnh: “*Phần của tôi, lạy Gia-vê, tôi xin tuyên bố: Ấy là tuân giữ lời của Người.*” (Tv 119:57). Đức Yêsu kết luận bằng việc hứa với

Maria rằng sự lựa chọn của cô sẽ làm cô phấn khởi: Bất kỳ ai yêu thích lời Chúa hơn sẽ không bao giờ bị lấy mất. Đây là bài học của cả đoạn: các môn đệ phải lắng nghe lời của Thầy; và việc lắng nghe này không bao giờ đủ cả.

Lời chú giải trên được Luca làm sáng tỏ hơn ở nhiều chỗ khác trong Phúc âm của ngài. Chỉ có Luca gọi lời của Đức Yêsu là lời của Thiên Chúa (5:1; 8:11, 21; 11:28); và cả cuốn Công vụ tông đồ của ngài đều quy về điểm này : Lời (“Lời”:8 lần; “lời của Thiên Chúa”:15 lần; “lời của Đức Chúa”:7 lần). Theo vị thánh sử, người đã tham dự vào sứ vụ của Phaolô, thì lắng nghe lời Chúa là điều cần duy nhất.

Trình thuật của việc thiết lập 7 phó tế trong Cv 6:1-6 một cách nào đó phảng phất có nét giống như câu chuyện của Matta và Maria. Ở đó, nhóm 12 bị bắt buộc phải chọn giữa sự phục vụ bàn ăn và sự phục vụ lời Chúa. Họ đã chọn cái thứ hai làm phần ưu tiên. Hai việc phục vụ này đều được chấp nhận (như Đức Yêsu đã làm, là không chê trách Matta vì lòng hiếu khách của cô); nhưng, trong cả hai trình thuật, lời được giảng hay được lắng nghe đều biểu lộ giá trị vao vời hơn của nó. rất có thể Luca đã cảm thấy và đã để ý đến sự nối kết giữa hai trình thuật này và những trình thuật chỉ được tìm thấy trong các tác phẩm của ngài.



SUY NIỆM

Maria đã đón tiếp Đức Yêsu bằng cách ngồi dưới chân Người trong tư cách một người môn đệ hiện diện trước Thầy mình; cô đã lắng nghe lời Người. Sự lắng nghe này giả định là một sự chú tâm hoàn toàn, và một sự sắp sẵn đối với con người của Đức Chúa. Maria đã học từ Người để biết cách sống thế nào. Còn nhanh hơn là người phụ nữ Samaritanô (Ga 4:10), cô nhận ra *“món quà của Thiên Chúa”* trong người khách qua đường và nói chuyện thân mật diện đối diện với Người. Chúng ta cũng vậy, để đón tiếp một người nào đó, hoặc là chính Đức Yêsu hay một người được Người sai tới (Mt 10:40), trước hết, chúng ta hãy để Người nói, để cho Người trở thành chính Người, để đón nhận tất cả những gì Người muốn ban cho chúng ta.

Matta đã không làm điều gì sai. Nhưng cô đã quá lo toan... Cô đã muốn cho sự tiếp khách của cô trở thành đáng được chấp nhận hơn và đáng được khâm phục hơn, cô muốn được thương hại và được giúp đỡ: *“Lạy Thầy, em con để con hầu hạ một mình mà Thầy không quan tâm sao?”* (c. 40). Như thế, Matta đã khéo léo tìm cách trình lên Đức Yêsu và Maria sự hy sinh của mình. *Lạy Thầy, Thầy không quan tâm, Thầy không nhận ra tất cả những gì con đang làm cho Thầy; Thầy nên tỏ ra để tâm hơn về tất cả những chuyện con làm, Thầy đừng để con làm một mình...*

Những gì can dự vào ở đây, cuối cùng chính là sự phục vụ của chúng ta. Phản ứng tự nhiên này của

Matta rất thường là của chúng ta. Chúng ta tìm cách đòi quyền lợi cho mình trước những người khác và trên những người khác bằng cách phô trương việc làm của mình. Như những người biệt phái, chúng ta phô bày sự công chính của chúng ta trước bá quan thiên hạ để cố ý cho họ thấy. Chúng ta đòi hỏi được khen thưởng với ý coi như những người khác mắc nợ chúng ta. Chúng ta muốn thu góp những phần thưởng của chúng ta ngay tức khắc, và như thế, chúng ta mất đi những phần thưởng mà Cha trên trời muốn dành cho chúng ta (Mt 6:1-3). Sự phục vụ của chúng ta dành cho người khác có thể vẫn còn là một phương cách để thống trị kẻ khác, so đo giữa sự phục vụ của chúng ta với họ, hay ngay cả làm cho họ cảm thấy tội lỗi. Đối với Maria, Matta đã lấy ngay chỗ đứng của người biệt phái kia, khi người biệt phái đó cùng với người thu thuế lên đền thờ cầu nguyện (Lc 18:9-14): Mọi sự cô ta làm cho Đức Yêsu đã ghi đậm trong cái nhìn riêng của cô rằng việc của cô có giá trị hơn việc của em mình, và em cô nên noi gương bắt chước cô.

Không để ý đến điều này, chúng ta thường làm cùng một kiểu, đặc biệt khi chúng ta nghĩ rằng chúng ta đã làm tất cả vì Đức Kitô, và chúng ta muốn Người đứng về phía chúng ta để chống lại Maria hay với người khác. Cũng có thể có một sự chạm tự ái nào đó trong cách cư xử của chúng ta. Chúng ta đòi hỏi người khác phục vụ Đức Kitô theo kiểu riêng của chúng ta, dưới sự điều khiển của chúng ta; chúng ta không chấp

nhận rằng những người khác làm trệch đi ý hướng của Vị Thầy ra khỏi sự lo lắng của chúng ta. Chúng ta tự động cắt xén Đức Yêsu sao cho vừa với tầm cỡ của chúng ta. Chúng ta sợ bị thất sủng đối với Người hoặc không nhận được cách đồng đều tình thương của Người nếu những người khác lui tới quá gần gũi với Người.

Với Maria, với những người giống như Maria, và với mỗi người chúng ta, Đức Yêsu cũng muốn nói một lời mời gọi căn bản: *“Chỉ có một điều cần”*: Hãy bỏ mọi lo lắng qua một bên; hãy hiến dâng chính mình với đôi bàn tay trắng, rồi *“chọn phần tốt nhất”*.

“Phần tốt nhất” này sẽ không bị ai lấy mất, và Maria đã “enjoy” nó. Không phải cô ta xứng đáng để có nó, hoặc sự “chiêm niệm” của cô ta đã “phỏng tay trên” của hoạt động của người chị mình. Nhưng cô ta đã tự quay mình về với lời Chúa, về với ân sủng được ban ra do sự hiện diện của Đức Chúa.

Vậy, Maria quả đã cho chúng ta một mẫu gương của việc đón tiếp Chúa Yêsu trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta hãy noi gương Maria để có được một tấm lòng bao dung đối với mọi người, nhất là những người sống trong gia đình, cộng đoàn chúng ta, nhờ chuyên cần *tập đón tiếp Chúa Yêsu* qua việc ngồi dưới chân Người để nghe lời Người.

6.

Tập đi vào sa mạc với Chúa Yêsu

*"BẦY GIỜ ĐỨC YÊSU ĐƯỢC THÁNH THẦN
DẪN VÀO HOANG ĐỊA ĐỂ CHỊU MA QUỶ CẢM DỖ"*

(Mt 4:1).

Trong sinh hoạt phụng vụ của Giáo hội, có nhiều lần Giáo hội mời gọi chúng ta đi vào sa mạc, đặc biệt là phụng vụ của mùa vọng và mùa chay. Mùa vọng, chúng ta đi vào sa mạc với Yoan Tẩy giả, để dọn lòng trông chờ Đấng Cứu thế đến. Mùa chay, chúng ta đi vào sa mạc với chính Đấng Cứu thế, để được tinh luyện tâm hồn, xứng đáng cử hành mầu nhiệm kết thúc hành trình cứu chuộc.

Việc đi vào sa mạc với Đức Kitô là để chúng ta đi vào tình thân mật với Người hơn, qua việc: (1) lắng nghe tiếng

của Người, (2) trò truyện bàn bạc với Người và để được (3) cùng với Người chiến đấu trong cuộc chiến nội tâm: ba việc này có liên quan với nhau. Ở đây, chúng ta chỉ đưa ra một vài ý nghĩa trọng tâm:

* Muốn chiến thắng trong trận chiến nội tâm, chúng ta phải ***gắn bó với Lời Chúa***. Chúng ta xem những lời đối đáp với đối thủ Satan, sẽ thấy Chúa Yêsu, cả ba lần bị cám dỗ, đều dùng Lời Chúa: Lần I, "*Có Lời chép rằng: Người ta sống không nguyên bởi bánh, nhưng bởi mọi Lời do miệng Thiên Chúa phán ra*"; lần II, "*Nhưng cũng có Lời chép rằng: Người dùng thử thách Chúa là Thiên Chúa người!*"; lần III, "*Vì đã có Lời chép rằng: Người phải thờ lạy Đức Chúa là Thiên Chúa người, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi*". Đón nhận Lời Chúa là chúng ta đón nhận chính quyền năng của Thiên Chúa Cha, để như và cùng với Chúa Yêsu, chúng ta đẩy lui được kẻ thù của chúng ta, Satan. Nói khác đi, đón nhận Lời Chúa, là đón nhận chính Chúa Yêsu - vì Lời chính là Thiên Chúa - để chúng ta được Người ở trong chúng ta, chiến đấu cùng với chúng ta.

* Chỉ từ trong sa mạc, đặc biệt là từ trong ***sa mạc nội tâm***, mới xuất phát những thành công, và đôi khi, những thành công phi thường. Nếu hiểu rằng, công cuộc cứu độ là công trình vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại, thì người ta không lạ gì tại sao Đấng Cứu thế lại đi vào sa mạc trong một thời gian dài như thế, mặc dù trước đó Người đã sống chiêm niệm trong đời sống ẩn dật một thời 30 năm dài đằng đẳng. Người ta thường nói thời gian hành trình trong sa mạc thật quý, bởi vì, nơi đó chứa đựng

nhieu năng lực để xuất phát ra những tư tưởng sâu sắc, những quyết định dứt khoát - ngay cả có thể rất "táo bạo" - trong lý tưởng, những sáng kiến đầy thần hứng, những quyết tâm mạnh mẽ và quyết liệt cho hành trình đức tin và lý tưởng trong tương lai. Tất cả những "*sản phẩm tinh thần*" ấy là những thước đo chính xác nhất cho sự thành công của đời sa mạc.

Các thánh nhân, các bậc cha ông chúng ta đã thành công vẻ vang là nhờ có những thời gian đi trong sa mạc với Chúa. Vậy, nếu chúng ta muốn thành công trong việc nên thánh, muốn thành công trong việc trở thành *người Samaritanô nhân hậu của thiên niên kỷ thứ ba*, chúng ta cần phải đồng hành với *Chúa Yêsu trong sa mạc*. Việc đồng hành này mang hai ý nghĩa chính: một là một ý thức tỉnh lặng nội tâm trong mọi lúc, đặc biệt phải có giờ cầu nguyện, gặp gỡ Chúa trong tỉnh lặng; hai là cần có những khoảng thời gian đặc biệt như gặp gỡ vị linh hướng, tĩnh tâm...

Các vị quân sư trong đời sống tu đức có kinh nghiệm rằng, càng đi vào trong sa mạc, ta càng dễ bị ma quỷ quấy nhiễu. Vậy, nếu chúng ta đã quyết định đi vào sa mạc với Đức Yêsu, trong những ngày tháng trong sa mạc, chúng ta luôn luôn phải đề cao cảnh giác, đặc biệt bằng việc chuyên chăm đón nhận Lời Chúa vào tâm hồn, để chống lại những cuộc tấn công của ác thần "*luôn rảo quanh tìm mồi cắn xé*". Chúng ta cần tỉnh thức thức để trong những lúc ma quỷ "*đến gần*" chúng ta như nó đã "*đến gần*" Chúa Yêsu, hoặc chúng ta có thể bị ma quỷ *đặt chúng ta lên nóc đền thờ*" như chúng đã đặt Đấng Cứu thế, hoặc chúng

ta có thể bị ma quỷ đưa chúng ta "đi lên ngọn núi rất cao", như nó đã đưa Thầy Chí Thánh của chúng ta lên.

LỜI NGUYỆN

Lạy Chúa Giê-su, Đấng Cứu thế, trước ngưỡng cửa năm 2000, xin cho chúng con được liên kết với Chúa trong từng chặng đường thương khó của công cuộc cứu độ thế giới. Xin cho chúng con được mặc lấy chính Chúa mọi lúc, nhất là trong những lúc chúng con bị satan tấn công. Khi chúng con gặp gian nguy, xin Chúa nên như mã giáp, thuẫn khiên, thành trì kiên cố bảo vệ chúng con. Xin giúp chúng con thực sự đi vào sa mạc với Chúa trong ngàn năm Kitô mới này.

Lạy Mẹ Maria, lòng Mẹ là bãi sa mạc hoang vắng của đời sống nội tâm. Trong mọi lúc, đặc biệt trong thời gian chúng con đón chờ ngày kỷ niệm lần thứ 2000 biến cố Con Mẹ đến trần gian này, chiến thắng quyền lực của bóng tối, để đem lại ơn cứu độ và vinh quang bất diệt cho chúng con, xin Mẹ ủi áp chúng con trong Mẹ, để chúng con nên như những đũng sĩ trong trận chiến nội tâm, cũng như để nhờ Mẹ, chúng con đón nhận được những tác động mạnh mẽ của Chúa Thánh Thần, để Người khơi dậy trong đáy tâm linh chúng con những khai phá mới, những nguồn sinh lực mới, những cảm hứng và cảm thúc nội tâm mới, những vang động mới, những tiềm lực mới, cho cuộc hành trình mới trong ngàn năm mới của chúng con.

7.

Tập vươn linh hồn lên tới Chúa

'CON VƯƠN LINH HỒN CON LÊN TỚI CHÚA'

(Tv 24:1).

Đó là một lời cầu nguyện, một lời cầu nguyện rất phổ thông, nói lên ý nghĩa đầu tiên của việc cầu nguyện. Thật vậy, khi định nghĩa về cầu nguyện, chúng ta thường nói thuộc nằm lòng rằng: *"Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên tới Chúa"*. Lời nói đầu tiên này như một lời nói gồm tóm tinh thần, linh đạo của người tín hữu. Nó được cất lên trong tất cả mọi thánh đường trên thế giới, cũng như nó được thốt lên trên môi miệng của tất cả mọi con cái của Giáo hội, khi họ vừa bước vào ngưỡng cửa của thánh đường trong ngày đầu năm mới phụng vụ.

Tiên tri Isaia đã mô tả cho chúng ta một hình ảnh của sự "vươn lên" này: *"Điềm xảy ra trong những thời sau hết, là núi nhà Chúa được xây đắp trên các đỉnh núi, và núi ấy sẽ cao hơn các đồi, và các dân sẽ tuôn về đó."* Tiên tri

Isaia nói, *"thời đại sau hết"* vào thời đó, tức là thời gian sau cùng còn lại để đón Đấng Cứu thế đến - ngụ ý nói, Đấng Cứu thế sắp đến rồi, người ta hãy cùng lên núi thánh cầu nguyện để chuẩn bị gặp gỡ Người. Đó là hình ảnh cho *"thời đại sau hết"* chúng đang sống ngày nay, thời đại của Đức Kitô phục sinh, thời đại toàn thể nhân loại đang mong chờ Đấng Cứu thế đến lần thứ hai trong vinh quang, - để sau thời đại này, sẽ không còn một thời đại nào nữa, ngoài thời đại của thời gian vĩnh cửu.

Những năm cuối cùng của thiên kỷ thứ hai này là thời gian chúng ta chuẩn bị đón Chúa đến một cách đặc biệt vào năm 2000. Thiết tưởng, thời gian này nên là thời gian đặc biệt để chúng ta vươn linh hồn chúng ta lên với Chúa, để dọn lòng chúng ta đón Chúa đến trong năm kỷ niệm biến cố Hồng ân cứu độ được ân ban cho con người cách đây 20 thế kỷ.

Tiên tri Isaia đưa chúng ta đi lên núi thánh khi mời gọi chúng ta: *"Hãy đến, chúng ta hãy lên núi, và lên nhà của Giacôb. Người sẽ dạy chúng ta đường lối của Người."*

Đáp lại lời mời gọi của vị tiên tri, dân chúng đồng thanh thốt lên lời Thánh vịnh: *"Ôi, tôi vui sướng biết bao khi nghe nói: Chúng ta sẽ về Nhà Chúa" (Tv 121:1).*

Giáo hội luôn hướng toàn thể con cái mình về với đời sống cầu nguyện, cốt yếu của đời sống nội tâm, để từ đó, Giáo hội mới có được niềm vui vĩnh cửu. Niềm vui này chỉ có thể đạt được bằng việc *"đi lên núi thánh"*, nói theo kiểu của Isaia, bằng việc *"đi về Nhà Chúa"*, vừa theo kiểu nói của Iasia, vừa theo ngôn từ của tác giả thánh vịnh 121.

Nếu lật lại trang đầu và trang cuối của lời Chúa trong một năm phụng vụ, chúng ta đều thấy cùng một lời Thánh vịnh: *"Ôi, tôi sung sướng biết bao khi nghe nói, chúng ta sẽ về Nhà Chúa!"*: Rõ ràng Giáo hội đã muốn hướng tất cả chúng ta về với niềm vui của việc cử hành năm phụng vụ trong cuộc sống tại thế, từ trong *"Nhà Chúa làm bằng gỗ đá"*, đến đời sống kết hiệp với Thân thể Chúa Kitô, *"Nhà Thân thể Chúa"*, và cuối cùng đến *"Đền thánh Yêrusalem trên trời"*.

Tham dự việc cử hành phụng vụ xong, dù chúng ta không còn tiếp tục *"dừng lại"* nơi Nhà Chúa một cách thể lý, nhưng, tác giả thánh vịnh khuyên chúng ta *"Hỡi Yêrusalem, chôn chúng ta dừng lại ở tiền đường nhà ngươi... (Tất cả mọi người) tuôn về đó để tung hô danh Chúa"*: Chúng ta cũng hãy tiếp tục dừng lại trong nhà Chúa một cách thiêng liêng, nghĩa là chúng ta phải liên li đi sâu vào trong đời sống nội tâm.

Đi vào đời sống nội tâm chính là đi vào trong sự kết hiệp mật thiết hơn với Đức Yêsu. Thánh Phaolô dùng một kiểu nói khác để diễn tả: *"Hãy mặc lấy Chúa Yêsu Kitô"* (Rm 13:14). Chúng ta phải không ngừng mặc lấy Đức Kitô. Người như áo mã giáp thiêng liêng, là thứ *"khí giới của ánh sáng"* mà Phaolô muốn nói tới. *"Hãy mặc lấy Đức Kitô"*. Đó là lời khuyên tích cực của Phaolô; lời khuyên tiêu cực của ngài là: *"Anh em thân mến, đừng sắp tàn, ngày gần đến, chúng ta hãy từ bỏ những hành vi ám muội,... không ăn uống say sưa, không chơi bời dâm dăng, không tranh chấp ganh tị,... chớ lo lắng những dục*

vọng xác thịt": Những lời nói này của Phaolô tưởng đã rất phong phú cho những thực hành cụ thể của chúng ta, khi chúng ta muốn bước qua ngưỡng cửa của năm 2000 với một tinh thần mới. Ngay cả những tư tưởng tích cực, Phaolô cũng không quên căn dặn: "Anh em biết rằng, thời này là lúc chúng ta phải thức dậy... Chúng ta hãy đi đứng dằn hoàng như giữa ban ngày,... Hãy mặc lấy Đức Kitô..."

Những tư tưởng trên dạy cho chúng ta một tinh thần thường xuyên phải có khi chúng ta đang chuẩn bị tâm hồn đón Đấng Cứu thế đến, đó là: *sự tỉnh thức*.

Dân tộc của thời Cựu ước đã phải tỉnh thức để đón Đấng Cứu thế đến lần thứ nhất. Ngày nay chúng ta cũng phải tỉnh thức đón Người đến từng giây phút trong cuộc đời chúng ta, đặc biệt qua Bí tích Thánh Thể, qua Lời Chúa, qua người anh em; đồng thời, chuẩn bị cho việc Người đến hữu hình với chúng ta trong ngày khánh tận của thế giới. Vì tầm quan trọng của tinh thần này, Đức Yêsu đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong Phúc âm: *"Các con phải sẵn sàng, vì lúc các con không ngờ, Con Người sẽ đến."* Paschasius Radbertus, một vị giáo phụ vào thế kỷ thứ tám viết: *"Ngày cuối cùng của thế giới sẽ đến cho mỗi người chúng ta ngay trong ngày chúng ta từ giã cuộc sống này.... Điều này có nghĩa là, chúng ta phải "make sure" rằng, chúng ta chết trong tình trạng thánh thiện" như tình trạng chúng ta mong ước có trong ngày phán xét chung... Sự thiếu chuẩn bị cho ngày phán xét riêng của*

chúng ta cũng đồng nghĩa với sự thiếu chuẩn bị cho ngày phán xét chung."

Việc chuẩn bị đón Chúa đến cách đặc biệt trong năm 2000 cũng không đi ra ngoài ý nghĩa đó của việc tỉnh thức. Hơn thế nữa, việc sống tinh thần tỉnh thức để bước vào năm 2000 cũng đồng thời là một chuẩn bị để sống tinh thần tỉnh thức của những năm trong thiên niên kỷ thứ ba sắp tới. Sự tỉnh thức này đòi hỏi chúng ta một sự xác tín mạnh mẽ về một tương lai vĩnh cửu mà chúng ta mong ước và hy vọng tràn đầy, nhờ Đấng Cứu độ, sẽ đạt tới được.

Lời của Công đồng Vatican II làm phấn khởi chúng ta: *"Giáo hội [nghĩa là trong đó có chúng ta]... sẽ đạt được sự viên mãn của mình trong vinh quang của Thiên đường"* (x. Hiến chế về Giáo hội, số 48).

Tạ ơn Chúa đã cho chúng ta đang là những người đặc biệt hướng về thế giới bên kia nhất. Điều đó đòi buộc chúng ta càng phải *"vươn linh hồn"* chúng ta lên cao thật cao tới Chúa, bằng việc quyết tâm mặc lấy chính Đức Kitô trong cảnh đời u minh này.

Chúng ta cùng nhau phó thác thời gian này cho Mẹ Maria. Nếu do việc Mẹ nghiền ngẫm lời Thánh vịnh và lời của tiên tri Isaia, mà Mẹ đã sống trọn vẹn tinh thần *"nâng tâm hồn lên tới Chúa"* trong mùa Vọng của Cựu ước, thì xin Mẹ cũng giúp chúng ta sống được cùng những lời ấy như Mẹ. Nào, chúng ta hãy cùng nhau, và cùng với Mẹ *vươn linh hồn lên tới Chúa!*

8.

Tập đi lên núi với Chúa

*“KHI ẤY, CHÚA YÊSU ĐƯA PHÊRÔ, GIACÔBÊ VÀ
JOAN ĐI LÊN NÚI CẦU NGUYỆN”
(Lc 9:28b).*

Mặc dù thánh Gioan tông đồ được mệnh danh là “người tông đồ Chúa yêu” cách riêng, nhưng cùng với Gioan, Phêrô và Giacôbê cũng được Thầy mình dành cho một tình thương yêu đặc biệt. Một trong những lần đặc biệt tỏ tình thương yêu này đều được cả ba tác giả Phúc âm Nhất lãm ghi lại: “Khi ấy, Đức Yêsu gọi Phêrô, Giacôbê và em là Gioan, và đưa các ông lên chỗ riêng biệt trên núi cao.” (Mt 17:1). “Khi ấy, Đức Yêsu đưa Phêrô, Giacôbê và Gioan đi riêng với Người lên núi

cao.” (Mc 9:1). Trình thuật của Luca khác với trình thuật của Matthêô và Marcô một chút. Tuy nhiên, nó vẫn chứa đựng nét đặc trưng của nó.

Lu-ca đã mặc cho biến cố biến hình một viễn tượng phục sinh đặc biệt hơn Matthêô và Marcô: Sự biến hình xảy ra sau khi Đức Yêsu hứa rằng, “*Trong những người có mặt đây, có người sẽ không nếm biết cái chết, trước khi thấy Nước Thiên Chúa.*” (Lc 9:27). Bấy giờ, đối với Người, “*Thấy Nước Thiên Chúa*” là nhận ra uy quyền của Đức Kitô phục sinh. Hơn nữa, thánh sử đã đặc biệt lưu ý rằng biến cố này đã xảy ra “khoảng tám ngày sau” khi Người nói điều đó.

Đức Yêsu đã rất thường lên núi này cầu nguyện, nhiều khi còn đưa môn đệ của mình đi nữa. Nhưng lần đi lên núi này mang một ý nghĩa rất đặc biệt: Đức Yêsu tỏ tình thương yêu riêng của Người qua việc cho thấy ánh sáng hữu hình của Thiên Chúa Vô hình trên thân xác của Đức Yêsu, một thân xác mang đầy đủ mọi đặc tính của một con người như mọi người chúng ta (ngoại trừ tội lỗi).

Biến cố tỏ tình thương này chúng ta gọi là biến cố Đức Yêsu *biến hình*, hay *hiển dung*: Cả hai từ ngữ bổ túc cho nhau: *hình* dạng Đức Yêsu được biến đổi qua trạng thái *hiển* vinh trên *dung* mạo Người. Luca ghi: “*Và đang khi cầu nguyện, **dung** mạo Người **biến** đổi khác thường*” (9:29a), cả “*áo Người cũng trở nên trắng tinh sáng láng*” nữa (9:29b). Khi đó, Người chưa chịu tử nạn và chưa sống lại *hiển* vinh, nhưng vì Người là

Thiên Chúa, nên Người luôn luôn *hiển* vinh và *hiển* trị đời đời: sự *hiển* vinh hằng ngự trị trong con người Đức Yêsu, cả thần tính lẫn nhân tính, do đó, Người có khả năng tỏa sáng, tỏa ánh sáng *hiển* vinh của Thiên Chúa bất cứ khi nào Người muốn (kể cả khi Người chưa sống lại từ cõi chết). Ba tông đồ đã làm chứng về điều đó: *“Phêrô và hai bạn ông đang ngủ mê, chợt tỉnh dậy, thấy vinh quang của Chúa.”* (9:32). Nói cách khác, Đức Yêsu đã sống trước sự phục sinh của Người.

Sự ưu đãi ba vị tông đồ này là một điều bí mật, chỉ *“người yêu”* mới được thầy mình mặc khải cho: *“Và trong lúc từ trên núi xuống, Đức Yêsu đã ra lệnh cho các ông rằng, ‘Các con không được nói với ai về thị kiến đó...’”* (Lc 17: 9).

Sự tỏ vinh quang này của Đức Yêsu làm chúng ta liên tưởng tới việc từ bao ngàn năm về trước đó, rằng, Môi-sen đã từng nhìn thấy diện đối diện với ánh sáng vinh quang của Thiên Chúa trong ngọn lửa của bụi gai, cũng như chính ánh sáng đó đã phản chiếu trên chính thân xác của Môi-sen, đặc biệt là trên khuôn mặt của mình mà dân Chúa của thời Cựu ước đó ai nhìn vào cũng thấy, khi Môi-sen từ trên núi Xi-nai đi xuống (Xh 34:29-30). Nó cũng gợi lên cho chúng ta vinh quang của Đức Kitô phục sinh. Rồi trong biến cố hiển dung này, Môi-sen, và cả Elia cũng lại xuất hiện trong *“vinh quang”* như là những con người đang sống trong Nước Thiên Chúa.

Mặc dù ánh sáng thiêng liêng ở “cường độ cực mạnh” đến độ làm ba môn đệ Đức Yêsu phải “kinh hoàng”, nhưng các ngài đã thực sự cảm “*nếm được Nước Thiên Chúa*”, chiêm ngắm được dung nhan Thiên Chúa Vô hình tỏ hiện trên khuôn mặt bằng xương bằng thịt của Thầy mình: Thật còn gì sung sướng bằng ! - Phêrô đã phải thốt lên: “*Lạy Thầy, chúng tôi được ở đây thì tốt lắm, chúng tôi xin làm ba lều, một cho Thầy, một cho Mô-i-sen, một cho Elia.*”

Trên hành trình đi theo Chúa của chúng ta, những lần Chúa ban ơn cho chúng ta, những lần chúng ta cảm thấy trong tâm hồn một niềm vui thanh thoát, những lần Chúa ban cho chúng ta những tia sáng mới để khám phá ra Chúa, để khám phá ra tình yêu Chúa trong cuộc đời, những lần Chúa ban cho chúng ta gặp may mắn, những thời gian Chúa cho chúng ta cảm thấy sốt sắng, những giai đoạn Chúa cho chúng ta được khỏe mạnh trong thân xác và an bình trong tâm hồn, ... đều là những lần Chúa đưa chúng ta đi lên núi với Chúa để chúng ta cảm nếm được một chút gì tuyệt vời của Nước Thiên Chúa.

Những giây phút đặc biệt của việc “*đi lên núi với Chúa*” như ba môn đệ kia, nói được là những giây phút cầu nguyện, những giây phút chúng ta cùng với Chúa Yêsu cầu nguyện cùng Thiên Chúa Cha. Đặc biệt hơn nữa là, nếu Chúa cho chúng ta có được những ngày giờ “*lên núi*” trong một thời gian để hoàn toàn sống trong thinh lặng với Chúa, thì, theo bản chất, quả là một

niềm hạnh phúc ! Nếu vậy, thời gian của một cuộc tĩnh tâm hẳn phải là một thời gian hết sức quý báu, thời gian Chúa *“đưa chúng ta lên núi cầu nguyện”*. - Thời gian Chúa *thương riêng chúng ta*. Vấn đề của chúng ta là phải thực sự bỏ hết mọi sự dưới chân núi để đi vào sự cầu nguyện với Thầy mình. Theo đó, mặc dù phải chiến đấu, mặc dù có thể có nhiều điều trái ý chúng ta phải chấp nhận, phải chịu đựng, phải hy sinh, nhưng thời gian đi lên núi chỉ thực sự đạt được thành quả của nó, khi chúng ta, như ba môn đệ kia, cảm *“nếm được Nước Thiên Chúa”*, *chiêm ngắm được ánh vinh quang của Đức Chúa chúng ta*. Cũng theo đó, chúng ta cùng xin ơn Chúa cho chúng ta thực sự cảm nếm được tình yêu dịu ngọt của Người, quan chiêm được chính Người, để chúng ta, thay vì mong cho thời gian tĩnh tâm sớm trôi qua, lại mong sao cho ngày xuống núi lâu tới để còn có đủ giờ *“dừng lều”* cho Thầy mình.

Chúng ta xin Đức Maria, Đấng đã ở với Chúa, đã liên lý cầu nguyện với Chúa, đã cùng *“lên núi”* với Chúa, đã *“ở cùng lều”* với Chúa suốt ba mươi năm tại Nazareth, luôn dẫn chúng ta *“đi lên núi”* với Thầy mình; và một khi đã ở trên núi rồi, sẽ thực sự cảm nếm được những dịu ngọt của tình yêu Chúa. Chúng ta không xin cho được ơn như Môisen, nhưng xin Thân xác phục sinh của Đức Kitô biến đổi chúng ta mỗi ngày, được nên giống như thân xác của Người hơn. Chúng ta không xin cho được ơn xuất thần như Phêrô, Giacôbê và Gioan, nhưng chỉ xin cho được ơn, khi nhìn

thấy được những hấp dẫn của thế giới bên kia, sẽ sẵn sàng và dứt khoát từ bỏ cách quyết liệt hơn tất cả những gì chống qua của đời tạm này, để có một dốc lòng mạnh mẽ trong sứ vụ làm chứng nhân cho Đức Kitô trong ngàn năm thứ ba này, làm chứng rằng mình đã gặp Người trên núi thánh.



9.

Tập sống với Chúa Yêsu, Người bạn thân tình

*'ÔNG LÀ NGƯỜI DO THÁI MÀ LẠI XIN TÔI,
MỘT PHỤ NỮ SAMARITANÔ,
CHO ÔNG NƯỚC UỐNG SAO ?'*

(Ga 4:9).

Đức Yêsu, một con người

Trình thuật cuộc đối thoại giữa Chúa Yêsu với người phụ nữ Sa-ma-ri là một trong những trình thuật nói lên nhân tính của Người: Đức Yêsu là một con người, làm người như mọi người chỉ trừ tội lỗi, sống giữa con người, dùng ngôn ngữ của con người để nói chuyện, đối thoại với con người về những vấn đề cụ thể trong cuộc sống con

người, về những bản khoán khắc khoải, đặc biệt là về niềm tin của con người.

Đức Yêsu, Đấng Messia

Ngoài mặc khải nhân tính của Đức Yêsu, trình thuật còn nhấn mạnh đến thần tính của Người: Người còn hơn cả một tiên tri, Người biết rõ chuyện quá khứ, chuyện tương lai của con người, nói trúng phóc, nói ngay tim con người, nói lật tẩy những yếu điểm, nói khen lao những ưu điểm, nói phanh phui những quá khứ tội lỗi của con người khi con người đối thoại với Người... Người là Đấng Messia, Đấng phải đến từ Thiên Chúa, và là Thiên Chúa, Thiên Chúa của Tổ phụ Abraham của người Do-thái, Thiên Chúa của Tổ phụ Yacob, người đã để lại giếng nước cho dân Sa-ma-ri. Chúa xác định với người phụ nữ Sa-ma-ri: *"Đấng ấy chính là Ta, người đang nói với chị đây"*.

Đức Yêsu, mẫu gương và trung gian của việc thờ phượng

Qua việc mặc khải Thiên Chúa Cha, Đức Yêsu đã mặc khải về việc thờ phượng khi Người xác định rằng: *"Này chị, hãy tin tôi, đã đến giờ các người sẽ thờ phượng Chúa Cha, không phải trên núi này hay tại Yêrusalem. Các người thờ Đấng các người không biết, còn chúng tôi thờ Đấng chúng tôi biết, vì ơn cứu độ phát xuất từ dân Do-thái. Nhưng giờ đã đến - Và chính lúc này đây - Giờ những người thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Chúa Cha theo Thần khí và sự thật, vì Thiên Chúa tìm kiếm những người như thế. Thiên Chúa là Thần khí và những*

kẻ thờ phượng Người phải thờ phượng theo Thần khí và sự thật."

Tâm tình chia sẻ: Yêsu, Người Bạn thân tình

Có một bạn trẻ, khi sắp ra trường trung học ở Mỹ, một ngày kia viết cho tôi một lá thư có những dòng chữ như sau:

"Tuy rằng này giờ dùng hai chữ từ 'cha' và 'con', nhưng con đang viết thư như là viết cho một người bạn chứ không phải cho một vị linh mục, một người lớn tuổi hơn, hiểu biết rộng hơn, một người bạn có thể hiểu được con. Con không biết như vậy có là vô lễ không ? Hay là con có phạm vào tội nào tự cao chưa ? Nhưng con biết chắc là cha không giận con đâu, vì chỉ khi viết thư cho một người bạn, con mới có thể cởi mở tâm sự được, bằng không, chắc con khóp lăm, không viết được lấy nửa trang ! Mong rằng cha đừng chấp cha nhé ! À, sẵn tiện cha cho con hỏi luôn, khi con nói chuyện với Chúa, con cũng coi Chúa như một người bạn chứ không phải một người Cha; vì như vậy, con cảm thấy thoải mái và gần gũi với Chúa hơn. Như vậy con có tội không cha ?"

Tôi đã trả lời thư cho người bạn trẻ này như sau:

"Trước hết, cha mời con đọc lại đoạn Phúc âm kể lại câu chuyện xảy ra bên bờ giếng Ya-cob (Ga 4,5-42), rồi sau đó đọc tiếp lá thư này.

Câu chuyện trong đoạn Phúc âm con vừa đọc chính là một câu trả lời đầy đủ cho vấn nạn của con: Chúa Yêsu đã không những không trách người phụ nữ Sa-ma-ri "dám nói chuyện" với Người, nhưng chính Người đã "mon men" đến với chị để

trò chuyện với chị. Người Do-thái, tức là dân Chúa trong thời Cựu ước mang nặng tâm tính "kính" và "sợ" Đức Ya-vê. Mặt khác, những cuộc đối thoại giữa người nam và người nữ của người Do thái thời đó không phải là một chuyện thường tình. Nhưng trong câu chuyện của Phúc âm, chắc chắn một điều là thái độ của Đức Yêsu đã không làm cho người phụ nữ đó "sợ hãi", e dè, khi đối thoại một cách tự nhiên với chính Thiên Chúa như đối thoại với chính một con người. Chị ta đã rất "enjoy" cuộc đối thoại với Người. Sau chị, đến những người khác. Thực vậy, vì rất "enjoy" nói chuyện với Người, họ đã xin Người ở lại để cho họ được nói chuyện với Người. Họ đã trò chuyện hai ngày với Người vừa như một người khách quý, vừa như một người bạn thân tình.

Như vậy, con thấy đó, chính Chúa Yêsu cũng đối xử với chúng ta như đối xử với những người Sa-ma-ri, đặc biệt với người phụ nữ ấy. Nên những gì con nghĩ và viết cho cha về cách thể cầu nguyện với Chúa, rất là tuyệt, con cứ tiếp tục làm: Một mặt con tin Chúa là Thiên Chúa, là Đấng Hóa công, là Cha, mặt khác, con cũng ý thức trong khi cầu nguyện rằng, Người cũng là người bạn của con, con cứ "tự nhiên" tiếp chuyện với Người. Đối với thiên Chúa còn như vậy phương chi đối với cha - cha nào "dám" trách con!.."

Tâm tình trong ngàn năm thứ ba

Tâm tình của chúng ta phải là tâm tình của một người con, phải biết thờ phượng Thiên Chúa là Cha. Việc thờ phượng được thực hiện cách sâu xa nhất khi chúng ta đến với Chúa Con, để chúng ta gặp gỡ được Chúa Cha. Đó là tiến trình đi lên của đời sống đức tin. Nếu nó đã xảy ra trong tâm hồn của người phụ nữ và của những người Sa-

ma-ri khác vào thời đó, nó cũng sẽ diễn ra tương tự như thế trong hành trình đức tin của chúng ta ngày nay.

Để đạt được tâm tình này, chúng ta cần phải có một tâm thức đúng đắn về tôn giáo như Đức Yêsu huấn giáo chúng ta qua Lời Chúa: *"Này chị, hãy tin Tôi, đã đến giờ các người sẽ thờ phượng Chúa Cha không phải trên núi này hay tại Yêruselem... những người thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Chúa Cha trong thần khí và sự thật..."*

Tôn giáo, các tổ chức của tôn giáo là quan trọng. Nhưng chẳng phải do nhãn hiệu tôn giáo mình mang, tổ chức tôn giáo mình tham gia, dòng tu mình đang thuộc về sẽ tự nhiên bảo đảm cho việc chúng ta thuộc về Thiên Chúa, bảo đảm cho một tình thâm giao giữa chúng ta với Thiên Chúa - Theo đó, chúng ta có thể suy ra rằng, một người tín hữu khi mất một phần đức tin có thể nghĩ rằng, tôi phải chuyển qua một Giáo hội có những giáo dân tốt hơn, một Giáo hội giàu có hơn, có những vị lãnh đạo giảng hay hơn, có những tư tưởng tiến bộ hơn, ... để rồi tôi sẽ đương nhiên trở nên một Kitô-hữu chính hiệu nai vàng... Hay nói ví dụ đối với người tu sĩ chưa cảm chắc những nguyên lý căn bản trong đời tu, có thể nghĩ rằng, mình không nên quá an an tĩnh tĩnh, nhất là quá niềm tự hào rằng tôi đang thuộc một dòng nổi tiếng trong Giáo hội, hay tôi phải chuyển qua một dòng có tiếng tăm và "ngầu thật ngầu", để tôi có được một đời sống an thân hơn, bớt thử thách hơn, ít hy sinh hơn, ít thánh giá hơn, và nhất là, để tôi nghiệm nhiên trở thành một tu sĩ vừa "ngầu" vừa thánh thiện, để rồi từ đó, có thể dẫn tôi đến tình trạng cảm chắc, hay ngay cả tự đắc mình là "một vị

chân tu"! Không đâu! Mặc dù đạo Công giáo giáo là nhất theo bản chất, nhưng tôi còn phải tự nỗ lực không ngừng trong việc đi dần vào cuộc thâm giao với Chúa; nếu tôi là một tu sĩ, thì mặc dù tinh thần, tôn chỉ của bốn dòng rất có thể ảnh hưởng đến đời tu của tôi chẳng nữa, nhưng niềm tin yêu vào Thiên Chúa vẫn là một cuộc gặp gỡ tự thân, một thâm giao trong tình bạn, một thâm giao giữa con người và Thiên Chúa như Đức Yêsu bộc lộ cho người phụ nữ Sa-ma-ri: *"Những kẻ thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Cha trong Thần khí và sự thật"*.

Muốn đến được với Cha trong Thần khí và chân lý, tức là gặp gỡ tự thân thể nào đó với Đấng tự mạc khải *"Chính là Ta, Đấng đang nói với chị"*, chúng ta cần có một tâm thức như tâm thức của Đức Kitô, là không tự tạo ra một giới hạn nào cả, là Do thái hay Sa-ma-ri, là lương hay giáo, là dòng hay triều, là Phan-xi-cô hay Đa-minh, là Việt hay Tàu, là người Á hay người Âu, là hội Liên Minh Thánh Tâm hay Dòng Ba, ... bởi vì tất cả họ đều có thể thờ phượng Cha trong Thần khí và Chân lý, nếu và khi họ gặp gỡ được Đức Yêsu và đối thoại với Người trong sâu kín của tình bạn. Đối với Thiên Chúa, nhân hiệu bên ngoài không phải là cơ sở chính yếu để đón nhận hay khai trừ bất cứ một ai, là linh mục hay giáo dân là tu sĩ hay "người đời"..., là thầy tư tế, thầy Lê-vi, hay người ngoại giáo...

Mọi người đều được Đức Yêsu coi như nhau. Tất cả đều được Người dành cho một chỗ riêng tư trong trái tim của Người, khi và nếu họ gặp gỡ và tin vào Người là hiện thân của Thiên Chúa Cha, Đấng là nguồn tràn trào yêu

thương đã đến giữa người nhà của Người như thánh Yoan Tông đồ đã có kinh nghiệm trong cuộc gặp gỡ này: *"Và Lời đã thành xác phàm, và đã lưu trú giữa chúng tôi, và chúng tôi được ngắm vinh quang Người, vinh quang như vinh quang của Con Một tự nơi Cha, tràn đầy ơn nghĩa và sự thật"*. Và trong câu chuyện Phúc âm trên, chẳng phải do điều gì khác, chẳng dựa trên cơ sở nào khác, *"không còn phải vì câu chuyện của chị mà chúng tôi tin"*, mà vì một thâm-giao trùng phùng trong tình bạn, bởi *"chính chúng tôi cũng đã nghe và chúng tôi biết: Thật Người là Đấng Cứu thế"*. Chúng tôi là tự thân đã gặp gỡ Đấng kêu lên với Thiên Chúa: *"Abba - Lạy Cha"*.

Vậy, chúng ta hãy nên như dân Sa-ma-ri, xin Chúa Yêsu lưu lại trong tâm hồn và trong cuộc sống của chúng ta, đặc biệt trong thời gian Chúa cho chúng ta được đồng hành với thế giới trong kỷ nguyên mới của chương trình cứu độ này, cho chúng ta được trò chuyện thân tình với Người, hầu nhờ đó, chúng ta mới có thể khám phá ra những điều kỳ diệu của Thiên Chúa, cũng như được Người chỉ cho chúng ta biết rõ hơn về chính con người của chúng ta, nhất là cho chúng ta luôn biết cảnh tỉnh và phản tỉnh rằng, *đời sống đức tin của chúng ta đã thực sự có được một thâm giao sâu kín với Đức Yêsu trong tình bạn chưa ?*

10.

Tập nhìn để yêu thương những người bạn trẻ mình đầy vết thương

*'HỌ ĐỐI LẠI: MÀY SINH RA TỘI LỖI NGẬP ĐẦU,
THẾ MÀ MÀY LẠI MUỐN LÀM THẦY CHÚNG TÔI ư ? -
HỌ LIỀN TRỰC XUẤT ANH'*

(Ga 9:34).

7rước hết, chúng ta nói một lời cô đọng những dòng suy tư khá dài này:

Câu chuyện Phúc âm Ga 9:1-41 về người mù từ khi mới sinh nói lên một cuộc hành trình đức tin đầy cam go và nước mắt của một người bạn trẻ. Đó như là một

câu chuyện mẫu của muôn vàn câu chuyện của các bạn trẻ qua bao thế hệ, đặc biệt các bạn trẻ trong thế giới hôm nay.

Để hiểu rõ điều này, trước hết, chúng ta cùng nhau phân tích từng giai đoạn nghiệt ngã trong cuộc hành trình đức tin của người bạn trẻ trong câu chuyện Phúc âm.

Mù lòa, một vết thương

Trong thân thể con người, có thể nói, phần nào không lành lặn, ấy là vết thương. Đui mù là một loại vết thương lớn trong thân thể con người. Thật vậy, người Việt ta thường có những từ ngữ rất phong phú để diễn tả loại vết thương này, như "*dui mù què quặt*", hay "*sứt mẻ dui mù*"..., để chỉ những con người yếu kém, hay tầm thường.

Đui mù đương nhiên là một nỗi bất hạnh, vì không thể nhìn thấy ánh sáng, cũng như không thể "enjoy" bất cứ sự gì khác tốt đẹp trên đời, từ những cánh hoa muôn sắc, buổi sáng bình minh mát dịu, cảnh hoàng hôn trong buổi chiều Xuân lộng gió du-ngân lời Đấng vô hình, đến cảnh ngàn muôn trăng sao vằng vặc trong không gian hùng vĩ... Chúng ta thử tưởng tượng nếu mình bị mù một thời gian, hay bị mù vĩnh viễn từ bây giờ, sẽ cảm thấy đau khổ thế nào. Đàng này, chàng thanh niên trong Phúc âm đã mang vết thương nơi đôi mắt từ khi mới chào đời. *Vết thương mù lòa* này đã lan dần khắp cả con người anh, cả đến đời sống tâm lý và đời sống tinh thần của anh. Lại nữa, anh ta là một người bình thường, biết suy biết nghĩ - như chúng ta có thể thấy được nơi cách lý luận của anh - nên anh càng cảm thấy phiền não, vì lúc nào anh cũng

làm phiền những người giúp đỡ anh, bởi anh không thể làm được gì. Cũng vì vậy, suốt đời anh chỉ còn biết làm nghề ăn xin, nếu không muốn nói là ăn bám xã hội. Mặc cảm có thể là một nỗi khổ tâm trong suốt cuộc đời anh.

Nghiet ngã hơn nữa, xã hội thời đó đã dạy cho anh rằng, sở dĩ anh bị mù là vì thoát sinh ra, *tội lỗi đã ngập cổ ngập đầu anh (câu 34)*. Quan niệm ấy là một bằng chứng nói lên rằng, niềm tin tôn giáo của xã hội lúc đó còn có những điều lù mù. Chính vì thế, trong nhận thức của anh, sự mù lòa trên đôi mắt anh đã kéo theo cả sự mù lòa trong đức tin, ngoài những mù lòa về tinh thần như chúng ta vừa nói ở trên.

Giai đoạn I của vết thương: Mù thể lý lẫn tinh thần

“Khi ấy, Chúa Yêsu đi ngang qua, thấy một người mù từ khi mới sinh. Môn đệ hỏi Người: ‘Thưa Thầy, ai đã phạm tội, khiến anh này sinh ra đã bị mù, anh ta hay cha mẹ anh ta?’ ”
(c. 1-2)

Chúng ta tạm nói rằng những vết thương, những nghiet ngã trong cuộc đời anh mù từ khi mới sinh có nhiều giai đoạn khác nhau. Có thể nói giai đoạn thứ nhất là thời gian từ khi mới sinh đến ngay lúc anh được Đức Yêsu chữa lành. Gặp được Đấng Messia quả là một đại phúc đại may, vì vết thương trên đôi mắt anh đã được Người chữa lành. Nhưng vết thương này mới thành sẹo, vết thương khác đã bắt đầu phát sinh.

Giai đoạn II của vết thương:

Niềm tin tiến dần vào cõi cô đơn

"Các người láng giềng và những kẻ trước kia thường thấy anh ta ăn xin mới nói: 'Chính hắn không phải là người vẫn ngồi ăn xin đó sao?' Có người nói: 'Chính hắn đó! Kẻ khác lại rằng: 'Không phải đâu ! Nhưng là một đứa nào giống hắn đó thôi ! Còn anh ta thì quả quyết: 'Chính tôi đây' "

Vết thương của anh từ giai đoạn II trở đi, nói được là những loại vết thương về tinh thần, về niềm tin: niềm tin bị bách hại.

Giai đoạn thứ II là thời gian anh mù từ khi mới sinh phải đón nhận từ những lời cay nghiệt gắt gỏng của những người láng giềng - Đối với người Việt chúng ta, những người láng giềng thường là một món quà rất quý giá trong cuộc đời, như tục ngữ Việt nam nói: *"Bán anh em xa mua láng giềng gần"*, vậy mà anh mù này, sau khi đã được Chúa Yêsu chữa lành, hoặc bị những người láng giềng vô thừa nhận, hoặc bị họ hạch hỏi đủ điều. Lẽ ra họ phải tìm hiểu rõ sự thể để chia vui với anh, và đi tìm gặp "vị thầy" nào đó vừa mát tay vừa tài giỏi để cảm ơn hay để mời thầy đến chữa những con bệnh khác thì mới phải... Không, đằng này, máu ghen tương họ đã khiến họ hành động ngược lại, bởi vì Thiên Chúa đã không tiếp tục giáng phạt anh ta, một người tội lỗi, còn ban ân điển lớn lao ấy cho anh. Những người trước kia là láng giềng của anh, nay trở thành rất xa lạ, cũng chỉ vì Ông Yêsu nào đó đã chữa lành vết thương nơi đôi mắt mù lòa của anh, qua những lời gạn hỏi của họ: *"Ông ấy ở đâu ?"* Và khi anh mù đáp: *"Tôi không biết !"*, những người láng giềng và những người trước kia thường thấy anh liền dẫn anh *"đến*

với những người Pha-ri-siêu" (c. 13), là những "tay tổ" chống đối Đức Yêsu, Đấng họ đã nghe anh mù nêu danh tánh. Niềm tin của anh vào Đức Yêsu, Đấng ít nhất là một vị ân nhân, một vị thầy đã chữa lành vết thương nơi đôi mắt anh trong trí hiểu của anh, nay bắt đầu bị bách hại. Gặp những người láng giềng còn đỡ, chứ "bị điệu đến" những "ông cáo" Pha-ri-siêu thì coi như cuộc đời anh coi như đã bị trói vào nọc. Chúng ta hãy xem.

Giai đoạn III của vết thương:

Niềm tin bị bách hại

"Trong nhóm Pha-ri-siêu, người thì nói: 'Ông (Yêsu) không phải là người của Thiên Chúa được, vì không giữ ngày Sabbat', kẻ thì nói: 'Một người tội lỗi thì làm sao có thể làm được những dấu lạ như vậy ? Thế là họ đâm ra chia rẽ'"

Thật tội nghiệp cho người bạn trẻ bị mù lòa, vì lúc này đây, anh phải đơn phương độc mã chạm trán với những người rồi ra sẽ kết án và đóng đinh Vị ân nhân của anh. Nhưng dường như, sau lần đầu gặp được Đức Yêsu, không những đôi mắt thể lý được mở ra, mà cả con mắt thiêng liêng của anh cũng đã được bừng sáng, bằng chứng là, càng lúc anh càng nói chính xác và xác tín về con người Yêsu. Anh nói những lời ấy mà không biết sợ hãi trước những lời hăm he của kẻ khác, dù kẻ khác đó là ai, ngay cả và đặc biệt những người có quyền trên anh. Anh ta không thể nói người đó là ai khác ngoài "Ông Yêsu", người đã chữa lành anh. Và dường như càng bị bách hại về niềm tin này, anh càng nhận ra Đức Yêsu là ai. Thực vậy, khi những người Pha-ri-siêu hỏi: "Còn anh, anh nghĩ

gì về người đã cho anh nhìn thấy được ?" Anh xác định với họ: "Người ấy là một Vị ngôn sứ" (c. 17). Vì niềm tin này, anh ta bắt đầu như phải tham dự vào những đau khổ của Chúa Yêsu cách gián tiếp nào đó phát xuất từ những vết thương trên da thịt Người, do bản tuyên án của những người Pha-ri-siêu và những tiến sĩ luật.

Đến đây, vết thương của anh tiến qua giai đoạn IV. Trong giai đoạn IV này, vết thương của giai đoạn III vẫn còn bộc phát từ sự cay cú của những ông cáo Pha-ri-siêu.

Giai đoạn thứ IV của vết thương:

Ngõ cụt của cuộc đời

"Vì thế, cha mẹ anh mới nói: 'Nó đã khôn lớn rồi, xin các ông cứ hỏi nó.'" (C. 23).

Làm người, ai mà chẳng sợ bị thiệt vào thân, ai chẳng sợ đau khổ, ai chẳng sợ chết, ai chẳng sợ cô đơn. Cha mẹ của anh mù cũng đã không đi ra khỏi thói thường đó. Chẳng vậy mà khi những người Pha-ri-siêu đòi hai ông bà lại, chính hai ông bà của anh mù cũng có một thái độ lãnh đạm dửng dưng tương tự như những người láng giềng, không hơn không kém. Họ chỉ dám xác nhận anh ta là con của họ, và anh ta thực sự bị mù từ khi mới sinh, còn *"làm sao nó thấy được, chúng tôi không biết, hoặc có ai đã làm cho mắt nó sáng, chúng tôi cũng chẳng hay. Xin các ông cứ hỏi nó, nó đã khôn lớn rồi, nó có thể tự khai được."*

Niềm tin anh mù đã đưa anh đi dần vào cõi cô đơn: chính cha mẹ cũng không hăm hở với niềm vui ngập tràn lòng anh vì anh đã được sáng mắt. Hơn nữa, họ thiếu điều

vô thừa nhận anh: "Cha mẹ anh nói thế vì sợ người Do thái. Thật sự người Do thái đã đồng lòng trục xuất khỏi hội đường kẻ nào dám tuyên xưng Đức Yêsu là Đấng Kitô" (c. 22). Những từ ngữ "dám tuyên xưng Đức Yêsu là Đấng Kitô" định tính cho niềm tin của anh mù: đối tượng niềm tin của anh lúc đó cũng chính là đối tượng niềm tin của chúng ta ngày nay. Chính niềm tin này ngày càng làm cho anh ta bị bỏ rơi, trước hết là những người láng giềng, những người thường gặp mặt anh mỗi ngày nơi phố chợ, đến chính quyền và giáo quyền, và nay đến cha mẹ, gia đình anh, những người lẽ ra phải yêu thương anh nhất đời, nhất nhất "support" cho anh, hỗ trợ cho anh, cho dù phải chấp nhận bị thiệt thòi, chấp nhận bị vác họa vào thân.

Đã đến lúc những người Pha-ri-siêu phải "lên lớp" cho anh rằng, "Anh hãy tôn vinh Thiên Chúa. chúng tôi đây, chúng tôi biết ông ấy là một người tội lỗi". Nhưng cường lực của ánh sáng và sức mạnh của niềm tin đã giúp anh can đảm đối đáp:

"Ông này có phải là người tội lỗi hay không, tôi không biết. Tôi chỉ biết một điều, là trước đây tôi bị mù mà nay tôi nhìn thấy được... Tôi đã nói với các ông rồi mà các ông không chịu nghe, các ông còn muốn gì nữa ? Hay các ông cũng muốn làm môn đệ của ông ấy chăng ?... Cũng lạ thật, các ông không biết ông ấy bởi đâu mà đến, thế mà ông ấy lại là người làm cho mắt tôi được sáng ! Chúng ta biết: Thiên Chúa không nhận lời những kẻ tội lỗi; còn ai thờ phượng Thiên Chúa và làm theo ý muốn của Người, thì Người nhận lời kẻ ấy. Xưa nay chưa hề nghe nói có ai đã làm cho mắt người

mù từ khi mới sinh được sáng. Nếu không phải là người của Thiên Chúa, thì ông ta đã chẳng làm gì được cả". (cc. 27-33).

Đoạn Phúc âm vừa rồi - lời anh mù đối đáp, quả là một lời tuyên xưng hùng hồn niềm tin của anh. Chính những lời tuyên xưng này làm cho câu chuyện niềm tin của anh - lúc này niềm tin ấy đã trở thành niềm tin cô đơn, đã đến hồi kết thúc bằng những lời của những người Pha-ri-siêu: "*Mày sinh ra trong tội mà mày dám dạy chúng tôi ư ?*" (c. 34a). Phúc âm tiếp: "*Rồi họ đuổi anh ra ngoài*" (c. 34b). Thế là xong đời ! Tâm trạng của anh mù giờ đây tương tự như tâm trạng của tác giả Thánh vịnh khi gặp cảnh đoạn trường: "*Tôi lang thang như người khóc mẹ, Tôi buồn tủi cúi mặt xuống mà đi*" (Tv 34:14). Mặc dù kỳ thực Thiên Chúa vẫn không bỏ rơi anh, nhưng trong thâm tâm, anh hiểu rằng, anh bị "*đuổi ra ngoài*", có nghĩa là bị đuổi ra khỏi cộng đoàn tín hữu thời đó; và những người xua đuổi anh, theo anh hiểu, chính là những người đại diện Thiên Chúa. Do đó, anh mang một nỗi buồn rười rượi của một người bị cả Thiên Chúa bỏ rơi. Hết bước đi trong đêm đen của thế giới hữu hình, nay anh lại trải qua một giai đoạn mới của đêm đen thiêng liêng... Đây cũng chính là đêm đen mà thánh Yoan Thánh giá nói tới.

Giai đoạn V: Vết thương được chữa lành

"Anh nói: 'Thưa Ngài, tôi tin.' Rồi anh sắp mình xuống thờ lạy Người".

Đang buồn tủi bước đi trong đêm đen thiêng liêng như thế, một "thần giao cách cảm" của niềm hy vọng bắt đầu nối kết anh gần gũi hơn với Đức Yêsu: "*Đức Yêsu nghe*

nói họ đã trục xuất anh". Dù anh không hay biết rằng Đức Yêsu đã biết anh đang bị dồn vào chân tường không lối thoát, nhưng thế là đủ cho anh, bởi vì hễ Người biết, Người sẽ ra tay giải thoát cho anh, một người đang trong đau khổ cùng cực, nhưng vẫn còn biết đặt niềm tin vào Người.

Câu đối thoại tiếp sau đó giữa anh mù và Đức Yêsu nói lên Mùa Xuân niềm tin trong cuộc đời của anh. Phải, khi mọi người đã bỏ rơi anh, khi cộng đoàn Do thái giáo hắt hủi anh chỉ vì anh công bố giữa công hội niềm tin và niềm tri ân của anh vào Đức Yêsu, thì vẫn còn Thiên Chúa, qua con người Đức Yêsu, đoái nhìn và yêu thương anh, như yêu thương một người bạn trẻ còn đang ngây ngô trong những bước chân chập chững bước vào đời. Chúng ta có thể tưởng tượng được giọng nói dịu nhẹ ôn tồn thế nào của Đức Yêsu khi đó rót vào trong tâm hồn anh, một tâm hồn đang nặng trĩu đau thương vì những vết thương do cái nhìn tôn giáo, do sự yếu nhược của gia đình và do cách sống vụ luật tạo nên cho anh. Thật đúng như tác giả Thánh vịnh đã nói: *"Dầu cha mẹ có bỏ con đi nữa, thì hãy còn có Chúa đón nhận con"* (Tv 26:10).

HÃY NHÌN VÀ YÊU THƯƠNG

Chắc chắn, trong thiên niên kỷ thứ ba này, Chúa Yêsu cũng đang tiếp tục âu yếm nhìn các bạn trẻ, nhất là các bạn trẻ đang bị ngoại giới - xã hội, gia đình, học thuyết - chôn vùi tuổi xuân và che khuất ánh sáng của cuộc đời. Thế giới này đang tràn ngập những con người trẻ đáng thương như thế. Trong Sứ điệp của Đức Thánh Cha

Phaolô II gởi đi trong Năm quốc tế gia đình 1994 Ngài nói:

"... Có những căng thẳng phát sinh do quan niệm và do lối sống cách riêng theo chủ nghĩa khoái lạc và chủ nghĩa tiêu thụ, chúng lèo lái các phần tử trong gia đình đến chỗ tìm kiếm sự thỏa mãn riêng cho cá nhân mình hơn là vươn tới một đời sống chung đầy hoa trái. Những cuộc cãi cọ thường xuyên giữa cha mẹ, sự từ khước sinh con, sự ngược đãi hoặc bỏ rơi con cái là những hiện tượng đau buồn khiến cho hòa bình trong gia đình bị lâm nguy trầm trọng... Trên thực tế chúng ta phải đau buồn và than khóc cho sự kiện bất hạnh này là, số thanh niên nam nữ, kể cả những trẻ em choai choai đang bị xô đẩy vào những cuộc tranh chấp vũ trang. Họ bị bắt buộc phải tranh đấu cho một cái gì đó mà họ chỉ biết cách mơ hồ. Trong nhiều trường hợp khác nhau, họ bị lôi cuốn vào những cuộc bạo động, trong đó sự sống con người không đáng kể, và việc bắn giết xem ra vô tội vạ, coi như không có gì sai quấy cả... Đến đây, Ta không thể không nói đến một trở ngại lớn khác nữa đang cản trở việc phát triển hoà bình trong xã hội chúng ta: Đó là có nhiều, có quá nhiều thiếu niên đã bị tước đoạt mất bầu không khí ấm cúng của gia đình, "gia đình đi vắng", hoặc "vô gia đình". Cụ thể là vì cha mẹ phải lo lắng đến nhiều chuyện khác nên đã bỏ bê con cái của họ, phó mặc cho ý thích của chúng. Đã và đang có hàng ngàn trẻ em lang thang đầu đường xó chợ, tự kiếm lấy mà sống. Một số trong các em này đã phải bỏ mạng, chết cách thê thảm. Một số khác lại sa vào cảnh nghiện ngập hút xách, có chân trong những tổ chức đầy tội ác, buôn bán ma túy, mại dâm... Chúng ta phải thấy những cảnh đầy gương xấu đang tràn lan như thế! Tương lai của xã hội hôm nay kể

như đã bị trói vào nọc, chỉ còn chờ đợi giờ bị thiêu sống nữa thôi!"

Riêng về những vết thương nơi những trẻ em bụi đời, năm 1996, cơ quan UNESCO (cơ quan Liên hiệp quốc phụ trách về giáo dục, khoa học và văn hóa, trụ sở đặt tại Paris) cho biết, vấn đề trẻ em bụi đời hiện nay trở nên "một tai họa" cho xã hội: Hiện nay trên thế giới có trên 100 triệu trẻ em (đông hơn dân số Việt nam) lang thang trên các đường phố. Có nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra tình trạng này: nạn di dân, do đời sống bê tha, sự đổ nát của gia đình, cảnh nghiện ngập của cha mẹ, cảnh quá nghèo đói của gia đình, cha mẹ hành hạ đánh đập, hoặc bỏ học quá sớm...

Dù do bất cứ một nguyên nhân nào, những người bạn trẻ trẻ ấy vẫn phải mang trong mình bao nhiêu là vết thương. Vết thương và cuộc đời người bạn trẻ bị mù từ khi mới sinh trong câu chuyện Tin mừng là một hình ảnh cho bao nhiêu hình ảnh đau thương của vạn vạn bạn trẻ khốn cùng trên thế giới. Xã hội chủ nghĩa và đời sống của nhiều gia đình Cuba đã xô đẩy trẻ em Cuba đi làm nghề hành khất, mà đa số các em này đều là nạn nhân của cuộc khủng hoảng kinh tế, nạn nhân của tình trạng gia đình bất ổn, và của xã hội sa đọa: ly dị, thất nghiệp, bị loại ra ngoài lề xã hội...

Mới đây "tòa án các dân tộc" (một cơ quan nhân đạo không chính phủ được thành lập tại Ý) cho biết: Trong vòng 20 năm qua, trung bình mỗi năm có 13 triệu trẻ em trên thế giới chết vì bệnh tật, hoặc vì thiếu ăn. Một triệu rưỡi khác bị giết trong thập niên vừa qua do chiến tranh.

200 triệu trẻ em làm việc trong những tình trạng và điều kiện tại các nước Á châu và Châu Mỹ La-tinh; riêng tại Châu Á, hơn 8 triệu bị thúc đẩy làm nghề mại dâm...

Còn bao nhiêu thảm cảnh khác đang diễn ra trong cuộc đời những bạn trẻ, còn bao nhiêu vết nội thương hoặc được nhận thấy tỏ tường, hoặc âm thầm trong cô đơn như trường hợp của một bạn trẻ ở Mỹ, khoảng 16, 17 tuổi, đã viết bức thư rất cảm động cho tôi như sau:

"Kính thăm cha,

... Cha biết không, bây giờ con thấy bối rối lắm. Đã lâu lắm rồi (gần 3 năm), bố mẹ con lúc nào cũng cãi nhau, vì ngày nào bố con cũng đi đến đêm, gần như ngày nào bố mẹ con cũng có chuyện. Càng ngày thì gia đình con càng tệ. Những giấc ngủ của chúng con chỉ có tiếng gào thét với tiếng chửi bới. Có nhiều lúc hai người lại còn vật lộn với nhau nữa. Cha ơi, vì có một mình con để cản hai người, con không biết là ngày nào nếu con không còn cản được hai người nữa, thì sẽ có án mạng trong gia đình. Con rất sợ, rất ghét những hình ảnh này. Con xin lỗi Chúa... vì con có tội rất là nặng,

Nhiều lúc con đã mất lý trí, vì con thấy cuộc đời quá xấu xa, và không thấy một lý do gì để cứ tiếp tục sống. Khi con tỉnh lại, con cố gắng đi tìm một mục đích để sống, nhưng có lúc nó khó quá! Hai người con yêu mến nhất trong đời, bây giờ lại ghét nhau như kẻ thù, mà lại làm cho chúng con buồn bã quá! Bố mẹ làm con mất tin tưởng ở trong tình yêu đến nỗi con không còn biết tin ai..."

Càng nghĩ, càng nhìn vào những con người trẻ, chúng ta càng thấy bao nhiêu chuyện bi thảm. Những gì đã xảy ra trong cuộc đời của người bạn trẻ mù lòa trong Phúc

âm, nó cũng đang xảy ra tương tự, hay có phần tương tự như thế tại ngưỡng cửa của năm 2000 cách này cách khác. Tuy nhiên, một điều may mắn, và là một hồng ân cao vời cho người bạn mù này là, dù trong mù tối, anh vẫn còn một niềm tin vào Thiên Chúa Gia-vê, niềm tin do cha ông để lại mà anh khá rành rọt về nhiều vấn đề của niềm tin này; dù trong thử thách, anh vẫn một niềm tin tưởng vào Đức Yêsu, Người đã chữa anh sáng mắt. Đó là điều mà nhiều bạn trẻ ngày nay không may mắn có. Nếu quả đúng vậy, nếu trong sâu kín tâm hồn của các bạn trẻ không còn một chút niềm tin nào, vấn đề còn có thể thê thảm hơn nữa nơi những người bạn trẻ đó.

Ngoài ra, cũng không thiếu những bạn trẻ rất muốn vươn lên tới đỉnh cao của niềm tin, nhưng bị bách hại. Trong số đó, cần phải kể cách đặc biệt các bạn trẻ đã nghe tiếng thúc bách của Chúa Thánh Thần trong tâm hồn mình để hiến dâng trọn vẹn cuộc đời mình cho Chúa để có được niềm vui sâu xa cuộc đời hơn, để có thể phục vụ tha nhân cách hoàn hảo hơn, nhưng đã bị sự yếu nhược, hoặc sự thiếu can đảm, thiếu quảng đại của những người thân yêu, có khi của chính cha mẹ cản trở, hoặc không "support".

Nghĩ, nhìn, không phải để chúng ta bi quan, thất vọng, nhưng để, *như Đức Yêsu, "quan tâm", cảm thông và yêu thương những người bạn trẻ đang mình đầy vết thương*. Sự cảm thông và yêu thương này phải được thể hiện cách sâu xa trong sự hiện diện của mình, sự quan tâm của mình trong công tác tông đồ, trong lời cầu nguyện âm thầm cho các bạn trẻ, đặc biệt các bạn trẻ bất hạnh nhất

trong xã hội loài người. Như Đức Yêsu, chúng ta hãy **TẬP NHÌN VÀ YÊU THƯƠNG** mọi bạn trẻ dù có niềm tin hay không có niềm tin. Chúng ta hãy chuyển sứ điệp đầy hy vọng sau đây của Vị Cha Chung của chúng ta cho các bạn trẻ Công giáo:

"Hỡi các bạn trẻ, trong niềm phấn khởi của tuổi xuân tràn đầy niềm hy vọng và ước mơ, các con hãy đánh giá đúng mức món quà tặng của gia đình. Hãy chuẩn bị lãnh lấy trách nhiệm xây dựng và phát triển, thăng tiến cho phù hợp với Lời Thiên Chúa sẽ mời gọi chúng con đúng lúc. Hãy phát triển những ước mơ của các con, và hãy phấn đấu đem lại hòa bình cho loài người..." (Trích Sứ điệp về gia đình, ngày 8 tháng 12 năm 1993)

Những lời trên của Vị Cha Chung rất phù hợp với đoạn kết của bài Phúc âm: Chính Đức Yêsu đã đem đến ánh sáng niềm tin và sự tươi trẻ của niềm hy vọng cho cuộc đời của anh mù: Người đã tìm đến anh để cho anh nhìn thấy vũ trụ bao la, cũng như cho anh nhìn thấy tình yêu vô biên của Thiên Chúa hiện diện trong chính Người khi Người đối thoại với anh. Ngày nay, cũng chính Người, qua mỗi người chúng ta là hiện thân, sẽ đem đến ánh sáng, niềm hy vọng và niềm tin cho các bạn trẻ mù lòa, cho các bạn trẻ mình đầy vết thương của ngàn năm Kitô thứ ba này. Chúng ta hãy cộng tác với Người, để trẻ nhất là vào đoạn kết trong cuộc đời của nhiều bạn trẻ là một giai đoạn đẹp nhất trong cuộc đời của họ.

11.

Tập cầu nguyện với kinh Lạy Cha

Trong đời sống tại thế của Chúa chúng ta, một trong những nơi Người ưa thích nhất cho việc cầu nguyện là Núi Cây Dầu. Sau này, tại đó, một Ngôi thánh đường được xây dựng lên gọi là “*Pater Noster Church*” (Nhà thờ của Cha chúng ta), hoặc, một cách đơn giản, “*The Church of Our Father*”. Trên mái vòm có một đường gồm ba mươi viên đá của ngôi thánh đường, người ta có khắc vào đó lời Kinh Lạy Cha bằng ba mươi hai thứ tiếng khác nhau. Đó có thể là trên Núi Cây Dầu mà Đức Yêsu đang cầu nguyện khi các tông đồ đến và xin Người dạy cho họ cách cầu nguyện.

Các tông đồ có lẽ đang đi tìm một công thức rõ ràng để dùng trong việc cầu nguyện, nhưng đó không phải là ý muốn của Đức Yêsu khi ban điều đó cho các ông. Hơn nữa, Người muốn chỉ cho các ông phương cách, tinh thần, và cảm nghiệm mà họ phải có trong việc cầu nguyện. Các Kitô hữu tiên khởi đã hiểu đó là ý nghĩa của việc cầu nguyện. Ý nghĩa đó thật quan trọng, nó không phải là những lời nói suông.

Các tông đồ ngạc nhiên về câu trả lời của Thầy mình. Họ ngạc nhiên vì tính cách ngắn gọn của lời kinh. Thoạt tiên họ nghĩ rằng, họ phải bắt chước cách thức Đức Yêsu đã dùng rất là lâu giờ để cầu nguyện riêng một mình. Một cách tự nhiên, họ cứ đinh ninh rằng Thầy mình có thể sẽ thuật lại cho họ những lời Người đã dùng trong suốt thời gian cầu nguyện. Lại nữa, trong khi đó, những lời kinh nhật tụng của người Do thái vừa dài vừa phức tạp, gồm trong khoảng mười tám Kinh Chúc tụng. Các tông đồ sửng sốt về từ ngữ quen thuộc “*Cha*”, mà với từ ngữ này, họ được dạy để thưa cùng Thiên Chúa. Quả thật, người Do thái đã nghĩ về Thiên Chúa là Cha của họ; nhưng trong suốt phần Cựu ước, Thiên Chúa được gán cho là một Người Cha chỉ được tìm thấy trong mười bốn trường hợp, và người Do thái không bao giờ dám kêu Người như thế trong lời cầu nguyện. Cựu ước kể lại cho chúng ta nghe chuyện Abraham đã nài xin cùng Thiên Chúa tha thứ cho thành Sôđôma và Gômôra tha thiết đến thế nào. Mặc dù Vị Tổ phụ đã bạo dạn đến gần Thiên Chúa, nhưng ngài

vẫn cẩn thận không dám tỏ ra “xúc phạm” hay “vô phép”: Abraham không dùng từ ngữ “*Cha*”, nhưng đã dùng từ ngữ “*Đức Chúa*”. Bạn có thể tưởng tượng các tông đồ phải cảm thấy thế nào khi các ông được dạy rằng họ phải gần gũi với Thiên Chúa hơn cả Vị Tổ phụ Abraham của họ đã gần gũi !

Đức Yêsu đã dùng tiếng Aram “*Abba*” cho chữ “*Cha*”. Tiếng Anh lẫn tiếng Việt không dễ gì tìm ra được một từ ngữ nào hoàn toàn đồng nghĩa với “*Abba*” cả. “*Abba*” là từ ngữ được một đứa bé dùng để thưa chuyện với cha của nó. Đó là một từ ngữ ngọt ngào, đầy tình gia đình. “*Dear Father*”, “*Cha yêu dấu*” có thể rất gần với “*Abba*” hơn, nhưng những từ “*Dad*”, “*daddy*” trong tiếng Anh có lẽ gần hơn nữa, nhưng vẫn chưa chính xác hoàn toàn là “*Abba*”. Đức Yêsu có ý chỉ cho chúng ta sự tín thác đơn sơ mà chúng ta phải có trong lời cầu nguyện, bất luận chúng ta là người ở lứa tuổi nào, là người chậm chạp hay tinh khôn. Tất nhiên là Đức Yêsu đã có sự quan tâm như thế cho các trẻ nhỏ. Chỉ có các trẻ nhỏ mới có thể dạy chúng ta sự tín thác hoàn toàn mà chúng ta phải có nơi Thiên Chúa; sự tín nhiệm tuyệt đối vào Người; tình thương dịu ngọt, đáng yêu phải là của chúng ta.

Tuy nhiên, từ ngữ đó còn hơn là một ngụ ý mang tính cách tâm lý nữa. Nó diễn tả một sự thật to lớn mà Thiên Chúa, với tư cách là Cha của chúng ta, là nguồn của tất cả đời sống chúng ta, về tinh thần cũng như về thể lý. Thánh Phaolô, trong khi nói về Bí tích rửa tội,

viết rằng: “*Thiên Chúa ban cho anh chị em đời sống mới cùng với Đức Kitô.*” Trong bí tích rửa tội, Thiên Chúa thực sự trở nên Cha của chúng ta. Người cho chúng ta được thông phần vào cùng một đời sống mà Người Con Thần Linh của Người đã chiếm hữu từ muôn thuở. Và như thế, khi chúng ta cầu nguyện, Thiên Chúa thấy trong chúng ta con người Đức Yêsu, và Người có thể nói về chúng ta: “*Đây là Con Ta yêu dấu, Ta rất hài lòng về Người.*”

Bất cứ khi nào chúng ta cầu nguyện, đặc biệt là trong thánh lễ, chúng ta phải nhận thức rằng chúng ta không cầu nguyện một mình - rằng, Đức Yêsu đang sống và đang cầu nguyện trong chúng ta, và rằng, Người là Đấng làm cho lời cầu nguyện của chúng ta nên xứng đáng và linh nghiệm trước Tòa Chúa Cha.

Giáo Hội bắt đầu có thói quen dùng “*Kinh lạy Cha*” trong thánh lễ đã từ rất lâu đời. Sự sử dụng nó được lưu trữ trong *Didache*, một cuốn sách Kitô giáo được viết trước năm 100, nhưng có lẽ nó được dùng trong phụng vụ ngay cả trước khi chính những cuốn Phúc âm được viết ra. Có một thói quen rất xa xưa đã đặt từ ngữ “*Kinh Lạy Cha*” vào lúc khởi đầu nghi thức hiệp lễ. Sự sử dụng này chắc chắn được gợi hứng bởi lời thỉnh cầu, “*Xin cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày.*” Từ ngữ “*Lương thực*” có ý bao hàm hết tất cả mọi nhu cầu của chúng ta, nhưng nó còn có ý nghĩa rộng hơn thế nữa. Các học giả Kinh thánh nói rằng, từ ngữ thường thường được chuyển dịch như là “*hằng ngày*” thực ra có

nghĩa là “ngày mai”. Chúng ta đang nói: “*Xin cho chúng con lương thực của ngày mai.*” Nhưng từ ngữ “ngày mai” ở giữa những người Do thái không đơn giản có nghĩa là ngày tiếp theo, nhưng cũng là “*Ngày mai Tuyệt vời*” (*Great Tomorrow*), cùng đích của kế hoạch của Thiên Chúa cho việc cứu độ.

Trong một ý nghĩa Kitô-giáo, lời thỉnh nguyện là một lời cầu nguyện cho lương thực thần thiêng đó. lương thực của sự sống, lương thực sẽ đưa chúng ta vào đời sống vĩnh cửu. Lương thực đó của sự sống chính là *Thánh Thể*. Đó là lương thực thần thiêng, nuôi dưỡng và làm tăng trưởng sự sống của Đức Yêsu trong chúng ta. Đó là món quà cao vời đến từ Thiên Chúa tình thương trên thiên quốc, một món quà mà trong “*Ngày mai tuyệt vời*” đó sẽ đưa chúng ta vào sự viên mãn của tình hiệp nhất với Đức Yêsu trong thiên đường như là những người con thật của Thiên Chúa, Cha chúng ta.

Chúng ta may mắn biết bao vì chúng ta có thể “*cầu nguyện với lòng tín thác vào Cha của chúng ta bằng những lời mà Đấng Cứu thế của chúng ta đã ban cho chúng ta.*” Giáo hội của ngàn năm thứ ba này sẽ gần gũi với Chúa là Cha hơn bao nhiêu là còn tùy có bao nhiêu lời kinh Lạy Cha được thường xuyên vang lên trên mọi miệng và trong tâm hồn của các tín hữu.

12.

Tập sống với Chúa Yêsu Thánh Thể

*'KHI NGỒI ĐỒNG BÀN VỚI HỌ,
NGƯỜI CẦM LẤY BÁNH, ĐĂNG LỜI CHÚC TỤNG,
VÀ BẺ RA TRAO CHO HỌ. MẮT HỌ LIỀN MỞ RA,
VÀ HỌ NHẬN RA NGƯỜI'
(LC 24:30-31A).*

Một điều căn bản của phụng vụ cũng như của bí tích là, qua những dấu chỉ, cử điệu bên ngoài, chúng ta nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa, và những hoạt động thánh tác của Người bên trong tâm hồn chúng ta. Như thế, phụng vụ nói riêng, bí tích nói chung, là thứ ngôn ngữ siêu việt, không những để "câu thông", liên lạc, tương tự như một ngôn ngữ bình thường, nhưng còn phát sinh những hiệu quả thiêng liêng vô cùng cho chúng ta.

Trong các bí tích, phụng vụ là một cử hành đặc biệt, vừa có phần Lời Chúa, vừa có phần bí tích: cả hai, Lời và Bí tích, đều là ngôn ngữ cho mối tương giao giữa chúng ta với Thiên Chúa. Nhờ cả hai, chúng ta nhận ra Chúa hiện diện giữa chúng ta.

Câu chuyện trên đường Emmau của hai môn đệ kia là một hình ảnh rất am hợp đầy ý nghĩa cho những tái xác định trên. Đúng vậy, hai môn đệ làng Em-mau, cũng như số đông những người trước đây đã từng theo Thầy Yêsu, trong lúc niềm tin của cuộc đời đang chìm trong những hoài nghi tăm tối, chán chường, thất vọng, sầu não,... vì Đấng trước đây mình đặt hết niềm tin tưởng đã bị giết chết cách thê thảm, nhục nhã, ...nào còn gì nữa đâu! Trong lúc hai môn đệ đâm ra ngờ vực tất cả, cả người thân, lẫn chính mình..., vì sau bao năm vất vả theo Thầy, nằm gai nếm mật, những mong có ngày Thầy mình thành lập nước Israel mới, rồi ra sẽ có một chỗ đứng trong xã hội, nhưng giờ đây tất cả đều tan thành mây khói...

Nhưng chiều hôm ấy, nhờ nghe "người khách đồng hành" đột xuất rí rả hàn huyên về những tình tiết của câu chuyện tình đã trở thành thời sự nóng hổi, và rồi nhờ cử chỉ bẻ bánh, hai môn đệ trên làng Em-mau đã nhận ra "người khách đồng hành" đột xuất đó là ai, đồng thời, cảm thấy tâm hồn bừng sáng lên niềm tin yêu, và giấc mơ hy vọng thắm tươi trở lại.

Cử chỉ bẻ bánh, cũng như những tình tiết xảy ra cho hai môn đệ làng Em-mau giúp chúng ta thâm hiểu ý nghĩa của phụng vụ Giáo hội qua bao thế kỷ, mà trọng tâm vẫn

luôn là phần *"tấm bánh được bẻ ra"* - chúng ta thường nói nô-m na là phần truyền phép.

Phần đầu của thánh lễ, phần phụng vụ Lời Chúa, đưa chúng ta đi vào cuộc hàn huyên với Chúa Yêsu, như cuộc hàn huyên đã xảy ra trên đường Em-mau. Phần thứ hai của thánh lễ, nhằm làm cho chúng ta nhận ra Chúa Yêsu hiện diện và đồng hành với chúng ta trong cuộc hành trình đức tin, như hai môn đệ làng Em-mau đã nhận ra Người. Hiệp lễ là lúc ngọn lửa tình yêu Thánh thần tác động và đốt cháy con tim chúng ta trong Chúa Yêsu. Để cảm thấy sức nóng của ngọn lửa này, ít nhất chúng ta phải có chút tâm tình còn đọng lại của hai môn đệ kia: nghĩ về Chúa Yêsu, về cuộc đời của Người, chấp nhận đồng hành với Người, mời Người vào nhà vì trời đã về chiều, và chịu khó nói chuyện, trao đổi với Người.

Chúng ta cần nhấn mạnh giây phút *"tấm bánh được bẻ ra"*: qua câu chuyện làng Em-mau, chúng ta hiểu rằng, mặc dù Đức Yêsu, dưới dạng thức người khách đồng hành, hàn huyên để làm cho hai môn đệ sáng lên niềm tin yêu, nhưng phải đợi đến lúc Người *"bẻ bánh"*, hai ông mới nhận ra Người. - Mặc dù chúng ta biết rằng, tại nơi đó, trên đường Emmau, việc bẻ bánh đó của Chúa Yêsu chỉ là một việc Người quen làm trước mỗi bữa ăn, chứ không phải là như việc Người đã làm trong bữa Tiệc ly, nhưng đây là một lần làm đặc biệt sau khi Người sống lại, đem lại cho chúng ta một ý nghĩa tượng trưng trong phụng vụ.

Như vậy, trong phụng vụ, chính phần phụng vụ Lời Chúa chuẩn bị cho phần phụng vụ Thánh Thể. Chính

phần thứ hai này của thánh lễ sẽ đưa chúng ta đi sâu vào sự hiểu biết bằng sự khôn ngoan của thần trí về mầu nhiệm thương khó và phục sinh của Chúa Yêsu mà cử chỉ *"bẻ bánh"* là trọng tâm: Đức Yêsu luôn là *"tám bánh được bẻ ra"*. Động từ *"bị bẻ ra"* này ở thể thụ động (passive voice) nói lên sự tan nát tám thân của Đức Yêsu, đến độ *"không còn hình hài người ta nữa"*. Từ ngữ này trong tiếng Anh, *"broken"*, xem ra gợi hình hơn, có thể giúp chúng ta hiểu hơn về ý nghĩa của mầu nhiệm: Đức Yêsu, như tám bánh, bị *"broken"*, bị làm cho tan nát ra, vỡ ra, không còn nguyên vẹn nữa. Để phần nào diễn tả ý nghĩa này, mỗi khi dâng lễ, khi đến phần hiệp lễ, nâng Mình Thánh lên và đọc *"Đây Chiên Thiên Chúa..."*, tôi có thói quen cầm *"hai miếng Mình Thánh"* rời ra, để lộ ra *"Tám bánh đã bị broken"*, đã bị *"bẻ ra"*. Có thể nói, đây chính là cao điểm của việc cử hành thánh lễ: lúc này đây, *"tám bánh được bẻ ra"* để trao ban cho các môn đệ, hầu qua các môn đệ, tạo dựng một thế giới mới. Đây chính là tâm điểm của các nhà chiêm niệm. Nếu chúng ta muốn làm *người Samaritanô nhân hậu của thiên niên kỷ thứ ba*, chúng ta cần chiêm ngắm Chúa Yêsu Thánh Thể, ẩn mình trong *"tám bánh được bẻ ra"*, để hiểu rằng, khi đón rước Người vào trong ta, chúng ta cũng sẽ trở nên giống như Người, nghĩa là trở nên như một *"tám bánh bị bẻ ra"*, *"tám bánh bị broken"*. Chúng ta có nhận ra Chúa Yêsu trong cuộc sống chúng ta hay không, chúng ta có cảm nghiệm được Người trong sâu kín của tâm hồn chúng ta hay không, là do lúc nhiệm hiệp này.

Điều đó đã xảy ra tại làng Em-mau. Tất cả những nhiệt thành, hăng nồng trong công việc tông đồ hay truyền giáo của người Kitô-hữu chúng ta, thấy đều được khởi sự từ giây phút huyền nhiệm này, chứ chính yếu không phải từ những kiến thức, hay bằng cấp, hay tài năng của chúng ta. Nói khác đi, hồn của người tông đồ phải phát xuất từ những giây phút gặp gỡ Đức Yêsu trong tâm tình chiêm ngắm Người hiện diện nơi *"Tám bánh được bẻ ra"* vào lúc hiệp lễ, bằng không hồn tông đồ đó sẽ thiếu hoặc không có chiều sâu, vì chính tại làng Em-mau, hai môn đệ cũng đã cảm thấy *"mất được mở ra"*, tâm hồn *"rạo rục, phấn chấn"* để tiếp tục cuộc hành trình, vì đã *"nhận ra Người"* trong lúc *"bẻ bánh"*.

Người Samaritanô nhân hậu trong dụ ngôn, thời đó, chưa sống bí tích Thánh thể, nhưng đã là một mẫu gương cho chúng ta về lòng yêu mến anh chị em như Chúa Yêsu phác họa. Ngày nay, chúng ta có nhiều phương tiện hơn thời đó, nên chúng ta có thể trở nên còn hơn cả một *"Samaritanô nhân hậu"* nữa. Nếu chúng ta đã hiểu ý nghĩa trên của bí tích Thánh Thể, nếu chúng ta gọi bí tích Thánh thể là bí tích tình yêu trong một nghĩa đặc biệt, thì nếu chúng ta thực sự chăm chú sống bí tích thánh này, chúng ta cũng sẽ trở nên một với Chúa Yêsu Thánh Thể là tình yêu, tình yêu cho đi, tình yêu chấp nhận bị thiệt thòi, tình yêu chóng vánh, sẵn sàng và mau mắn phục vụ anh em mình dù phải hy sinh cách mấy mặc lòng, tình yêu chấp nhận khổ giá, tình yêu chịu bị *"broken"*, tình yêu chịu chết. Đây là ý nghĩa của một *"Samaritanô nhân hậu"* của ngàn năm mới này.

Hơn ai hết, Mẹ Maria đã lắng nghe Lời Chúa, hàn huyên với Chúa, chiêm ngắm "*Tấm bánh được bẻ ra*" này từ giây phút truyền tin, và nhất là từ giây phút Mẹ hiểu rằng Con Mẹ sẽ phải chịu nhiều thương khó, lòng Mẹ sẽ nát tan do lưỡi đòng xuyên thấu tâm can. Do kinh nghiệm Mẹ đồng hành với Chúa Yêsu trong cuộc sống trên dương thế cũng như sau khi Người phục sinh, do kinh nghiệm việc chiêm ngắm "*Tấm bánh được bẻ ra*", do kinh nghiệm Mẹ luôn luôn hân hoan "vui mừng Alleluia" vì tin rằng Con Mẹ đã phục sinh, xin Mẹ giúp mỗi người chúng ta đón nhận được những loại tâm tình như Mẹ đã đón nhận, từ khi Chúa Phục sinh.

13.

Tập nhìn thẳng vào Đức Yêsu

“HÃY NHÌN THẲNG VÀO ĐỨC YÊSU”

(Dt 12: 2).

Câu nói này trong thư gửi cho tín hữu Do thái dẫn chúng ta vào cái nhìn chiêm niệm, *“cái nhìn thẳng vào Đức Yêsu”*. Chúng ta đọc trong bản dịch Anh ngữ: *“Let us not lose sight of Jesus”*. Bản tiếng Việt lẫn tiếng Anh bổ túc cho nhau, để nhắc nhở chúng ta luôn luôn nhìn thẳng vào Đức Yêsu.

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, chúng ta rất dễ lo ra, chia lòng chia trí; ngay cả những lúc gọi là *“hướng lòng về Chúa”*, chúng ta cũng rất nhiều khi lại hướng lòng về những gì khác để *“nhìn thẳng vào”*

những cái không phải là Chúa, kể cả nhiều cái khác đó là những cái không có gì xấu, hay ngay cả là những điều tốt đẹp, như: cha mẹ, anh chị em ruột thịt, bạn bè, người thân yêu, công việc phải lo cho ngày mai, bài vở còn chồng chất,... Người Kitô hữu được mệnh danh là những người sống giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian, như lời kinh thánh-hiến của Chúa Yêsu thưa với Chúa Cha, nghĩa là những người thoát tục - “thoát tục” (hiểu theo nghĩa Kitô giáo) - nhưng không thiếu gì những lúc chúng ta “đi ra khỏi sự thoát tục” đó. Nhiều khi những giờ kinh đã vãn, mà không biết mình vừa làm gì, hay không biết mình vừa “nói” gì với Chúa: Chúng ta còn rất bám víu vào những gì không phải là Chúa. Chúng ta còn *“dán mắt vào những gì trông thấy.”*

Đứng trước những yếu đuối đó của con người, Đức Yêsu đến để đưa con người đi vào con đường chiêm niệm, con đường hướng dẫn chúng ta biết làm thế nào để biết *“dán mắt vào những gì không trông thấy”*, ấy là chính Người vậy ! Cách của Người làm là “tách biệt” chúng ta ra khỏi tất cả những gì không phải là Chúa: *“Thầy đến để đem sự chia rẽ”*. Người làm *“chia rẽ”* giữa chúng ta với tất cả những gì không phải là Chúa, đặc biệt những gì chúng ta yêu thích nhất và những người thân gần nhất, kể cả những người thân yêu trong gia tộc, gia đình chúng ta: *“Vì từ nay trong một nhà, năm người sẽ chia rẽ nhau.”* Người đến để mở ra một con đường cho chúng ta đi theo Người. Cuộc sống đi theo Người là một cuộc sống được thánh hiến, nghĩa là

được “*tách riêng ra*”, để được dành cho Thiên Chúa. Và trong hành trình đi theo Chúa này, Người muốn chúng ta từ bỏ tất cả mọi sự, một để chỉ biết “*nhìn thẳng vào Người*” là tất cả, là hạnh phúc, là sự thánh thiện và là niềm vui tràn đầy.

Để đạt được sự từ bỏ này, chúng ta phải đi xuyên qua từng chặng đường tinh luyện, và Đức Yêsu đến cũng để đưa chúng ta đi vào con đường tinh luyện này: “*Thầy đến để đem lửa xuống thế gian, và Thầy mong muốn biết bao cho lửa ấy cháy lên*” (Lc 12:49). Ngọn lửa ở đây chính là biểu tượng của tình yêu Thánh Thần: Ngôi Ba Thiên Chúa là Tình yêu, chính là Đấng thánh hoá, thánh hiến và tinh luyện chúng ta. Chúng ta hãy nghe Thánh Gioan Thánh giá dùng một hình ảnh vừa sâu xa vừa dễ hiểu để diễn tả ý nghĩa và tiến trình của cuộc tinh luyện này của Chúa Thánh Thần:

Thánh nhân ví Chúa Thánh Thần như là một ngọn lửa, và mỗi linh hồn được ví như một khúc củi. Thoạt tiên, khúc củi là khúc củi. Khúc củi không thể tự nó cháy lên được. Nó chỉ có thể cháy được khi tiếp giáp được với lửa. Càng gần ngọn lửa bao nhiêu, nó càng mau cháy bấy nhiêu; đồng thời, càng khô bao nhiêu, nó càng cháy mau cháy mạnh bấy nhiêu. Nếu bị ẩm ướt, nó phải mất thời gian lâu hơn, để nó được hong khô đã, rồi mới cháy được. Nó càng bị ẩm ướt, thời gian hong khô càng dài. Một khi cháy được rồi, nó biến dần trong chính ngọn lửa, để khi đã “*bùng cháy*”, nó từ từ mất hút trong chính ngọn lửa.

Cũng vậy, một linh hồn không thể tự mình biến thành ngọn lửa tình yêu được: nó phải được lửa tình yêu do Đức Yêsu mang đến “mồi” cho, mới cháy lên được. Càng gần với ngọn lửa tình yêu này, linh hồn càng mau cháy lên. Phần ẩm ướt của khúc củi tượng trưng cho những tội lỗi, những ước hèn, những tính hư tật xấu, những thiếu sót của linh hồn. Để được bốc cháy, “những thứ ẩm ướt” đó của linh hồn cần phải được “take time”, trải qua từng giai đoạn hong khô, tức là để được lửa tình yêu của Thánh Thần hong khô, tượng trưng cho những tinh luyện thiêng liêng. Khi linh hồn đã cháy lên được rồi, nó biến dần trong tình yêu Thánh Thần, để một khi đã bùng cháy, nó mất hút trong chính ngọn lửa tình yêu ấy. Một linh hồn mau bốc cháy trong ngọn lửa là một linh hồn đã bén nhạy với tình yêu. Linh hồn các vị thánh, kể sớm người muộn đều tựa như những khúc củi đã được hong khô, làm cho rất bén nhạy với lửa tình yêu.

Têrêxa Hải đồng đã có một bén nhạy tính đó rất sớm: Khi còn ở tuổi xuân xanh, linh hồn Thánh Nữ như “khúc củi” thật là khô vậy !

Còn linh hồn của Đức Maria thì khởi nói: Linh hồn Mẹ được ví còn hơn cả một “khúc củi khô” nữa: Ta có thể ví linh hồn Mẹ tựa như thứ than người ta dùng để nướng “barbecue” vậy: khi thứ than này vừa đụng đến lửa là đã làm tung tóe ra những tia lửa, kèm theo những âm thanh vang vọng tình yêu...

Khi nhìn vào khúc củi đang bùng cháy trong ngọn lửa, người ta không còn phân biệt được đâu là lửa, đâu là củi. Cũng vậy, Một linh hồn thánh thiện là một linh hồn thực sự mất hút trong ngọn lửa tình yêu. Linh hồn đó đi vào sự kết hiệp trong Thiên Chúa hoàn toàn đến độ như là đồng hoá với chính ngọn lửa tình yêu. Và đó là thứ lửa mà Đức Yêsu muốn đem xuống trần gian, và Người *“mong mỗi biết bao cho ngọn lửa ấy cháy lên”* (Lc 12:49).

Nhưng để đạt được tình trạng mất hút trong Thiên Chúa, như đồng hoá với chính ngọn lửa tình yêu, linh hồn phải trải qua nhiều giai đoạn như đã nói trên.

Tiên tri Giêrêmia kể, vì vâng theo lệnh Chúa, vị tiên tri đã phải chiến đấu để rồi bị kết án rằng: *“Trong những ngày ấy, các thủ lãnh tâu vua rằng: Chúng tôi xin bệ hạ cho lệnh giết người này (Giêrêmia), vì nó cố ý nói những lời làm lũng đoạn tinh thần chiến sĩ còn sống sót trong thành này và toàn dân. Thực sự tên này không tìm hòa bình cho dân, mà chỉ tìm tai hoạ”* (Gr 38:4). Cách nay đã khoảng 2650 năm, Giêrêmia đã đi đúng đường Đức Kitô sau này đã đi: *“Các con tưởng Thầy đến để đem bình an xuống thế gian ư ? ... Không phải thế, nhưng Thầy đến để đem sự chia rẽ.”* Thực vậy, mặc dù Giêrêmia quả đã thất bại lúc ông sinh tiền, nhưng dung mạo của ông không ngừng được lớn lên sau khi ông chết. Hơn thế nữa, cuộc từ bỏ, hy sinh, quên mình để phục vụ Thiên Chúa, đã làm cho ông xứng đáng là một hình ảnh báo trước cho dung mạo của Đức Kitô hơn 600

năm sau, sau bao nhiêu thăng trầm bước đi trên con đường tinh luyện trong và nhờ tình yêu của Thiên Chúa Giêhô.

Thánh Phaolô cũng đã nói đến những cuộc chiến mà chúng ta phải bước vào. Nhưng cuộc chiến chính yếu và quan trọng nhất chính là cuộc *"chiến đấu với tội lỗi"* (Dt 12:4). Chiến đấu để được tinh luyện. Theo tự nhiên, càng gần với ngọn lửa chừng nào, chúng ta càng được tinh luyện chừng đó.

Do đó, chúng ta cần chuyên cần đến với Chúa Yêsu, cần chuyên cần chiêm ngắm Chúa Yêsu. Chúng ta dùng những hình ảnh trên để sánh ví và phác họa một con người lý tưởng của ngàn năm Kitô thứ ba. Đó là một con người người thánh thiện, tràn đầy lửa Thánh thần, và chúng ta tạm gọi con người đó là *"người Samaritanô nhân hậu của ngàn năm thứ ba"*. Đó là con người biết làm thỏa lòng Thầy Chí Thánh mong ước: *"Thầy xuống đem lửa xuống thế gian, và Thầy mong mỗi biết bao cho ngọn lửa ấy cháy lên"*. Chỉ có con người như thế mới sống được lời nói sau đây của thánh Phaolô: *"Chúng ta hãy trút bỏ tất cả những gì làm cho chúng ta ra nặng nề và tội lỗi bao quanh chúng ta. Chúng ta hãy nhất quyết xông pha vào chiến trận đang chờ đợi chúng ta"* (Dt 12:1).

Vậy chúng ta hãy để cho Chúa Thánh Thần tinh luyện chúng ta. Thời gian được tinh luyện cũng chính là thời gian chúng ta chuẩn bị để bước vào những trận chiến cam go sẽ đến sau này trong ngàn năm Kitô thứ ba.

Xin ơn Chúa, xin Mẹ Maria trợ lực chúng ta trên hành trình đi theo Chúa, để chúng ta thực sự được tinh luyện tới mức tối đa như Chúa mong muốn, như Người đã mong muốn cho tiên tri Giêrêmia, cho Phaolô, để “nghịch lý” của Tin Mừng được áp dụng trong cuộc đời của chúng ta: Việc một người ra đi xây dựng hòa bình trong thế giới của loài người chỉ có thể thành đạt, khi người đó chiến thắng trong trận chiến nội tâm của mình. Chúng ta hãy cùng nhau ra sức *“nhìn thẳng vào Đức Yêsu.”*

14.

Chiêm ngắm

vết thương của Chúa Yêsu trên thập giá

*BẤY GIỜ HỌ NHỔ VÀO MẶT NGƯỜI,
ĐÁNH ĐẬP NGƯỜI,...
HỌ ĐIỀU NGƯỜI ĐI ĐÓNG DINH VÀO THẬP GIÁ
(MT 26: 65; 27:31)*

Chúng ta không thể ghi hết ra đây những suy tư rút ra từ tất cả các tình tiết trong trình thuật về con đường thập giá đau thương của Đấng Cứu thế, nhưng chỉ tập trung ở một điểm: chiêm ngắm những vết thương trên mình Đức Yêsu, Đấng bị treo thân trên thập giá. Chúng ta bắt đầu bằng một câu chuyện.

John Powell kể lại một truyền thuyết lâu đời của nước Ái-nhĩ-lan, xảy ra vào thời vương quốc này còn các vị vua cai trị.

Khi ấy, có một vị vua đương trị vì không có con nối dõi ngai báu. Ngài bèn truyền cho các sứ giả ghi lên các tấm biển nơi các thành phố và làng mạc trong vương quốc, để mời gọi những người đàn ông ưu tú đến cho Đức Vua phỏng vấn cho cuộc tuyển lựa người kế nghiệp.

Đức vua hy vọng rằng cuộc tuyển chọn sẽ hoàn thành trước khi ngài băng hà. Tiêu chuẩn được ngài đặc biệt nhấn mạnh là người kế nghiệp ngài phải nhất mực mến Chúa, yêu người.

Một chàng trai nọ cảm thấy trong lòng có tiếng thúc giục anh đi dự cuộc phỏng vấn. Nhưng anh lại nghèo đến độ chẳng có lấy một bộ quần áo tươm tất để đi dự cuộc phỏng vấn, và cũng chẳng có đủ tiền mua hành lương cho cuộc hành trình dài đến cung điện Đức vua. Vì thế, chàng chỉ biết cầu nguyện xin ơn soi sáng cho khó khăn này. Cuối cùng chàng quyết định làm khát thực, đi xin quần áo và lương thực cần thiết. Khi mọi sự đã sẵn sàng, chàng lên đường.

Sau một tháng rảo bước dò tìm, chàng vui sướng tìm thấy cung điện Nhà vua. Từ xa, trên một ngọn đồi hoang, chàng trông thấy một ông lão ăn mày nghèo xơ ngồi bên vệ đường. Tiến lại gần, ông lão chìa tay ra xin chàng giúp đỡ. Bằng giọng thật yếu ớt, ông nói: *"Tôi đói và lạnh quá, cậu có thể cho tôi cái gì để ăn cho đỡ đói và mặc cho đỡ lạnh không?"*

Chàng thanh niên nhìn ông lão lòng đầy xúc động, bèn cởi chiếc áo ấm khoác bên ngoài của mình, đổi lấy chiếc áo cũ rách tả tơi của ông lão ăn xin, và cho ông phần lớn lương thực chàng mang theo trong túi xách dành cho chuyến về lại nhà mình. Sau đó, chàng lấy đôi ngai ngừng khi rón rén từng bước tiến vào cung điện trong bộ đồ rách tươm... Vào tới lâu đài, chờ đợi ít lâu sau, chàng ta được dẫn tới diện kiến Đức Vua.

Trước bệ rồng, chàng cúi gập sâu người sâu xuống bái phục nhà vua. Khi ngước lên nhìn, chàng ta không thể nào tin nổi mắt mình và thốt lên: *"Thưa ngài, thế ra ngài chính là ông lão ăn xin bên vệ đường!"* Đức Vua đáp: *"Đúng vậy"*. Anh thanh niên liền hỏi: *"Bẩm ngài, tại sao ngài lại làm điều ấy đối với kẻ bần dân này?"* Đức vua trả lời: *"Bởi vì Trẫm muốn thử xem khanh có thật lòng mến Chúa yêu người không"*.



Câu chuyện mang tính cách truyền thuyết trên đây muốn nói với chúng ta rằng, Chúa Yêsu là Vị Thiên Chúa cao sang, nhưng Người sẵn sàng làm người như chúng ta, ngoại trừ tội lỗi, mặc lấy dáng dấp của một người bần cùng, khiêm tốn, bé nhỏ, như lời thánh Phaolô nói: *"Chúa Yêsu Kitô, tuy là thân phận Thiên Chúa, đã không nghĩ phải dành cho ngang hàng với Thiên Chúa; trái lại, Người hủy bỏ chính mình mà nhận lấy thân phận tôi đòi, đã trở nên giống như loài người, với tư cách bề ngoài như một người phàm"* (Pl 2:6-7).

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn của câu chuyện là, Đức Yêsu, dù là Vị Vua uy nghi cao cả, nhưng luôn muốn hiện diện trong con người tầm thường, nhất là nơi những người anh em bạn cùng nhất, mang nhiều vết thương nhất trong xã hội loài người. Họ chính là hiện thân của Chúa Yêsu tử nạn.

Như chúng ta đã chia sẻ trước đây rằng, chính sự ghen tương là đầu mối dẫn đến cái chết của Đức Yêsu. Nếu xét về những dữ kiện mang tính cách lịch sử, có thể nói, nguyên nhân xa của cuộc khổ nạn của Người là chính tính ghen tương đã ăn sâu trong tâm hồn của những vị kinh sư và biệt phái. Tiếp đến, một nguyên nhân gần chính là sự trao nộp Thầy mình của Giuđa. Ngày nay chúng ta đều có khuynh hướng không dám quả quyết về hậu quả của hành vi phản bội của Giuđa. Chúng ta chỉ dựa trên dữ kiện đã xảy ra để phân tích vấn đề thôi. Vấn đề nơi con người Giuđa đó là sự bất trung, phản bội. Nói chung, trong tình yêu, vết thương lớn nhất chính là vết thương phát sinh do sự bất trung cách tích cực, tức là sự phản bội. Do sự phản bội này, Vị Thầy của Giuđa, cũng là Vị ân nhân vĩ đại của ông, đã bị ông bán đứng với giá rẻ mạt như giá bán của một tên nô lệ. Ông chính là kẻ tay trong, kẻ nội công, và là kẻ "ngoại tình", tiếp tay cho những kẻ thù đóng đinh Thầy mình trên cây thập giá như một tử tội đã phạm những tội mà thời đó cho là tày trời.

Nói khác đi, chính hành động của Giuđa là nguyên nhân gần đã tạo nên những vết thương trên thi thể của Đức Yêsu. Độ lớn của những vết thương hằn đau trên thân xác Đức Yêsu, xét về thể lý, có thể cũng tương tự như

những vết thương, những cực hình mà nhiều con người trên mặt đất đau thương này có thể đã chịu, nhưng cường độ của cái đau, của sự dằn vặt, của sự thống khổ sâu buồn, của gánh nặng trên thân xác và linh hồn của Đức Yêsu lên tới mức cực độ, gồm tất cả cường độ của sự đau khổ của nhân loại gộp lại: *"Người đã gánh lấy tội lỗi của chúng ta", để "nhờ vết thương trên da thịt Người mà chúng ta được chữa lành". "Những đau khổ của chúng ta, Người mang vào thân xác, và đưa lên thập giá".* Hành động của Người chính là hành động tương phản với hành động của Giuđa: Người đã trung tín với Thiên Chúa Cha, bằng việc *"tự hạ mình, vâng lời cho đến chết, và chết trên thập giá"* (Pl 6:8).

Thiết tưởng, biến cố tử nạn nhắc nhở chúng ta hơn bất cứ biến cố nào khác về sự trung tín của chúng ta đối với Chúa. Mỗi lần chúng ta phạm tội, dù nặng hay nhẹ, đều là mỗi lần chúng ta phản bội Chúa, kết án Chúa; mỗi lần chúng ta ghen tương đối với anh chị em mình, hay không thương yêu anh chị em mình đủ, đặc biệt những anh chị em sống trong cùng một gia đình hay cộng đoàn chúng ta, là mỗi lần chúng ta làm lở lói thêm vết thương trên thân thể của người anh chị em chúng ta, hiện thân của Chúa Yêsu tử nạn. Đời sống đức tin của chúng ta, theo bản chất, là một cuộc nỗ lực không ngừng trong việc hàn gắn lại vết thương đau nơi người anh chị em chúng ta, ấy thế mà nhiều khi chúng ta, nếu có thực sự hàn gắn vết thương nơi con người này, lại làm cho vết thương của người nọ ra tệ hại hơn. Vô phúc hơn nữa, nhiều khi chúng ta làm như

thế, nhưng chúng ta lại không nhận ra hành vi chúng ta làm là một hành vi của bóng tối.

Nhiều khi chúng ta có thể là những người đi ra ngoài xã hội thì rất niềm nở với mọi người, tỏ ra tinh thần phục vụ, lòng nhiệt thành, mong thoa dịu đi vết thương nơi những người anh chị em đáng thương. Nhưng nếu chúng ta không có chiều sâu của đức mến, khi về lại gia đình hay cộng đoàn, chúng ta hoặc vô tình hay cố ý, sẽ dễ dàng gây nên, hoặc góp phần gây nên những vết thương khác nơi những người anh / chị em trong gia đình, hay cộng đoàn chúng ta. Điều này có thể thường xảy ra giữa anh / chị em với nhau trong gia đình, hay cộng đoàn. Nhiều khi bề dưới gây vết thương cho bề trên, nhưng cũng không thiếu những trường hợp, vị bề trên hoặc vì yếu đuối hoặc vì thiếu sự thánh thiện cũng có thể gây nên những vết thương cho anh / chị em mình trong cộng đoàn. - Bề trên đây hiểu theo nghĩa rộng, trong một gia đình hay cộng đoàn.

Dù là cha mẹ hay con cái, dù là bề trên, bề dưới, ở cấp bậc hay chức vụ, trách nhiệm nào, chúng ta thấy đều có chung một bổn phận là nhìn lên Đức Yêsu chịu khổ nạn trên thập giá, để thấy ngày càng rõ hơn những vết thương trên thân xác Người, đặc biệt, nơi cạnh sườn Người. Khi nước và máu đã chảy ra hết, chính là lúc Đức Yêsu đã trút hết tình yêu của trái tim Người rót vào từng trái tim con người đang khát tình yêu. Chiêm ngắm thập giá bằng việc đi chặng đường thánh giá, bằng việc nhìn lên tượng hay hình ảnh chuộc tội, chiêm niệm trong tâm trí, suy tư bài thương khó, chầu trước Thánh Thể, trầm lặng trước nhà

tạm trong đêm vắng, luôn tưởng nghĩ và sống kết hiệp với Chúa Yêsu tử nạn trong mọi biến cố và trong mọi công việc, ... là những phương cách giúp cho tình yêu chúng ta được tinh luyện, để dần dà, khi tính ghen tương trong chúng ta không còn nữa, chúng ta mới thực sự trở nên một con người luôn trung tín với Chúa trong mọi hoàn cảnh, để chúng ta sẽ không ngủ quên trong tội như ba tông đồ đã không thể thức được với Thầy Chí Thánh lấy một giờ, sẽ không chối Chúa như Phêrô đã làm trong tình thế căng thẳng đầy sợ hãi, sẽ không chạy trốn như các tông đồ khi Thầy mình đã bị trao vào tay kẻ thù, nhưng kiên vững và can đảm đến cùng như Mẹ Maria dưới chân thập giá Chúa, Đấng đã đón nhận lấy vết thương nơi cạnh sườn của Con mình khi bị lưỡi đồng xuyên thấu trái tim trong cơn hấp hối của Người.

Giây phút hấp hối, máu cùng nước chảy ra, là lúc vết thương trở nên trầm trọng nhất trên thân thể Chúa Yêsu. Đây là giờ phút đen tối nhất trong cuộc đời của Đức Yêsu. Cao điểm của đêm đen này là lúc Người than thở gần như trong vô vọng với Chúa Cha: *"Ôi Thiên Chúa, ôi Thiên Chúa, sao Chúa đã bỏ con!"* (Tv 21:2a). Còn hơn thế nữa: vết thương đã cắt đứt hơi thở của Người. Đây cũng chính là thời gian đen tối nhất trong cuộc đời của các tông đồ, vì lúc này đây, tất cả những điều các ông mong về nột tương lai sáng ngời đều chỉ như một giấc chiêm bao đã qua. Đây chính là giờ phút thử thách tội cùng của Đức Yêsu về lòng trung tín. Còn các tông đồ thì trải qua một đêm tối đầy kinh hoàng của đức tin, không một ai trong các ông chịu nổi cả, chỉ trừ có Gioan, người môn đệ được

Chúa yêu, người đứng bên thánh giá Chúa kề cận Mẹ Người. Đêm tối kinh hoàng này chắc chắn là một biến cố sau này sẽ ảnh hưởng và ghi sâu trong suốt quãng đường sứ vụ của các ông, từ khi Đức Yêsu sống lại khỏi hoàn từ cõi chết.

Việc chiêm ngắm vết thương của Chúa Yêsu chỉ thực sự có ý nghĩa đối với chúng ta, khi chúng ta nhìn thấy được những bất trung của mình, và thâm hiểu tình yêu bao la của Đức Yêsu dành cho chúng ta. Nhận thức này phải là một nhận thức đi đến quyết tâm rằng, tôi sẽ vừa ra đi xoa dịu vết thương của anh chị em của tôi, sẽ vừa không bao giờ gây nên thương tích nơi người anh chị em chúng ta nữa. Muốn được vậy, *chúng ta cần phải thường xuyên chiêm ngắm Chúa Yêsu trên thập giá. Thân thể Người trên thập giá chính là điểm hội tụ của tất cả mọi vết thương của nhân loại. Do đó, chúng ta thực sự cảm được nỗi đau khổ của anh chị em chúng ta chỉ khi chúng ta nhìn thấy tỏ tường bằng đôi mắt đức tin, qua việc chiêm ngắm, những vết thương trên da thịt của Thầy Chí Thánh chúng ta. Nhờ chiêm ngắm điểm hội tụ này của vết thương mà thánh Phaolô đã hội quy mọi lời rao giảng của ngài trong chủ đề "Đức Kitô chịu đóng đinh". Chúng ta hãy cùng nhau chiêm ngắm Người, để từ đó, rút ra những quyết tâm mãnh liệt cho việc đáp lại tình yêu của Người trong ngàn năm Kitô thứ ba này.*

LỜI NGUYỄN

Lạy Mẹ Maria, Giáo hội tuyên xưng Mẹ là Đấng hiệp công cứu cuộc với Đức Kitô, là Mẹ sầu bi với bảy sự thương khó.

Trong ơn gọi và sứ mệnh của Mẹ, Mẹ đã nhất mực chu toàn, từ khi thiên thần đến truyền tin, ngày Mẹ hạ sinh Đấng Cứu thế, cho đến ngày từng bước chân Con Mẹ giẫm trên sỏi đá tiến về đỉnh cao Can-vê, Mẹ luôn một bước không rời Người Con yêu của Mẹ. Chúng con xin được cùng với Giáo hội, đặc biệt trong thời gian này, dâng lên Mẹ bản tình thánh Stabat Mater - Mẹ lặng đứng - để mong được cùng với Mẹ hiệp thông vào sự thương khó của Con Mẹ, cũng như để hoan chúc lòng dũng cảm của Mẹ khi đứng dưới chân thập giá Chúa. Hơn ai hết, Mẹ đã kinh nghiệm, đã trải qua những giờ phút kinh hoàng nhất của cuộc đời Con Mẹ. Với tư cách là Mẹ, Mẹ đã thấm thía lo âu trước những cùng cực của tất cả những anh chị em đau khổ nhất, nghèo đói nhất, khốn cùng nhất của Chúa Giêsu Con Mẹ, đã mục kích sự đau đớn tột cùng phát sinh từ từng vết thương của Chúa Giêsu trên hành trình thập giá, đã và còn tiếp tục chứng kiến bao nhiêu 'vết thương vẫn còn đó' trên từng anh chị em nằm vất vưởng bên đường trần thế của 2000 năm qua, cũng như trong ngàn năm sắp tới. Xin Mẹ luôn nâng đỡ sự yếu hèn con người của chúng con, khích lệ, giúp đỡ, và dạy mỗi người chúng con biết sẵn sàng đón nhận vào lòng những vết thương của người anh chị em chúng con, như Mẹ đã đón nhận vào trong cánh tay Mẹ chính thân xác thâm bầm nát tan của Con Mẹ trước khi Người được mai táng trong huyết đá, cũng như Mẹ đã đón nhận bằng cả sự hiệp thông của những đau đớn trên thân xác, đặc biệt nơi cạnh sườn của Người. Nếu vết thương vẫn còn đó, thì chính Thân thể máu nhiệm của Con Mẹ mãi đến nay, vẫn còn tiếp tục bị treo trên khổ giá.

Lạy Mẹ là Đấng đã can đảm lặng đứng dưới chân thập giá, xin Mẹ giúp chúng con ngày nay, trong thời đại này, cũng biết cùng với Mẹ, nhờ Mẹ, mặc lấy tâm tình của Mẹ, lặng đứng dưới chân thập giá của ngàn năm Kitô thứ ba này. Đồng thời, xin Mẹ

làm tăng trưởng lòng trung thành trong tình bạn của chúng con với Chúa Yêsu, và làm triển nở tình yêu của Chúa Yêsu trong trái tim của chúng con, để như Mẹ, dù có phải đón nhận những vết thương trên thân xác hay trong tâm hồn, dù có phải trải qua những giây phút căng thẳng kinh hoàng nhất của cuộc đời, cũng xin cho chúng con được vững mạnh và bình an, vì nhìn thấy trong niềm tin tràn đầy vào chân trời hy vọng của sự phục sinh sẽ lộ dạng sau đêm dài tạm trú trong nắm mồ đơn côi của buổi chiều tím buồn màu thương khó.

15.

Tập sống với Ba Ngôi Thiên Chúa

*'NẾU AI YÊU MẾN THẦY, THÌ SẼ GIỮ LỜI THẦY,
VÀ CHA THẦY SẼ YÊU MẾN NGƯỜI ẤY,
VÀ CHÚNG TA SẼ ĐẾN VÀ Ở TRONG NGƯỜI ẤY'
(GÂ 14:23)*

"*Toàn thể trái đất, hãy reo mừng Thiên Chúa*" (Tv 99:2a). Đây là một lời kêu mời toàn thể trái đất của Thánh Tổ Đa-vít. Chữ "*toàn thể trái đất*", hay "*cả trái đất*" ("*all the earth*"), không những chỉ người, nhưng còn cả vạn vật nữa. Thánh Tổ phụ kêu mời cả vạn vật trên trái đất "*hãy reo mừng Thiên Chúa*" (bản dịch mới: "*hãy tung hô Thiên Chúa*" - "*Cry out with joy*"), vì Người đã cứu độ muôn loài, đặc biệt là loài người. Đây không phải vì cao húng mà Thánh Tổ đã thốt lên lời kêu mời đó, nhưng do

lòng tràn ngập niềm hân hoan vì cảm nghiệm được ơn Thiên Chúa cứu thoát mình. Chúng ta cũng vậy, khi cảm nghiệm được niềm vui tràn đầy vì chúng ta được cứu thoát, vì Đấng cứu chuộc hiện diện trong lòng của chúng ta, chúng ta mới có thể thốt lên lời đó được: *"Toàn thể trái đất, hãy reo mừng Thiên Chúa"*, lúc đó, chúng ta mới thực sự sống được điều thánh Phaolô dạy chúng ta: *"Anh em hãy tôn thờ Chúa Kitô trong lòng anh em. Hãy luôn luôn sẵn sàng trả lời thỏa mãn cho mọi kẻ hỏi lý do của niềm hy vọng nơi anh em..."*

Như vậy, bắt buộc chúng ta phải là những người lòng tràn ngập niềm hy vọng, vì *"Chúa Kitô ở trong lòng chúng ta"*, tức là Ba Ngôi Thiên Chúa ở trong lòng chúng ta - Chúa Cha, Chúa Con, Chúa Thánh Thần ở trong lòng chúng ta.

Qua Lời Chúa, Chúa Yêsu đã nhiều lần mạc khải cho chúng ta về Chúa Cha, và dạy cho chúng ta biết cách làm thế nào để sống với Chúa Cha: *"Nếu ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ Lời Thầy, và Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy, và chúng ta sẽ đến và ở trong người ấy"* (Ga 14:23). - *"Giữ Lời Thầy"* là chìa khóa của vấn đề: Chỉ cần *"giữ Lời Thầy"* là Chúa Cha và Chúa Con sẽ đến và ở trong chúng ta, và chúng ta có thể *"thờ phượng Thiên Chúa trong lòng chúng ta"* như mệnh đề thánh Phaolô dùng. Nói chung, chúng ta cần hiểu rằng, trong suốt cuộc đời của Chúa Yêsu trên dương thế, Người ra sức làm một điều: hướng mọi người về với Chúa Cha và nhận biết Chúa Cha. Trong ngôn-hành, Ngài luôn biểu tỏ cho mọi người thấy được Chúa Cha nơi chính Ngài. Hơn thế nữa, Người nói

lên quan hệ mật thiết và sâu xa giữa Chúa Cha, Ngài và những kẻ Ngài tuyển chọn: *"Các con hiểu rằng Thầy ở trong Cha Thầy, và các con ở trong Thầy, và Thầy ở trong các con... Ai mến Thầy, sẽ được Cha Thầy yêu mến"*.

Vậy, trong mọi sinh hoạt, hoạt động của chúng ta, dù cầu nguyện hay hoạt động tông đồ, chúng ta cần luôn luôn ý thức sống kết hiệp với Chúa Yêsu, để nhờ Ngài, với Ngài và trong Ngài, chúng ta kết hiệp với Chúa Cha. Những giờ phút suy niệm phải là những giờ phút lòng chúng ta chìm sâu trong lòng thương xót của Thiên Chúa Cha, và nghe được những "tiếng sấm vọng tình yêu của Chúa Cha" trong Chúa Yêsu hiện diện trong tâm hồn của chúng ta... Chúng ta ngồi đó bất động, bên ngọn bạch lạp leo lét trong nhà nguyện hay trong phòng kín, nhưng trong tâm hồn chúng ta phải là những ngọn sóng ngầm cuộn cuộn lên lòng thương xót vô bờ của Chúa Cha, vây kín trái tim chúng ta bằng tình phụ tử của Người. Khi chúng ta lao động, hoạt động, nếu chúng ta biết kết hiệp với quyền năng của Thiên Chúa Cha, người khác nhìn vào bàn tay gân guốc lao lực, khổ nhọc, hay nhìn vào vầng trán nhăn nheo trong lao trí, lao tâm, sẽ nhận ra hình ảnh của Thiên Chúa Cha, hay sẽ tin rằng quyền năng của Thiên Chúa đang hiện diện trong chúng ta. Lúc đó, chúng ta trở nên những chứng nhân đích thực của Chúa Cha và Chúa Con.

Khi chúng ta làm tất cả mọi sự, dù cầu nguyện, lao tác hay hoạt động tông đồ, dù lao lực hay lao tâm, nếu chúng ta làm với tất cả lòng yêu mến, nếu chúng ta ý thức làm

trong sự kết hiệp với Chúa Thánh Thần, công việc của chúng ta làm sẽ mang một giá trị khác hẳn: giá trị canh tân, thánh hóa bản thân chúng ta và thế giới.

Lời Chúa đã nói nhiều về sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, sự đón nhận Chúa Thánh Thần của người Kitô hữu, cũng như những hoạt động của Chúa Thánh Thần qua tay các tông đồ của Đức Yêsu thời Giáo hội sơ khai. Trước thềm ngàn năm mới, chúng ta cần đặt đúng mức sự quan tâm của chúng ta vào hoạt động của Chúa Thánh Thần trong cuộc sống của cá nhân chúng ta, và cuộc sống cộng đồng của Giáo hội. Thiết tưởng, những năm cuối cùng của ngàn năm Kitô thứ hai này nên là thời gian chuẩn bị tâm hồn để đón nhận một lễ Hiện xuống mới trong tâm hồn chúng ta vào Năm Thánh 2000, điểm khởi đầu của ngàn năm Kitô thứ ba.

Có lần thánh Phêrô xác định hoạt động của quyền năng Thánh thần trong Đức Kitô: *"Thật ra, Người đã chết theo thể xác, nhưng đã nhờ Thần Linh mà sống lại"*. Do đó, chúng ta như người đã chết. Nếu chúng ta cùng chết với Đức Kitô, nghĩa là liên lý kết hiệp với Đức Kitô trong cuộc khổ nạn của Người, nghĩa là nếu Người đã chết thì chúng ta cũng sẽ chết với Người, rồi ra, chúng ta cũng sẽ được sống lại với Người. Lời trời trần của Chúa Yêsu bao hàm ý nghĩa này: *"Thầy sẽ xin Cha, và Người sẽ ban cho các con một Đấng Phù trợ khác, để Người ở với các con luôn mãi. Người là Thần Chân lý mà thế gian không đón nhận, vì thế gian chẳng biết được Người; còn các con, các con biết Người, vì Người sẽ ở nơi các con và ở trong các con"*.

Như vậy, cuộc sống chúng ta là một cuộc sống được bao trùm bởi màu nhiệm Ba Ngôi Thiên Chúa, bởi những ưu phẩm đặc biệt của Các Ngài: ưu phẩm quyền năng của Thiên Chúa Cha trong công cuộc sáng tạo, ưu phẩm khôn ngoan của Chúa Yêsu cho chương trình cứu độ, và ưu phẩm Tình yêu trong công cuộc thánh hóa, thánh hiến và canh tân thế giới. Trong những năm còn lại của ngàn năm Kitô thứ hai này, theo lời mời gọi của Vị Cha Chung, qua việc cử hành phụng vụ, không những chúng ta chỉ chuẩn bị tâm hồn chúng ta đón nhận một lễ Hiện xuống mới, nhưng còn phải nỗ lực thường xuyên sống với Ba Ngôi Thiên Chúa trong mọi lúc và trong mọi sinh hoạt của chúng ta. Một vài đề nghị cụ thể cho việc tập sống với Ba Ngôi Thiên Chúa:

1) *Đơn sơ nhất: chúng ta năng đọc lời nguyện tắt này với ý thức kết hiệp: 'Con xin được kết hiệp với Ba Ngôi Thiên Chúa trong giây phút này'.*

2) *Những lời nguyện khác chúng ta có thể đọc với ý thức kết hiệp tùy lúc, tùy tâm tình:*

- *Lạy Ba Ngôi Thiên Chúa, con xin được kết hiệp với Quyền năng của Thiên Chúa Cha, con xin được kết hiệp với sự Khôn ngoan của Chúa Yêsu, con xin được kết hiệp với Tình yêu của Chúa Thánh Thần. Con xin được kết hiệp với Ba Ngôi Chí Thánh.*

- *Lạy Chúa Yêsu, con xin được cùng với Chúa kết hiệp với quyền năng và lòng thương xót của Thiên Chúa Cha.*

- *Lạy Chúa Yêsu, xin cho con được ở trong Chúa, để được cùng với Ngài sống sự thánh hiến trong Chúa Thánh Thần.*

- *Lạy Mẹ Maria, xin cho con được sống trong cung lòng của Mẹ, vì cung lòng Mẹ là cung thánh của Ba Ngôi Thiên Chúa ngự, để ở đó, con được sống với Ba Ngôi Thiên Chúa.*
- *Lạy Mẹ Maria, giờ này con xin được cùng với Mẹ sống với Ba Ngôi Thiên Chúa.*

3) *Khi vừa thức dậy: Chúng ta cảm tạ Ba Ngôi Thiên Chúa, và kết thúc bằng một câu kinh sáng danh:*

'Vinh danh Chúa Cha và Chúa Con, cùng vinh danh Thánh Thần Thiên Chúa, tự muôn đời và chính hiện nay luôn mãi đến thiên thu vạn đại. A-men'.

4) *Ngay trước khi đi ngủ:*

'Lạy Ba Ngôi Thiên Chúa, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, xin chúc lành cho con, và hiện diện với con trong giấc ngủ đêm nay. A-men'.

5) Cách tốt hơn là, chúng ta đọc lên nguyên văn một câu Lời Chúa nào bất kỳ, với ý thức: Lời Chúa là chính Chúa. Sau đó, đọc một trong những lời nguyện tắt đề nghị ở trên (có thể tùy nghi, tùy tâm tình, tự phát những lời nguyện nào khác...).

6) *Một thời gian đặc biệt: lúc dâng Thánh lễ: Chúng ta ý thức sống với Ba Ngôi Thiên Chúa ngay từ lúc linh mục đọc lời chào đầu lễ:*

'Nguyện xin ân sủng Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, tình yêu của Chúa Cha, và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần ở cùng tất cả anh chị em'.

Đặc biệt nhất, trong giây phút hiệp lễ, sau khi rước Chúa Giêsu Thánh thể, chúng ta có thể thầm thí thưa:

'Lạy Chúa Giêsu, con tin thật Chúa đang hiện diện trong con; Chúa đang chuyển thông sức sống và Máu Thịt của Chúa cho con. Con xin được kết hiệp với sự khốn ngoan của Chúa. Cùng với Chúa, con xin kết hiệp với quyền năng và lòng thương xót của Chúa Cha, và với tình yêu thánh hiến của Chúa Thánh Thần. Lạy Mẹ Maria, cùng với Mẹ, con xin được kết hiệp với Ba Ngôi Thiên Chúa. Trong Chúa Giêsu Con Mẹ, xin Mẹ đưa con đi sâu vào trong đại dương tình ái của Ba Ngôi Thiên Chúa'.

Điều quan trọng nhất là, chúng ta hãy ý thức sống với Ba Ngôi Thiên Chúa, ý thức để Ba Ngôi Thiên Chúa hoàn toàn chi phối và điều động cuộc sống của chúng ta, từ lúc rạng đông đến lúc chiều tà, cả trong khi thức, lẫn trong giấc ngủ. Đời sống đức tin của những *"người Samaritanô nhân hậu của thiên niên kỷ thứ ba"*, phải là một đời sống được chìm sâu trong Ba Ngôi Chí Thánh.

Ở trên, vì bị giới hạn trong ngôn ngữ, nên chúng ta phải phân tích từng điểm một, từng diễn tiến một trong đời sống kết hiệp với Thiên Chúa với từng Ngôi vị, hoặc với từng ưu phẩm của mỗi Ngôi vị, chứ trên thực tại, Ba Ngôi Thiên Chúa luôn hiệp nhất với nhau, luôn là Một, và sống trong chúng ta, khi chúng ta *"yêu mến Thầy và vâng giữ Lời Thầy"*. Dù chúng ta không tin mạnh mẽ, hay không ý thức như thế, thì nó vẫn luôn xảy ra như vậy, vì đó là chân lý trong niềm tin của chúng ta.

Để kết thúc, chúng ta nói đến vai trò của Mẹ Maria trong tương quan với Ba Ngôi Thiên Chúa: Hơn ai hết, Mẹ Maria sống kết hiệp mật thiết với Ba Ngôi Thiên Chúa. Không những vậy, Mẹ còn có một tương-quan đặc

thù với từng Ngôi vị nữa. Tương quan này nói lên tương quan giữa chúng ta với Mẹ trong đời sống kết hiệp của chúng ta với Ba Ngôi thiên Chúa. Thánh Maximilien Kolbe, vị thánh được mệnh danh là "người con điên của Mẹ Maria", được Đức Yoaan Phaolô II tôn phong lên hàng hiển thánh vào ngày 10/10/1982, diễn tả sự tương quan này như sau:

- *"Sự trọn lành của Thiên Chúa chiếu tỏa sự sống khôn tả của Chúa Ba Ngôi đến các tạo vật, phản ánh lại như muôn vàn dư âm" (Thư của thánh nhân gửi cho mẹ 8.12.1932)*

- *"Đức Mẹ ở ngay biên giới giữa Thiên Chúa và loài người. Mẹ là sự phản chiếu trung thực nhất của sự hoàn hảo và sự thánh thiện của Thiên Chúa" (1938 & Đài phát thanh 4)*

- *"Tất cả mọi sự trong vũ trụ được hoàn thành nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần nhờ Mẹ Maria. Đâu không có Mẹ cũng không có Chúa Cha, không có Chúa Yêsu; đâu có Mẹ, đấy có cả Ba Ngôi" (Suy niệm, 14.1.1933)*

- *"Chúng ta không thờ phượng Chúa Cha, Chúa Yêsu và Mẹ Maria (như những việc tôn sùng tách rời nhau), nhưng chúng ta thờ phượng Chúa Cha trong và nhờ Chúa Yêsu, và chúng ta thờ phượng Chúa Yêsu trong và nhờ Mẹ Vô nhiễm. Nghĩa là chúng ta tôn sùng Mẹ Vô nhiễm cách trực tiếp, hoàn toàn, không giới hạn. Nhưng với Mẹ, trong Mẹ, và nhờ Mẹ, chúng ta phụng sự Chúa Yêsu và với Chúa Yêsu, trong Chúa Yêsu và nhờ Chúa Yêsu ta phụng sự Chúa Cha" (Thư thánh nhân gửi tu sĩ S. Mikołajczyk, ngày 27.8.1935)*

16.

Tập sống với

Quyền năng của Thiên Chúa Cha

*'MỌI QUYỀN NĂNG TRÊN TRỜI DƯỚI ĐẤT
ĐÃ ĐƯỢC BAN CHO THẦY'
(MT 28:18)*

Bây giờ, chúng ta cùng nhau suy về màu nhiệm Chúa Yêsu thắng thiên.

Chúa Yêsu thắng thiên là một trong năm màu nhiệm của "Năm sự mừng" trong Kinh Mân côi. Khi suy về màu nhiệm này, chúng ta thường *"xin cho được ái mộ những sự trên trời"*. Thực vậy, điều đơn sơ nhất, căn bản nhất của màu nhiệm này là, sự hướng lòng chúng ta về Quê hương trên trời, nơi Đức Kitô ngự bên hữu Thiên Chúa. Sách

Công vụ ghi: *"Hỡi những người Galilê, sao các ông còn đứng nhìn lên trời? Alleluia: Đáng vừa là các ông lên trời, sẽ đến cùng một thể thức như các ông đã thấy Người lên trời"* (Cv 1:11). Chúng ta có thể hiểu câu nói này muốn nhấn mạnh việc *"hướng lòng chúng ta về trời"*, chứ không phải chỉ *"nhìn lên trời"*. Câu Kinh thánh muốn hướng những người Galilê, cũng như hướng mỗi người chúng ta về ngày cánh chung, ngày Đức Kitô *"sẽ lại đến"*. Như thế, khi nói đến màu hiem thăng thiên, chúng ta thường hay nói rằng, người Kitô hữu chúng ta cần phải chuẩn bị cho ngày Chúa tái lâm, bằng việc luôn hướng về trời, để xin Người cho chúng ta sau này cũng được lên trời hưởng vinh quang và sự sống vĩnh cửu với Người.

Nói như vậy hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, là người Kitô-hữu của ngàn năm Kitô thứ ba, chúng ta cần phải có những suy tư sâu xa hơn nữa, ngoài việc nghĩ rằng chúng ta mong ước và hy vọng tương lai sẽ được lên trời với Chúa, đó là việc chuyên cần chiêm ngắm vinh quang của Thiên Chúa trong Đức Kitô phục sinh, và sống màu nhiệm thăng thiên. Có thể nói, sống màu nhiệm Chúa Yêsu thăng thiên là sống trong sạch, để có được đôi mắt tâm hồn ngời sáng, để nhận biết Người, để biết thế nào là trông cậy Người kêu gọi, thế nào là sự phong phú gia nghiệp vinh quang nơi các thánh, và thế nào là quyền năng vô cùng lớn lao của Người đối với chúng ta, là những kẻ tin, chiếu theo hành động của sức mạnh quyền năng của Người (Ep 1:17-19). Chìa khóa của câu nói này của thánh Phaolô là *sự trong sạch*. Chỉ nhờ đôi mắt tâm hồn trong sạch, việc chiêm niệm chúng ta mới có hiệu

quả. Một Kitô-hữu cảm thấy khô khan nguội lạnh, "thấy Chúa" mờ mờ ảo ảo, chỉ vì chưa có được *đôi mắt tâm hồn* *ngời sáng*. - Trường hợp người Kitô-hữu cảm thấy khô khan vì lý do đang được Chúa tinh luyện, thử thách, thật là họa hiếm, vì số người "bay nhanh bay xa" trên đường hoàn thiện thường không nhiều. Muốn cho đôi mắt tâm hồn ngời sáng, tâm hồn chúng ta phải trong sạch.

Một dấu chỉ để nói lên rằng chúng ta có một đôi mắt sáng ngời, là, chúng ta *nhìn thấy* và *tham dự* vào quyền năng của Thiên Chúa. Càng sống trong sạch, chúng ta càng nhìn thấy rõ quyền năng của Thiên Chúa nơi Đức Kitô, quyền năng đã được Chúa Cha trao cho Người - "*Mọi quyền năng trên trời dưới đất đã được ban cho Thầy*" (Mt 28:18). Chính quyền năng này đã làm cho Người sống lại từ cõi chết, và thống trị muôn loài.

Nhìn thấy quyền năng của Thiên Chúa nơi Đức Yêsu, là nhìn thấy một ưu phẩm của Thiên Chúa, đặc biệt là của Thiên Chúa Cha: *ưu phẩm quyền năng*. - Chúa Cha đã dùng quyền năng tối thượng của Người để thực hiện chương trình sáng tạo và cứu độ mà Người trao phó cho chúng ta. Nhiều người chỉ nhìn thấy những hiệu quả đến từ những hành động do quyền năng sáng tạo mà nhận biết quyền năng Thiên Chúa và tin vào Người. Nói cách khác, Giáo hội dạy chúng ta rằng, nhìn trời đất muôn vật mà suy xét, con người có thể nhận ra Đấng Hóa công.

Đối với chúng ta, nhìn thấy chưa đủ, chúng ta còn phải tham dự vào quyền năng của Thiên Chúa mới có thể thực hiện được sứ mệnh Chúa Yêsu trao phó cho chúng ta, như

Người đã trao phó cho các môn đệ trước khi về trời: *"Mọi quyền năng trên trời dưới đất đã được ban cho Thầy. Vậy các con hãy đi giảng dạy muôn dân, làm phép rửa cho họ, nhân Danh Cha, và Con, và Thánh Thần"*. Sách Công vụ cũng ghi lại việc sai phái này của Chúa Yêsu bằng những lời tương tự: *"Các con sẽ nhận được sức mạnh của Thánh Thần ngự xuống trên các con, và các con sẽ nên chứng nhân cho Thầy tại Yêrusalem, trong tất cả xứ Yudêa và Samaria, và cho đến tận cùng trái đất"*.

Có thể nói, sống trọn thuộc về Chúa, là sống trọn thuộc về quyền năng của Thiên Chúa, và quyền năng của Thiên Chúa thuộc về chúng ta, vì nguyên lai, Đức Kitô trọn thuộc về Chúa Cha thế nào, chúng ta cũng trọn thuộc về Người thế ấy. Nếu Đức Yêsu nói: *"Tất cả những gì Cha có đều là của Thầy"*, bởi lẽ Người trọn thuộc về Chúa Cha, thì chúng ta cũng có thể sung sướng nghĩ rằng, nếu chúng ta trọn thuộc về Chúa, thì *"tất cả những gì Chúa Cha có, đều là của chúng ta"*. Việc *tất cả những gì Chúa Cha có thuộc về chúng ta* bao nhiêu là tùy vào việc chúng ta sống trọn thuộc về Chúa Cha bao nhiêu.

Ở đây chúng ta tìm được ý nghĩa cho việc hiến dâng của chúng ta. Thực vậy, chúng ta càng hiểu được ý nghĩa trao ban quyền năng của Chúa Cha cho Chúa Con, chúng ta càng hiểu được ý nghĩa việc hiến dâng của chúng ta. Việc Chúa Cha trao ban quyền năng của mình cho Chúa Con không phải là việc trao ban như con người chúng ta trao cho nhau một vật gì, hay ngay cả những gì là nội lực của chúng ta được chuyển qua cho một người khác, nhưng sự trao ban quyền năng giữa Ngôi Con và Ngôi Cha là

một sự trao ban bản thể: Chúa Cha trao ban chính mình cho Chúa Con, ở trong Chúa Con, để hoạt động trong Chúa Con, đặc biệt để làm cho Chúa Con sống lại từ cõi chết, nghĩa là để thực hiện công việc cứu độ. Do sự trao ban bản thể như thế mà Chúa Con hoàn toàn có được *"tất cả những gì Cha có"*, đặc biệt là *"quyền năng trên trời dưới đất"*. Khi Chúa Cha trao ban chính bản thể mình cho Chúa Con, Chúa Con đã đáp lại bằng việc trao ban chính mình cho Chúa Cha: sự trao ban này chính là Chúa Thánh Thần. Trong Thánh Thần tình yêu, Chúa Con hiến dâng chính mình cho Chúa Cha. Hy tế trên thập giá là đoạn kết của việc hiến dâng đáp lễ này. Sau khi cuộc hiến tế trên đồi Can-vê hoàn tất, và sau khi Đức Kitô phục sinh, Người đã vui sướng và long trọng chia sẻ với các môn đệ: *"Mọi quyền năng trên trời dưới đất đã được trao cho Thầy"*. Câu nói này diễn tả đậm nét hơn sự vẻ vang toàn thắng của Chúa Con trong trận chiến thập giá, và làm cho các tông đồ của Người phấn khởi và an tâm.

Lời nói tiếp theo sau câu nói trên, *"vậy, các con hãy đi giảng dạy muôn dân, làm phép rửa cho họ, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần"*, có thể làm chúng ta thắc mắc, tại sao Chúa Yêsu chuyển ý có vẻ không được hợp lý. Không, nói như thế, Người có ý nói rằng, cách đây ít ngày, các con thấy Thầy bị treo trên thập giá như một kẻ thất trận, sinh lực, quyền lực hoàn toàn bại hoại, nhưng nay, sinh lực, quyền lực của Thầy đã được phục hồi, Thầy *"khoe"* và nói với các con để các con an tâm: *tất cả mọi quyền năng trên trời dưới đất, giờ đây, Chúa Cha trao hết cho Thầy rồi. Mấy ngày trước đây, khi Thầy còn nằm trên*

thập giá, nếu Thầy sai các con đi, chắc trong các con không ai dám ra đi cả. Giờ đây, tất cả quyền năng, quyền lực, Thầy đã nắm trong tay rồi, vậy, các con hãy an tâm mà ra đi, vì một khi sai các con đi, Thầy sẽ trao ban quyền lực, quyền năng của Thầy cho các con. Quyền năng này được trao ban cho các con, không phải bằng việc Thầy chia cho chúng con mỗi người một ít quyền năng của Thầy, nhưng bằng việc trao ban trọn quyền năng mà Chúa Cha đã trao ban cho Thầy cho mỗi người trong chúng con, có nghĩa là, "Thầy sẽ sống trong mỗi người chúng con mọi ngày cho đến tận thế".

Đây chính là sự trao ban chính mình Chúa Yêsu, chính bản thể Chúa Yêsu cho các Tông đồ, cũng như cho những ai được Người tuyển chọn. Nói khác đi, đây là sự trao ban bản thể của Thiên Chúa Cha trong Chúa Yêsu cho các Tông đồ, cũng như cho mỗi người chúng ta. Việc chúng ta phải làm là sống với Chúa Yêsu, sống trong Chúa Yêsu, sống trọn thuộc về Chúa Yêsu, để có được quyền năng của Thiên Chúa Cha. Việc chúng ta ra đi rao giảng Tin mừng cho muôn dân có được kết quả bao nhiêu tùy thuộc vào việc chúng ta sống kết hiệp như thế nào Chúa Yêsu, nghĩa là tùy thuộc vào mức độ quyền năng chúng ta đón nhận được từ Chúa Cha trong Chúa Con.

Nói đến đây, chúng ta hiểu được Mẹ Maria đã đón nhận quyền năng trên trời dưới đất như thế nào. Danh xưng "Nữ Vương trời đất", Nữ vương Thế giới" của Mẹ đã diễn tả quá đủ sự ấp đầy quyền năng của Thiên Chúa Cha trong Mẹ. Mẹ có thể làm được công việc của Đấng Hiệp công cứu chuộc với Con Mẹ, là nhờ Thiên Chúa đã trao

ban chính bản thể Người cho Mẹ trong Chúa Yêsu thai nhi vào giây phút truyền tin. Mẹ đã đón nhận trọn quyền năng của Chúa Cha từ ngày đó. Mẹ cũng là người thứ nhất trong con cái loài người đón nhận quyền năng này. Chúng ta không nên quên rằng, quyền năng này được Chúa Cha trao ban cho Mẹ chỉ sau khi Mẹ nói tiếng "Fiat" để đáp lại lời mời gọi của Chúa Cha. Việc Mẹ hoàn toàn Vô nhiễm nguyên tội, cộng với việc Mẹ tràn đầy quyền năng Chúa Cha đã làm cho Mẹ cùng với Chúa Con thống trị mọi loài thọ sinh, đặc biệt, thống trị quyền lực của bóng tối và của tử thần. Nhờ đó, và nhờ công nghiệp của riêng Mẹ, Thiên Chúa đã vinh thăng Mẹ vượt lên trên định luật bình thường, được lên trời cả hồn lẫn xác trước khi Con Mẹ tái lâm. Không cần bàn thêm, chúng ta có thể xác nhận về mối tương quan đặc biệt giữa mầu nhiệm Chúa Yêsu lên trời, và mầu nhiệm Mẹ Maria hồn xác về trời. Sống mầu nhiệm Chúa Yêsu thăng thiên và mầu nhiệm Mẹ Maria mộng triệu tức là sống mầu nhiệm cứu độ cả phần hồn lẫn phần xác của mỗi người chúng ta, đặc biệt là sống ơn gọi Kitô-hữu của mỗi người chúng ta vậy.

LỜI NGUYỆN

Lạy Chúa Yêsu, 'mọi quyền năng trên trời dưới đất đã được ban cho Thầy', xin Thầy, nếu sai Giáo Hội, sai chúng con đi giảng dạy muôn dân trong ngàn năm Kitô mới này, cũng xin trao ban quyền năng của Thầy cho chúng con. Thầy nhìn thấy từ buổi bình minh của Giáo hội đến ngày hôm nay, chúng con luôn luôn phải đương đầu với quyền lực của ác thần, của kẻ thù Giáo hội, Giáo hội Thầy đã phải đối đầu với bao nhiêu cơn bách hại dữ dội của quyền bính trần gian, từ Rôma sang Tiểu Á, Cận Đông, Trung

Đông, Phi Châu, Mỹ Châu, đến Á Châu... Xin Thầy luôn giúp chúng con nắm chắc lấy quyền năng của Thầy trong bàn tay nhỏ bé của chúng con. Nhất là, xin cho chúng con luôn vững tin vào lời Thầy đã nói với chúng con, để như Henryk Sienkiewicz, một nhà văn Ba-lan, chúng con xác tín rằng, *'Các bạo chúa cùng với triều đại của họ đều sẽ lần lượt tiêu tan, nhưng con thuyền của dân chài xứ Galilê cầm lái vẫn hiển ngang lướt sóng'*, vì quyền năng Thầy luôn hiện diện trong chúng con.

Lạy Mẹ Maria, xin Mẹ giúp chúng con luôn mơ ước và ái mộ những sự trên trời. Xin Mẹ làm cho tâm hồn chúng con ngày càng trong sạch, để chúng con có được đôi mắt tâm hồn ngời sáng, hầu có thể quan chiêm quyền năng Chúa Cha nơi Chúa Giêsu Con Mẹ trong vũ trụ bao la hùng vĩ, cũng như trong Bí tích Thánh Thể hằng ngày chúng con đón nhận. Xin Mẹ ướp chúng con trong hương tình yêu thanh khiết của Mẹ, để chúng con ngày càng xứng đáng được Chúa Giêsu Con Mẹ ở với chúng con mọi ngày cho đến tận thế. Xin Mẹ cho chúng con luôn được cùng với Mẹ kết hiệp với quyền năng của Chúa Cha trong từng giây phút trong ngàn năm mới này.

17.

Tập sống Mẫu tính của Thiên Chúa

*N*gõ hầu hiểu được mẫu tính của tình yêu Thiên Chúa cách bao quát và sâu xa, chúng ta cần phân tích "huyền nhiệm mẹ" trong cuộc sống làm người. Đây là một huyền nhiệm vây kín cuộc đời chúng ta: "Huyền nhiệm mẹ". Phải, "mẹ" là một huyền nhiệm, huyền nhiệm gắn bó và bao trùm cuộc sống con người. Hy vọng suy tư này sẽ phần nào giúp chúng ta hiểu rõ hơn về chính mình, để sống thật ý nghĩa của huyền nhiệm này trong cuộc đời của chúng ta.

Đất là mẹ

Người Việt và người Hoa đều có chung một quan niệm rằng, *Đất là Mẹ*. Con người "*sinh ký tử quy*".

Chúng ta biết rằng, từ thời Adam Eva đến ngày nay, con người đã nhờ trái đất này mà sinh sống: Từ thời Adam Eva, con người đã bắt đầu lao động, con người trồng cấy để có lương thực nuôi thân. Trái bao ngàn năm rồi, lòng đất này vẫn còn đầy sức sống, vẫn còn đầy sinh lực để nuôi dưỡng hàng tỷ người sống trên mặt đất. Có những người chết đói không phải vì Bà Mẹ-Đất này không còn sữa, nhưng chỉ vì con người không biết thương mến nhau, không biết chia sẻ cơm bánh cho nhau, không biết hàn gắn vết thương cho nhau... thế thôi! Vậy mới biết sức sống của Bà Mẹ-Đất này là vô biên, và sự sống thể lý của con người lệ thuộc vào Bà Mẹ này như thế nào!...

Triết học Đông phương trình bày cho chúng ta một tương quan rất mật thiết giữa chúng ta với Đất-Mẹ - Con người sống đầu đội trời, chân đạp đất; lục phủ ngũ tạng, toàn cơ năng trong con người cũng chịu ảnh hưởng của những biến hóa tuần hoàn của trời và đất. Người Trung hoa nói: *"Thiên vi Phụ, Địa vi Mẫu"* ("*Trời là Cha, Đất là Mẹ*").

Trong đất, ngoài việc chứa đựng nguồn sức sống cho thể lý ra, còn chứa đựng một tình yêu thiêng liêng dành cho con người, nên con người đã gán cho Đất-Mẹ một đặc tính tinh thần khi dùng từ ngữ *"hồn thiêng sông núi"*. Cách đây 17 thế kỷ, thánh Gregory Nyssa nói rằng, *đất là một trái tim, một trái tim biết đón nhận nước từ trời rơi xuống để làm cho mùa màng tốt tươi*. Thánh nhân gian tiếp nói rằng, *đất có khả năng yêu, vì là một trái tim, trái tim của một bà mẹ...*

Mỗi ngày lễ tro, chúng ta thường được Giáo hội nhắc nhở: *"Ta là thân cát bụi, sẽ trở về cát bụi"* (St 3:19). Con người phát sinh từ đất (x. St 2:8), nên theo nghĩa nào đó, đất phát sinh ra con người, là mẹ sinh ra con người.

Chỗ khác trong Kinh thánh cũng có cùng một quan niệm như thế khi nói rằng: *"Đất hãy mở ra và trở sinh Đấng Cứu chuộc"* (Is 45:8). Đấng Cứu chuộc dĩ nhiên đến từ trời, nhưng lại xuống thế và chịu hạ sinh bởi một người nữ làm mẹ. Trời "với tư cách là Thiên Chúa", đã giao duyên với đất, "với tư cách là mẹ", để sinh ra Đấng Cứu chuộc.

Quê hương là mẹ

Mỗi người chúng ta có một quê hương, một nơi chôn nhau cắt rốn. Chúng ta thường gọi lòng đất quê hương là *Lòng Đất Mẹ*. Thi-hóa quê hương Việt nam, chúng ta gọi là *"Mẹ Việt nam"*.

Do đó chúng ta không lạ gì tại sao người ta nhân cách hóa trái đất này, nói rằng, *"Đất Mẹ"* là *"Mẹ của một quê hương"*, như chúng ta vẫn thường gọi *"Mẹ Việt Nam"*. Thời Việt nam còn trong khói lửa chinh chiến, bao nhiêu văn-thi-sĩ đã mô tả nỗi đau của Mẹ Việt nam đã bị bom đạn dày xéo, cày nát như thế nào!.. Ngay đến bây giờ, những người con xa quê hương, vẫn còn thì thầm với Mẹ Việt nam rằng, *"Mẹ ơi, con sẽ về..."* Rõ ràng họ coi mảnh đất Việt nam như là một bà mẹ có thể trò chuyện được với con cái của mình...

Năm 1980, trong bức thư chung gửi toàn thể Giáo hội Việt nam, Hội đồng Giám mục Việt nam nói: *"Đất nước này là lòng mẹ đã cuu mang chúng ta trong quá trình làm Con Thiên Chúa."* Tây phương dường như cũng có cùng quan niệm. Chính Đức Giáo hoàng Yoan Phaolô II nói: *"Đất là một bà mẹ. Mỗi lần đến một quốc gia nào, tôi đều cúi xuống hôn mặt đất ở nơi đó như hôn một bà mẹ".*

Một chia sẻ nhỏ: Mỗi lần sống trên một quốc gia nào, tôi đều sống tâm tình tri ân quốc gia đó, bằng việc cầu nguyện cho quốc gia đó. Đây là lời nguyện thông thường của tôi: *"Xin Chúa ban bình an cho quê hương này, đặc biệt, xin Chúa trả công bội hậu cho tất cả những ai giúp đỡ con, ngay cả chỉ phục vụ con cách gián tiếp"*. - Tôi ý thức dù một hạt cơm, một miếng bánh, hay một vật dụng nhỏ bé, vẫn phải do công lao của những người con trên mảnh đất quê hương đó làm ra, có khi phải đổ mồ hôi, lao lực mới có...

Về thể lý, mỗi người có một người mẹ

Chúng ta thừa biết rằng, Thiên Chúa tạo dựng nên con người. Tuy nhiên, Thiên Chúa tạo dựng cách trực tiếp chỉ có hai người: Adam và Eva. Tất cả những người khác đều được sinh ra bởi một người mẹ. Thoạt tiên, người đó chỉ là một mầm sống, một bào thai trong cung lòng người mẹ đó, do sự phối hợp sáng tạo giữa người mẹ đó với một người nam. Chín tháng mười ngày trong lòng dạ người mẹ, bào thai đó hoàn toàn sống bằng sức sống, bằng sự nuôi dưỡng của người mẹ. Sự sống của người con hoàn

toàn tùy thuộc vào sự sống của người mẹ. Nếu người mẹ đó chết đi, người con không thể sống được.

Đúng kỳ hạn mãn nguyệt khai hoa, người con được người mẹ sinh vào đời, làm người. Trong suốt cuộc đời làm người, người con này mãi mãi là con của người mẹ đó. Chúc làm mẹ của người mẹ này không thể thay đổi. Giữa người con và người mẹ này có một tình yêu sâu xa vô cùng, sâu xa đến nỗi, trải qua bao thế hệ, các văn-thi sĩ, đặc biệt văn-thi-sĩ Trung hoa và Việt nam đã dùng biết bao nhiêu áng văn-thơ để diễn tả rất là phong phú. Tục ngữ Trung hoa nói rằng: "*Mẫu-tử liên-tâm*" (mẹ-con có mối liên hệ rất mật thiết với nhau); "*Tri tử mạc như mẫu*" (không ai biết rõ con cho bằng người mẹ).

Do sự gắn bó thân mật này mà người con đón nhận một tình yêu bao la từ nơi người mẹ: "*Mẫu ái hạo-hàn*" (tình mẹ lớn hơn đại dương).

Mỗi người có một Người Mẹ thiêng liêng: Đức Maria

Huyền-nhiệm-Mẹ không những bao trùm trên cuộc sống con người về thể lý, về tâm lý, tình cảm, về những giá trị nhân bản thiêng liêng, nhưng còn cả trên bình diện siêu nhiên nữa. - Nhân loại có một người Mẹ thiêng liêng: Đức Maria.

Chúng ta cần hiểu rằng, Đức Maria là Mẹ không chỉ của những tín hữu, nhưng còn là Mẹ của cả nhân loại. Là người Công giáo, hay người Anh giáo, hay Chính thống giáo, chúng ta sung sướng vì được biết Mẹ, sống với Mẹ,

và đặc biệt, được màu-nhiệm-Mẹ-thiên-liêng bao-phủ trong chiều kích sâu xa của nó. Chúng ta vừa không kể đến những người Tin lành, vì thật buồn cho họ, họ vẫn sống liên kết với Đức Kitô, nhưng họ mất đi một hồng ân cao cả, là nhận biết và sống với Đức Maria là Mẹ thật của họ về phần thiên liêng, vì là Mẹ của toàn thể Giáo hội như Công đồng Vatican II tuyên bố; cũng như ý thức rằng, như Công đồng Vatican II dạy, Mẹ Maria là người Mẹ vừa đồng hành với chúng ta trên hành trình đức tin, vừa bảo trợ chúng ta trong cuộc sống, vừa nuôi dưỡng chúng ta bằng dòng sữa tinh tuyền đầy sức sống thần linh của Mẹ, và sinh chúng ta vào ân sủng của Ba Ngôi Thiên Chúa: *"Người Con Mẹ sinh ra đã được Thiên Chúa đặt làm Trưởng Tử trong nhiều anh em (x. Rm 8:29), nghĩa là các tín hữu, và Mẹ cộng tác vào việc sinh hạ và giáo dục họ với tình mẹ thương con"* (GH, 63).

Mẫu-tính trong Thiên Chúa bao trùm trên cuộc sống đức tin của chúng ta

Thiên Chúa là Đấng vô hình, vô tượng, vô phái tính, nghĩa là chúng ta không thể nói được Thiên Chúa là nam hay nữ. Điều chúng ta biết chắc là: Thiên Chúa là Tình yêu, bản tính của Người là yêu, và Người muốn biểu tỏ tình yêu của Người cho chúng ta. Việc biểu tỏ tình yêu này là cả một công trình vĩ đại của Người.

Trước hết, Người biểu tỏ tình yêu của Người bằng việc tạo dựng nên trời đất muôn vật, vũ trụ hùng vĩ, để cho chúng ta thống trị và vui hưởng. Việc tạo dựng này nói được là hành động biểu tỏ đầu tiên của tình yêu Người.

Việc biểu tỏ tình yêu này bắt đầu sâu xa khi Người tạo dựng nên con người giống họa ảnh của Người: *"Thiên Chúa đã tạo dựng nên con người theo họa ảnh của chính mình. Theo họa ảnh của Thiên Chúa, Người đã tạo dựng nên con người, có nam có nữ"* (St 1:27). Như thế, Thiên Chúa biểu tỏ họa ảnh của Người là Tình yêu dưới hai dạng, nam tính và nữ tính.

Chúng ta có thể nghĩ rằng, trước khi Nguyên tổ phạm tội, nghĩa là khi ơn thánh sủng còn sung mãn trong họ, Adam và Evà nhìn nhau thì thấy được hình ảnh của Thiên Chúa. Giả sử khi đó có một người thứ ba, cũng tràn đầy ơn thánh sủng như Nguyên tổ, nhìn vào cả Adam lẫn Evà, sẽ thấy được trọn vẹn họa ảnh của tình yêu Thiên Chúa hơn, vì thấy được họa ảnh của Người dưới hai dạng, nam tính lẫn nữ tính.

Tuy nhiên, vô phúc thay, Nguyên tổ đã phạm tội bất tuân cùng Thiên Chúa, nên từ đó, đôi mắt của Nguyên tổ lẫn đôi mắt của con dòng cháu giống qua bao thế hệ đã trở nên mù lòa trước họa ảnh của Thiên Chúa, đồng thời, hình ảnh của Thiên Chúa trên con người cũng đã bị phai mờ, tâm tính con người không còn được tốt lành, thánh thiện, trong sáng như trước nữa, và Thiên Chúa đã trừng phạt con người bằng việc đuổi họ ra khỏi vườn địa đàng. Từ đó, con người đi lang thang trong đau khổ vì hạnh phúc xưa đã mất, nay chỉ còn đau khổ và sự chết.

Nhưng rồi Thiên Chúa vẫn luôn là Thiên Chúa tình yêu và Thiên Chúa trung thành, nên Người đã vạch ra một kế hoạch khác, kế hoạch cứu thoát con người. Kế hoạch cứu thoát này đồng nghĩa với kế hoạch họa lại hình ảnh

của Người nơi con người. Người đã thực hiện kế hoạch này bằng cách sai phái Chúa Con đến với loài người, để qua Người Con duy nhất của Người, Người tái biểu tỏ họa ảnh của Người, để những ai trông thấy Chúa Con là trông thấy Chúa Cha. Trình thuật ngắn ngủi giữa Chúa Yêsu và Philipphê được nhắc lại trong phụng vụ mùa phục sinh, mạc khải cho chúng ta chân lý này:

"Khi ấy, Chúa Yêsu phán cùng các môn đệ rằng: 'Nếu các con biết Thầy, thì cũng biết Cha Thầy. Ngay từ bây giờ các con biết và đã xem thấy Người'. Philipphê thưa: 'Lạy Thầy, xin tỏ cho chúng con xem thấy Cha, và như thế là đủ cho chúng con'. Chúa Yêsu nói cùng ông rằng: 'Ai thấy Thầy là xem thấy Cha, sao con lại nói: xin tỏ cho chúng con xem thấy Cha? Con không tin rằng Thầy ở trong Cha, và Cha ở trong Thầy ư? Những điều Thầy nói với các con, không phải tự mình mà nói, nhưng chính Cha Thầy ở trong Thầy, Ngài làm mọi việc. Các con hãy tin rằng Thầy ở trong Cha, và Cha ở trong Thầy' ..." (Ga 14:7-11c).

Như vậy, rõ ràng là Chúa Cha đã muốn biểu tỏ một lần nữa - lần này trong chương trình cứu cuộc - họa ảnh của Người qua Đức Kitô, Đấng vừa là Thiên Chúa, vừa là một con người, mang tất cả mọi đặc tính của một người nam, ngoại trừ tội lỗi. Nhưng dường như Chúa Cha thấy việc biểu tỏ này cần được làm cho sáng tỏ hơn, đậm nét hơn bằng một việc khác nữa, đó là, Người biểu tỏ họa ảnh của Người qua một con người thứ hai: Đức Maria, một người mang đầy đủ tất cả mọi nữ tính như tất cả mọi người nữ

khác, nhưng là một người nữ "có phúc hơn mọi người nữ", vì "được Thiên Chúa ở cùng".

Do đó, chúng ta hiểu rằng, trong chương trình sáng tạo, Thiên Chúa đã biểu tỏ họa ảnh của Người dưới hai dạng: nam tính, nơi Adam, và nữ tính, nơi Evà. Trong chương trình cứu độ, Thiên Chúa cũng lại biểu tỏ tình yêu của Người dưới hai dạng: nam tính, nơi Đức Yêsu, và nữ tính, nơi Đức Maria. Chúng ta không lạ gì tại sao Các Thánh Giáo phụ đã nói rằng, Đức Kitô là Adam mới, và Đức Maria là Evà mới. Công đồng Vatican II đã nhiều lần lập lại tư tưởng này của các Giáo phụ:

* Đức Kitô là Adam mới: x. TG 3, MV 22

* Đức Maria là Evà mới: *"Cùng với thánh Irênê, còn rất nhiều Thánh Giáo Phụ thời xưa cũng không ngần ngại giảng dạy rằng: "Nút dây đã bị thắt lại do sự bất tuân của Evà, nay được gỡ ra nhờ sự vâng phục của Đức Maria; điều mà trinh nữ Evà đã buộc lại bởi cứng lòng tin, Đức trinh Nữ Maria đã tháo nhờ lòng tin; và so sánh với Evà, các ngài gọi Đức Maria là 'Mẹ kẻ sống', và thường quả quyết rằng: 'sự chết đến vì Evà, sự sống đến nhờ Đức Maria' " (GH 56); "Như một Evà mới, ... Mẹ cộng tác vào việc sinh hạ và giáo dục anh em Chúa Kitô với tình mẹ thương con" (GH 63).*

Nói cách khác, tình yêu của Thiên Chúa vừa mang phụ-tính, vừa mang mẫu-tính. Ngay cả Cựu ước cũng giúp chúng ta hiểu chân lý này. Tiên tri Isaia nói rằng: *"Như người mẹ thương mến con, Ta cũng mến thương người"* (Is

66). Thiên Chúa dùng hình ảnh mẫu-tử để sánh ví tình yêu của Người: *"Cho dù bà mẹ nào có quên người, Ta vẫn sẽ không quên người đâu"*. Đặc biệt trong 66: 12-13, Isaia nói:

"Đây là Lời Chúa phán:

*Này Ta tuôn đổ xuống Thành đô
Ôn thái bình tựa sông cả,
Và Ta khiến cửa cải chư dân
Chảy về tràn lan như thác vỡ bờ.
Các người sẽ được nuôi bằng sữa mẹ,
Được bông ẵm bên hông,
Nâng niu trên đầu gối.
Như Mẹ hiền an ủi con thơ,
Ta sẽ an ủi các người như vậy,
Tại Yêrusalem,
Các người sẽ được an ủi vỗ về."*

Khi được yên lòng tác dạ, tác giả Thánh vịnh ví von tình yêu Chúa tựa như tình gà mẹ ấp ủ gà con, khiến Thánh Têrêxa Hải đồng suy ngẫm mà cảm động cõi lòng!...

Sự tham dự vào Mẫu-tính của Tình yêu Thiên-Chúa của mỗi người tín hữu

Qua phân tích trên, tất cả những ai được Đức Kitô cứu chuộc, bất luận nam hay nữ, đều phải trở nên một tạo vật mới. Tạo vật mới này được lấy lại họa-ảnh tình yêu của Thiên Chúa đã bị mất do tội Nguyên tổ, dưới cả hai dạng, phụ-tính lẫn mẫu tính, nghĩa là, mỗi tạo vật mới đều vừa trở nên giống với Mẫu của tạo vật mới là Đức Kitô, "hoa

quả đầu mùa", Đấng đã chết và phục sinh trong vinh quang, vừa phải nên giống Đức Maria, Trinh-Nữ-Evà mới. Để hiểu điều này hơn, chúng ta hãy nhìn vào một định luật tự nhiên: con phải giống mẹ. Cũng vậy, trong đời sống siêu nhiên, không những Mẹ Maria trở nên giống Chúa Yêsu, vì Mẹ cũng được Người cứu chuộc một cách ngoại thường, nhưng Chúa Yêsu cũng giống Mẹ mình là Đức Maria nữa, vì trong tác động của Thánh Thần, Mẹ cư mang và sinh dưỡng Người về mặt thể lý.

Tất một lời, mỗi người chúng ta, dù nam hay nữ, trong tiến trình cứu chuộc, cũng đều vừa nên giống Chúa Yêsu, vừa nên giống Mẹ Maria. Người nam có thể thường mang họa ảnh của Thiên Chúa với những nét phụ-tính nhiều hơn những nét mẫu-tính, và người nữ có thể thường mang họa ảnh tình yêu Thiên Chúa với những nét mẫu tính nhiều hơn những nét phụ-tính. Điều này giúp chúng ta hiểu cách sâu xa tình yêu trong một gia đình: Trong đời sống hôn nhân, Thiên Chúa muốn biểu tỏ và chuyển thông tình yêu của Người cho con cái qua người cha lẫn người mẹ, một bên là người nam (có nhiều phụ tính hơn), một bên là người nữ (có nhiều mẫu tính hơn).

Giáo dân có truyền thống gọi các linh mục là "cha", khiến các linh mục phải trở thành một họa-ảnh mang nhiều nét phụ-tính của tình yêu Thiên Chúa hơn mẫu-tính. Đồng thời, nếu Đức Yoan Phaolô II nói rằng, mỗi nữ tu phải nên như một người mẹ thiêng liêng của các linh hồn trong nghĩa đặc thù, thì họ phải biểu tỏ tình yêu của Thiên Chúa cho nhân loại bằng một họa ảnh mang nhiều nét mẫu tính hơn phụ-tính.

Cũng chính do chân lý này mà nhiều người nghĩ rằng, trong mỗi cộng đoàn dòng tu, dù nam hay nữ, ban lãnh đạo nên có hai người ở cấp lớn nhất, để một người "đóng vai người cha", một người "đóng vai người mẹ", hầu tạo sự quân bình không những về tình cảm, tâm lý, nhưng còn cả về cách biểu tỏ tình yêu Thiên Chúa dưới hai dạng phụ-tính và mẫu-tính.

Xét đến từng cá nhân, thánh Phaolô Tông đồ là một ví dụ điển hình cho chúng ta. Ngài dĩ nhiên là một người nam, có những nét biểu tỏ tình yêu Thiên Chúa căn bản là phụ-tính. Nhưng trong kinh nghiệm khổ đau vì phải lo cho đoàn chiên Chúa, ngài đã diễn tả vai trò làm mẹ cũng như sự biểu tỏ tình yêu mẫu tính của ngài trong vai trò này như sau: *"Hỡi anh em, những người con bé nhỏ của tôi, mà tôi phải quản đau sinh anh em một lần nữa cho đến khi Đức Kitô được thành hình nơi anh em"* (Gl 4:19).

Đức Yêsu còn nói rõ hơn nữa, rằng, mỗi người chúng ta đều có thể trở nên một người mẹ thiêng liêng, nếu chúng ta sống điều Người dạy chúng ta: *"Mẹ Ta và anh em Ta, chính là những ai nghe Lời Thiên Chúa và đem ra thực hành"* (Lc 8:21). Nói như thế, dĩ nhiên trước tiên Người muốn xác định Mẹ Maria là người nghe và giữ Lời Chúa hơn ai hết. Nhưng chúng ta cũng có thể hiểu rằng, việc *"nghe Lời Chúa và đem ra thực hành"* là phương cách giúp chúng ta tham dự vào mẫu tính của tình yêu Thiên Chúa. Mẹ Maria đã tham dự vào mẫu tính ấy hơn ai hết, vì không ai bằng Mẹ đã *"nghe Lời Chúa và đem ra thực hành"*.

KẾT

Trong ý nghĩa nhân bản lần Kitô, màu nhiệm "mẹ" luôn bao trùm cuộc sống con người chúng ta. Trái đất là mẹ. Quê hương, đất nước của mỗi một người là một người mẹ. - Người Việt nam gọi quê hương mình là *"Mẹ Việt nam"*, người Trung hoa gọi quê hương của họ là *"Trung hoa, mẫu-thân của tôi"*. Hữu thể cưu mang và sinh chúng ta vào đời, làm người, là người "mẹ ruột" của chúng ta về huyết nhục. Đức Maria, Đấng phối hợp với Tình yêu Thánh Thần để cưu mang và sinh chúng ta vào đời sống ân sủng, là Người Mẹ thiêng liêng của chúng ta. Mỗi người chúng ta, do việc được tạo dựng giống hệt ảnh của Thiên Chúa, do việc được Đức Kitô cứu chuộc, do việc được tham dự vào mẫu-tính thiêng liêng của Mẹ Maria, do việc sống sâu xa ơn gọi làm con Thiên Chúa, đặc biệt trong việc *"nghe và giữ Lời Chúa"*, chúng ta vừa được trở nên một *"Kitô khác"*, vừa trở nên như một người mẹ, mà nhiều nhà tu đức gọi là một *"Maria khác"*.

Một người đích thực là người, khi người đó sống và cảm nghiệm trọn vẹn "huyền nhiệm mẹ" trong cuộc đời của mình, cũng như luôn biết tri ân cảm tạ Thiên Chúa, qua việc tri ân Đất-Mẹ, nhớ ơn Tổ quốc, hiếu thảo với mẹ ruột mình và tạ ơn Mẹ Maria. - *"Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*. Người Trung hoa có câu: *"Ô-quạ phản bồi-dưỡng qùy nhũ"* (Loài quạ đen còn biết nuôi lại cha mẹ chúng...).

Ước gì mỗi người chúng ta, không những chỉ hiểu, nhưng quan trọng hơn, sống và cảm nghiệm được tình yêu

Thiên Chúa muốn trao ban cho chúng ta dưới dạng phụ-tử, đặc biệt dưới dạng mẫu-tử. Đồng thời, chúng ta xin Mẹ Maria giúp chúng ta trở nên một họa ảnh trung thực và sống động của Tình yêu và bản thể của Thiên Chúa Vô hình.

Nếu truyền giáo là việc làm cho nhân loại nhìn nhận Thiên Chúa là tình yêu, thì việc sống biểu tỏ họa-ảnh của tình yêu Thiên Chúa, dưới hai dạng phụ tính và mẫu tính nơi chúng ta, quả là chìa khóa của vấn đề, vì người ta cứ dấu đó mà nhận ra Chúa Cha, Đấng là tình yêu muôn thuở và tuyệt vời.

Ước gì cuộc đời chúng ta trở nên như những cánh hoa tươi xinh dâng lên Thiên Chúa, tượng trưng cho hy lễ của cuộc đời chúng ta, một cuộc đời với những nỗ lực từng ngày để nên giống Chúa Yêsu và Mẹ Maria, hiện thân của tình phụ-mẫu của Thiên Chúa, giữa thế giới đang bước vào ngàn năm Kitô thứ ba này.

18.

Luyện tinh thần của Thánh Yoan Tẩy giả

'HÃY ẪN ẪN SẴM HỐI, VÌ NƯỚC TRỜI ĐÃ GẦN ĐẾN'

(Tv. 24:1)

Thánh Yoan Tẩy giả là Vị tiên tri của thời kỳ quá độ, nghĩa là vào lúc giao thời giữa Cựu và Tân ước. Nói cách tổng quát, ngài là Vị thánh có một chỗ đứng đặc thù trong chương trình cứu độ.

Chúng ta phải xác định rằng, Yoan Tẩy giả không phải là Đấng Cứu thế. Phúc âm cảm kích về thánh nhân rằng, ngài là một người rất nghiêm khắc, một người không bao giờ biết nói đùa, giọng nói của ngài nhiều khi cứng rắn,

thắng thường, mạnh bạo, đánh thép đến nỗi, nếu ai đã nghe ngài giảng một lần rồi, có thể lần sau không dám giáp mặt ngài nữa. Phúc âm ghi lại lời ngài nói:

"Hỡi nòi rắn độc, ai bảo người trốn tránh cơn thịnh nộ hồng đố xuống trên đầu các người. Rùi đã để sẵn dưới gốc cây. Cây nào không sinh trái tốt, sẽ phải chặt đi và bỏ vào lửa... Người cầm nia trong tay và sảy sân lúa của Người, rồi thu lúa vào kho, còn rơm thì đốt đi trong lửa không hề tắt."

Yoan có một sứ điệp để công bố, khi trầm khi bổng, nhưng nhiều khi nghe lời ngài công bố rồi, có kẻ sẽ không dám mời ngài vào nhà mình thăm và dùng bữa. Dầu vậy, sau khi nghe lời ngài rao giảng, trong khi có nhiều kẻ bỏ đi, thì cũng có khối kẻ đi theo ngài, ngay cả có nhiều người đã chịu phép rửa của ngài, bắt đầu cuộc đời cải thiện hoàn lương, trong số đó có cả những con người thuộc loại tội lỗi nhất thời đó.

Sở dĩ có những người nghe lời rao giảng của Yoan và đi theo ngài, là vì ngài nói sự thật, dù nhiều lúc "sự thật mất lòng". Phải, Yoan đến để làm chứng và dọn đường cho chân lý. Ngài đến để làm chứng nhân cho Đức Kitô. Ngài đến để dọn đường cho chân lý đến trong thế gian, để người người đón nhận ơn giải thoát. Ngài đến để dọn đường. Và, Ngài nói, Ngài chỉ là kẻ dọn đường: "Đấng đến sau tôi thì cao trọng hơn tôi nhiều". Chúng ta không rõ ràng, khi đó, Yoan đã hiểu Đức Yêsu bao nhiêu. Ngay cả Yoan dường như đã không nhận ra tính cách duy nhất giữa nhân tính và thiên tính của con người Đức Yêsu. Yoan chuẩn bị con đường cho Đấng Cứu thế đến. Là một người am tường Cựu ước, Yoan hiểu được Đấng Cứu thế

là ai, Ngài đến để làm gì. Ngài có thể mừng tượng được phần nào những gì sẽ xảy đến khi Đấng Cứu thế xuất hiện. Tuy nhiên, khi đến giờ Đấng Cứu thế đến, thực tế đã xảy ra còn hơn cả ngài tưởng nghĩ, vì ngài vẫn là con người phàm, không thể hiểu được, hay không thể hiểu được hết lối bước thiên hình vạn trạng của Thiên Chúa. Ngài chỉ chắc một điều là Đấng Cứu thế sẽ đến, và khi Người đến, mọi sự sẽ trở nên tốt hơn cả mức độ con người có thể hy vọng. Niềm tin của ngài và niềm tin của chúng ta nằm ở chỗ này: Tin vào Đấng Cứu thế, Đấng đến để làm phục hồi lương tri mọi người, để tái tạo một tương lai tốt đẹp hơn cho nhân loại. Nhìn vào quá khứ, chúng ta thấy những ai có được niềm tin mạnh mẽ này, đã được phục hồi và đổi mới; ngược lại, sẽ chỉ đi đến chỗ diệt vong. Chính thiên Chúa đã hứa điều đó. Isaia đã công bố lời hứa đó:

"Người sẽ dùng gậy đánh người áp chế, và sẽ dùng tiếng nói giết chết kẻ hung ác... Sói sống chung với chiên con,; beo nằm chung với dê; bò con, sư tử và chiên sẽ ở chung với nhau; con trẻ sẽ dẫn dắt các thú ấy. Bò con và gấu sẽ ăn chung một nơi, các con của chúng nằm nghỉ chung với nhau; sư tử cũng như bò đều ăn cỏ khô, trẻ con còn măng sữa sẽ vui đùa kề hàng rắn độc. Các thú dữ ấy không làm hại ai, không giết chết người nào khắp núi thánh của Ta, bởi vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết về Thiên Chúa như nước tràn đầy đại dương..."

Yoan Tẩy giả đã hiểu tất cả những lời đó, nên nhiệt tình "chia sẻ" với đồng loại, không những với tư cách là một người nhận được sứ mệnh, mà còn với tâm tư riêng của mình nữa. Có như thế, lời nói của ngài mới sinh động,

nhờ đó, và nhờ vào ơn Thần linh tác động trên ngài từ khi ngài còn trong bụng mẹ, ngài mới có thể thu hút được nhiều môn đệ.

Phúc âm đã ghi lại lời đầu tiên Yoan rao giảng: *"Hãy ăn năn sám hối, vì Nước Trời đã gần đến."* Câu nói này, sứ điệp này phải được vang dội không ngừng trong cuộc sống người Kitô hữu chúng ta. Thực vậy, đức tin là một cuộc hành trình hoán cải, tu thân tích đức, để ngày một nên tốt hơn. Việc cải thiện, tu thân này là phương cách tích cực nhất giúp con người chuẩn bị đón Chúa đến, đặc biệt đến trong năm 2000 - Chúng ta cùng tạ ơn Chúa. Sống sứ điệp sám hối của Yoan chưa hết, chúng ta còn phải trở nên như một Yoan khác để loan báo sứ điệp đó cho mọi người: Mỗi người Kitô hữu chúng ta nên là một người tiền hô của Đấng Cứu thế. Đức Hồng Y Suennens nói, *những ai muốn làm tông đồ trong thời đại hôm nay, đều cần mang lấy tinh thần của Yoan Tẩy giả.* Đầu là tinh thần của Yoan Tẩy giả? Chúng ta có thể nói cách vắn tắt tinh thần của ngài trong bốn điểm sau:

1) **Dũng:** mạnh về tinh thần, can đảm, dám chết vì sứ mệnh. Yoan Tẩy giả nói, chỉ có những dũng-nhân (người dũng-mạnh) mới chiếm hữu được Nước Chúa. Người Kitô hữu cần mặc lấy cái dũng này của thánh nhân.

2) **Khiêm:** *"Tôi chỉ là tiếng kêu trong sa mạc"*, Người là Lời, tôi chỉ là tiếng. *"Tôi chỉ xứng đáng cởi dây giày cho Người"*. *"Người phải lớn lên, tôi phải nhỏ lại"*. Yoan thâm hiểu rằng, ngài chỉ là ngọn đèn, Đức Yêsu mới chính là ánh sáng. Thiết tưởng ý nghĩa sâu xa nhất trong

đức tính này là sự kết hiệp mật thiết với Chúa Yêsu, để Người sống trong tôi, tôi tan biến, mất hút đi trong Người, để người khác thấy tôi mà không còn là cái tôi kiêu ngạo nữa, - nhất là trong những khi tôi thi hành sứ mạng Người trao cho tôi - nhưng thấy chính Đấng đã nói, "... vì *Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng*". Người Kitô hữu được đòi hỏi phải sống đời sống kết hiệp sâu xa với Thiên Chúa. Chính đời sống kết hiệp này mới có thể dẫn họ đến tầm mức khiêm tốn trong việc bốn phận trong sứ vụ chúng ta lãnh nhận.

3) *Tinh*: Cuộc sống *chay tịnh* của Yoan được diễn tả dưới dạng thức của một con người đơn sơ giản dị: ăn châu chấu, uống mật ong, mặc áo da thú. Một cách nào đó, người Kitô-hữu chúng ta có thể trở thành dấu chỉ của *Nước Trời gần đến* rõ nhất cho người khác qua đức khó nghèo của chúng ta. Do đó, nhà chúng ta ở, cơm chúng ta ăn, đồ chúng dùng, áo chúng ta mặc, cách chúng ta dùng tiền bạc, cách chúng ta sống tiết kiệm phải lẽ, cách chúng ta giữ gìn, bảo trì vật dụng, tất cả, cần phải tập trung và hội tụ để nói lên được tinh thần khó nghèo của chúng ta.

4) *Niềm*: Nếu cho rằng, niềm vui của một người là kết quả cuộc một đời sống chiêm niệm và kết hiệp sâu xa, thì điều đó rất đúng trong trường hợp của Yoan Tẩy giả. Đúng thế, chính ngài đã xác nhận, "*niềm vui của tôi như thế là trọn vẹn*". Đức Yêsu cũng đã dùng niềm vui của một phụ rể trong khi anh ta đang đứng kề bên Tân lang, để diễn tả niềm vui của Yoan Tẩy giả trong thời gian Người xuất hiện cùng thời với Yoan: "*Bao lâu Tân lang còn ở với họ (phụ rể), thì họ không thể ăn chay được.*"

Những năm tháng trong rừng vắng chính là thời gian Yoan luyện nội công linh thao, để có được một tinh thần vững mạnh và thích hợp cho sứ mệnh. Đời sống Kitô hữu quả là một đời sống thích hợp và đầy ý nghĩa cho công việc luyện nội công linh thao ấy. Ước mong chúng ta sống trọn vẹn ý nghĩa này của đời sống Kitô hữu.

Đức Thánh Cha Yoan Phaolô II đã chính thức công bố năm 2000 sẽ là Năm thánh đặc biệt của toàn thể Giáo hội. Một điều khá đặc biệt là, không lâu trước khi mừng Sinh nhật thứ 2000 của Đức Yêsu, chúng ta cũng sẽ mừng sinh nhật thứ 2000 của thánh Yoan Tẩy giả. Có thể nói, việc mừng sinh nhật của Yoan Tẩy giả, một cách nào đó, cũng là một việc chuẩn bị, một "sự dọn đường" cho việc mừng sinh nhật thứ 2000 của Đức Yêsu. Muốn hướng về Năm thánh 2000 cách ý nghĩa, chúng ta cần sống và làm sống lại tinh thần của Yoan Tẩy trong cuộc sống Kitô của chúng ta.

19.

Giải quyết vấn nạn:

***Ngoài kia vết thương vẫn còn đó...
sao bạn quỳ đây bất động?***

Một vấn nạn rất thường được Nhà nước Cộng sản Việt nam đặt ra cho người Công giáo: “Tại sao các anh phí giờ trong việc đi nhà thờ, đi lễ vậy ? Phải dồn mọi nỗ lực, thời giờ để xây dựng xã hội chứ !..”

Đức Yêsu đã hơn một lần giải thích rằng, không phải mọi người đều hiểu được những sự trên trời, vì ngay cả những sự dưới đất mà Nicôđê mô, một bậc thầy trong dân Israel, còn không hiểu...

Phải, đức tin là một món quà vô giá, vì chỉ có những người có đức tin mới hiểu được từ từ *những sự dưới đất rồi đến những sự trên trời*. Người Cộng sản không hiểu được đời sống đạo, đời sống tinh thần của người Công giáo, vì họ không có đức tin, nghĩa là không có đời sống tinh thần, vì họ chủ trương vô thần.

Tôi viết những dòng chữ này ngay sau khi nghe một tân linh mục Việt Nam kể lại chuyện Việt nam sau một chuyến đi về thăm quê hương, rằng, ở Việt nam có những giáo xứ từ sáng sớm cả đoàn người giáo dân nghe chuông nhà thờ đổ, liền thức dậy, và từ lúc 4giờ 45 sáng đã có mặt ở nhà thờ giáo xứ để đọc kinh thần vụ (Kinh các linh mục và tu sĩ buộc phải đọc), sau đó dự thánh lễ... Người vô thần thấy sự hăng say khẩn khởi, sự phấn đấu kiên cường trong cuộc sống của người Công giáo mà không hiểu rằng, tất cả những sự tốt đẹp ấy phải đến từ một đời sống thiêng liêng, toát ra từ niềm tin Kitô. Người ta đã từng chứng kiến thành công trong công việc làm ăn của những người Công giáo so với những người lương dân cách chung. Đúng vậy, Thánh Thể, kinh nguyện là sức mạnh, là hồn của cuộc sống người Kitô hữu. Một người hát nghe có hồn nhất khi người đó sống những gì mình hát. Cũng vậy, người có đức tin luôn làm việc “có hồn”, có “*cảm hứng thiêng liêng*”. Nói khác đi, đời sống hoạt động mà không có đời sống thiêng liêng, đời sống cầu nguyện, đời sống chiêm niệm, sẽ chỉ như một cái xác không hồn. Ta nói đến đời sống làm ăn bên ngoài mà còn vậy

phương chi là đời sống hoạt động tông đồ của các tín hữu: Đời sống chiêm niệm ắt phải là bất khả khiếm khuyết.

Đó là xét về bình diện phổ quát của đời sống đức tin, đời sống của ơn gọi phổ quát. Nay ta hãy xét đến bình diện đặc thù, đời sống ơn gọi tu trì.

Nhiều người biện luận rằng, đâu cần đi tu, vì ở ngoài thế gian cũng phục vụ cho xã hội được vậy ! Tôi đã thấy nhiều bạn trẻ viện cớ như thế, và ngay cả suy nghĩ như thế, nên quyết định không đi tu. Tội nghiệp nhiều bạn trẻ không hiểu đúng vấn đề: đi tu trước hết không phải là để cho người khác, là phục vụ cho người khác, nhưng tiên quyết là để mình được nên thánh, là để "ở với Chúa" ("stay with the Lord"), là để *"ngồi bên chân Chúa mà nghe lời Người"* như Maria, em của Matta.

Đức Yêsu không trách Matta đã phục vụ, vì phục vụ là cần thiết khi đón tiếp một người khách, nhưng Người nói Matta đã "lo lắng thái quá". Điều quan trọng ở đây là, Đức Yêsu đã đề cao việc nghe lời Người hơn là việc phục vụ: bậc thang giá trị giữa đời sống cầu nguyện, chiêm niệm, với đời sống hoạt động được Đức Yêsu xác định rõ.

Dựa trên những bài chia sẻ trên đây, nhiều người có thể chất vấn chúng ta rằng, *"vết thương vẫn còn đó, sao bạn cứ ngồi đó bất động ? Sao bạn không đi ra khỏi phòng kín thỉnh thoảng để phục vụ họ, để băng bó vết*

thương cho họ ?” Khi tôi đang làm việc mục vụ ở Canada, có một linh mục nói với tôi: “Sao các cha dòng Bê-nê-dictô không chịu đi ra ngoài làm việc, cứ ở rú rú trong nhà, không có ích lợi gì cả, trong khi ở ngoài có bao nhiêu việc phải làm !...”

Nhiều người chưa hiểu được đúng đắn bản chất của đời sống chiêm niệm. Họ thiếu điều cách gián tiếp yêu cầu hãy đóng cửa hết tất cả các dòng tu kín trong Giáo hội. Nếu họ khiển trách những vị đan sĩ thì họ nên khiển trách chính Đức Yêsu trước, rằng, “Sao Ngài không rao giảng 33 năm mà chỉ hoạt động có 3 năm thôi ?” Trong suốt 30 năm ẩn dật, chiêm niệm trong “hậu trường”, người ta chỉ thấy Người xuất hiện có một lần duy nhất, lúc Người lên 12 tuổi. Đó là lần sau khi Người cùng với Cha Mẹ Người lên đền thờ, thì Người đã ở lại nói chuyện với các vị kinh sư. Nếu đưa vào một máy tính nào đó, người ta sẽ thấy rõ rằng thời gian chuyên chăm chiêm niệm của Đức Yêsu dài gấp 10 lần thời gian Người hoạt động, đó là chưa kể đến trong 3 năm hoạt động, Người đã để ra bao nhiêu giờ để chiêm niệm...

Phải chăng trong 30 năm ẩn dật, chiêm niệm, Đức Yêsu đã chẳng hay biết gì về chuyện “vết thương vẫn còn đó ...” ? Phải chăng Người đã “đi qua”, cũng “đưa mắt làm ngơ” ? - Không, ngược lại, Người còn biết và thấy rõ hơn chúng ta nhiều, nhưng “giờ Người chưa đến”: Điều quan trọng là sống ***theo thánh ý của Thiên Chúa Cha, thực hiện chương trình của Người***: Thời

gian 30 năm ẩn dật, chiêm niệm của Đức Yêsu vừa là thời gian chuẩn bị cho những tháng ngày sống công khai, vừa chuẩn bị cho những chịu đựng trong cuộc hành trình thương khó và tử nạn, nhưng cũng thực sự là thời gian thực hiện chương trình cứu chuộc: vì Người là Thiên Chúa Cứu chuộc, nên tất cả mọi hành vi của Người đều mang tính cách, giá trị và ý nghĩa cứu chuộc. Không phải lúc Người vác thánh giá mới là lúc chuyển thông ơn cứu chuộc đến cho thế giới, nhưng mọi giờ phút trong cuộc đời của Người đều có giá trị cứu chuộc: từ việc giúp Mẹ Maria trong công việc nội trợ, giúp thánh Giuse trong công việc lao động chân tay, đến những giây phút một mình cầu nguyện với Chúa Cha, tất cả, tất cả đều mặc lấy ý nghĩa cứu độ và ban phát ơn cứu độ cho thế giới. Theo một nghĩa nào đó, trên bình diện con người, Đức Yêsu đã “tĩnh tâm” 30 năm trước khi chính thức đi hoạt động công khai.

Giáo Hội là một vườn hoa muôn màu: Giáo dân có, tu sĩ có. Trong số những tu sĩ, có nhiều tầm mức chiêm niệm và hoạt động khác nhau. Trong thời gian làm việc tại Mỹ, tôi có dịp gặp một Vị Bề trên một dòng tông đồ. Vị Bề trên ấy nói với tôi rằng: *“dòng của chúng con vừa muốn sống tinh thần chiêm niệm của dòng kín Camêlô, vừa muốn có một chút hoạt động; việc hoạt động cũng tùy một phần theo của mỗi cá nhân mà hoạt động nhiều hơn hay ít hơn. Chúng con theo đời sống của Đức Kitô ở điểm: Người vừa có hoạt động vừa có chiêm niệm...”* Nhưng chúng ta cũng biết rằng, đời sống các

dòng kín trong Giáo Hội có thể gọi là “đỉnh cao của đời sống tu trì”, hay nói cách khác là “đỉnh cao của đời sống chiêm niệm”. Có một số người, sau một thời gian sống trong một tu hội hoạt động, đã tìm thấy ý Chúa, và được Chúa dun dủi thuyên chuyển qua một dòng chiêm niệm. Tinh thần của Giáo luật nói rằng, người đó muốn bước qua một bậc tu trì cao hơn, theo bản chất. Trong bậc sống tu trì cao nhất theo bản chất này, người đan sĩ đã *“chọn phần tốt nhất”*, như Maria, em Matta đã chọn.

Ở Việt nam, một trong những cuốn phim được nhiều người Việt nam ưa thích là cuốn *“Im lặng là đỉnh cao của âm thanh”*. Thiết tưởng, nếu quả thực *“Im lặng là đỉnh cao của âm thanh”*, và nếu hoạt động không gì khác hơn là làm cho Lời Chúa được âm vang đi khắp mọi nơi bằng một âm thanh thiêng liêng, thì *“chiêm niệm cũng chính là đỉnh cao của hoạt động”* vậy. Têrêxa Hài đồng và Phanxicô Xavie đều là hai người ra đi *“bằng bó những vết thương vẫn còn đó”*, một người ra đi bằng con đường hoạt động, một người ra đi bằng con đường chiêm niệm, cả hai đều một lòng mến Chúa, ao ước, khao khát cho anh chị em mình đón nhận được ơn cứu độ. Những hy sinh nhỏ bé âm thầm trong bốn bức tường kín của đan viện, nếu được chịu đựng với một con tim tràn đầy yêu thương, và hoà trộn với lời kinh đơn sơ trong đời tận hiến, sẽ tạo nên những hấp lực phi thường, thu hút các linh hồn về với Chúa, có

thể còn hơn cả những người hoạt động lã chã mờ mờ, ngày đêm lam lũ.

Ai trong chúng ta cũng biết qua một chút võ Tàu: “nội công” bao giờ cũng “nguy hiểm” hơn “ngoại công”. Tương tự, theo bản chất, vị đan sĩ thường phải vận dụng “*nội công thiêng liêng*” nhiều hơn...

Ở đây, chúng ta gặp lại một yếu tố quan trọng trong ơn gọi: Chúa gọi mỗi người chúng ta trong những ơn gọi khác nhau, như Nhiệm thể của Chúa Kitô tuy một, nhưng có nhiều chi thể, mỗi chi thể giữ một nhiệm vụ khác nhau: người sống đời chiêm niệm, kẻ được kêu gọi sống đời hoạt động... Mỗi người chúng ta đều phải sống điều thánh Phaolô đã dạy: *“Tôi bổ khuyết nơi thân xác tôi (trong phần của tôi) những gì còn thiếu sót trong cuộc thương khó của Đức Kitô, để Hội thánh, là thân xác của Người được nhờ.”* (Col 1:25). Điều quan trọng của mỗi người chúng ta là *sống trong Đức Kitô*, là một cuộc sống được *Đức Kitô sống trong chúng ta*, để Người cầu nguyện, chiêm niệm, hoạt động trong chúng ta, để biến mọi hành vi của chúng ta - từ hành vi thờ phượng đến hoạt động - đều trở thành hành vi của Đức Kitô, nghĩa là hành vi của tình yêu, hành vi của tình yêu cứu độ.

Thời gian “*quỳ bên chân Chúa*” để lắng nghe lời Người, là thời gian “*tốt nhất*” mà “*Maria đã chọn*”. Nó vừa là thời gian chiêm niệm, nhưng cũng đồng thời mang một ý nghĩa cứu độ trong đó, thời gian tương tự

như thời gian 30 năm ẩn dật của Đức Yêsu cách đây 2000 năm, thời gian Chúa an bài để chúng ta lắng nghe tiếng nói của Người trong thinh lặng của thế giới Thần linh.

“Xin Mẹ Maria, mẫu gương của việc lắng nghe Lời Chúa, và sống chiêm niệm, giúp mỗi người chúng con biết sống trọn vẹn những năm tháng đầu của ngàn năm mới này. Xin Mẹ giúp chúng con sống với Chúa Yêsu như Mẹ, bên cạnh thánh Yuse thâm trầm, đã sống 30 năm với Chúa Yêsu trong căn nhà tại Nazareth. Xin Mẹ luôn hiện diện với chúng con trong thời gian hồng ân này. Amen.”